

Hồ Đức Thọ
(Sưu tầm - Biên soạn)

NGHI LỄ THỜ CÚNG

TRUYỀN THỐNG
CỦA NGƯỜI VIỆT

(TẠI NHÀ, CHÙA, ĐÌNH, ĐỀN, MIẾU, PHỦ)

Danh
Sơn
Cổ
Tích



NGHI LỄ THỜ CÚNG TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT TẠI NHÀ VÀ CHÙA ĐÌNH, ĐỀN, MIẾU, PHỦ

Tái bản lần thứ v



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Ở nước ta, tập tục thờ cúng là một việc làm văn hóa đã có từ ngàn xưa tới nay. Tập tục thờ cúng biểu hiện sự mong ước một cuộc sống tốt đẹp, sự tưởng nhớ những bậc tiên liệt có công với nước, với làng, sự nhớ ơn tới đấng Tổ tiên và các bậc sinh thành v.v... Và mỗi tập tục thờ cúng đều có những nghi lễ thiêng liêng riêng.

*Cuốn **Nghi lễ thờ cúng truyền thống của người Việt tại nhà và chùa, đình, đền, miếu phủ, danh sơn cổ tích** của tác giả Hồ Đức Thọ đã được tái bản nhiều lần, nhằm giới thiệu các nghi lễ thờ cúng trong sinh hoạt hàng ngày của nhân dân ta, mang tính chất khảo cứu và bảo lưu các giá trị văn hóa truyền thống đã có từ ngàn đời nay.*

*Với mục đích đó, chúng tôi xin giới thiệu cuốn **Nghi lễ thờ cúng truyền thống của người Việt tại nhà và chùa, đình, đền, miếu phủ, danh sơn cổ tích** cùng bạn đọc.*

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

I. GIỚI THIỆU

Văn hóa đâu chỉ riêng có lĩnh vực văn thơ, hội họa tạo hình, nghệ thuật âm nhạc, sân khấu mà còn ở cả khía cạnh quyền sống, lối sống của cộng đồng, trong đó có lệ tục, tín ngưỡng. Việc tín ngưỡng đối với Thần thánh, hay việc thờ cúng Tổ tiên, ông bà cũng như đạo giáo đã được thực thi từ lâu đời và trở thành nếp nghĩ truyền thống của cộng đồng dân tộc Việt.

Tư duy đúng đắn cũng như việc làm nhân nghĩa đã đứng vững, mặc dù trải qua những biến đổi lịch sử, những quan niệm lệch lạc một thời và đặc biệt là nạn ngoại xâm, kẻ thù muốn phá đi, xóa đi cái gì là đạo lý, là cội nguồn của dân tộc. Và nó đã tồn tại, tồn tại để phát triển trở thành những di sản văn hóa vô hình (intangile). Cái vô hình đã gắn bó mật thiết với di sản văn hóa hữu thể làm cho đất nước, quê hương thêm đẹp, thêm bình dị và nghiêm nhiên từ thành thị đến làng quê nó đã ngự trị trong đời sống tâm linh cộng đồng.

Nói đến đời sống tâm linh, tất không thể tách rời việc thờ cúng tại gia cũng như ở đền, chùa, đình, miếu, phủ. Lại cũng không phó mặc để trôi nổi một cách tự nhiên, mặc cho khuynh hướng dị đoan phát triển làm ảnh hưởng xấu đến đời sống tinh thần của nhân dân, hoặc hiểu sai việc tín ngưỡng, cấm đoán làm mất đi quyền làm chủ của nhân dân. Thấy sự quan trọng của văn hóa, cương lĩnh của Đảng cộng sản Việt Nam (được thông qua tại đại hội VII) đã đánh giá: Văn hóa là động lực, là nền tảng, mục tiêu phát triển của xã hội ta, đặt kinh tế, xã hội trong mối quan hệ hữu cơ, biện chứng.

Bàn về vấn đề này, các nhà văn hóa Việt Nam cùng tổ chức Văn hóa - giáo dục của thế giới Unesco từ ba thập kỷ qua đã suy ngẫm và đề cập về nội dung tư tưởng cho việc tiến bộ xã hội giữa thời kỳ hiện đại hóa. Phát triển trên cơ sở giữ gìn bản sắc dân tộc, không phát triển bằng văn hóa nhập nghĩa là tha hóa về văn hóa. Cụ thể hơn là chiến lược văn hóa phải chú ý đến cội nguồn văn hóa, tín ngưỡng và phong tục.

Song để giữ gìn và phát huy được nền văn minh Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, thời kỳ hiện đại đâu phải dễ! Phải đương đầu với lối sống lạ lẫm bên ngoài ập tới, phải vượt qua những thách thức nội sinh, những quan điểm lệch lạc, bảo thủ, những vấn đề xã hội giữa thành thị - nông thôn, giữa sự đói nghèo và giàu có, giữa người lao động với lớp người tư sản, tư bản, trí thức...

Trong lĩnh vực tôn giáo tín ngưỡng thì người xưa cũng như các thế hệ hiện tại đã quan niệm là một đạo lý, nói cách khác là có nhân sinh quan đúng mực giữa đất, trời và con người, tức là "thiên - địa - nhân". Do vậy mà từ lâu đời có hiện tượng thờ Thiên thần (Nhiên thần), thờ Thổ địa - thần linh cai quản vùng đất ấy, thờ Nhân thần là những bậc anh hùng cứu quốc, những Tổ sư của các nghề, Tổ khai khẩn mở mang điền địa, làng xã và từ lâu đời ở Việt Nam đã xuất hiện việc thờ cúng cha mẹ, ông bà, nói cách khác là Gia tiên, rồi Gia thần là những vị thần cai quản vùng đất ấy, đặc biệt là "Táo Quân" (còn gọi Thổ công).

Việc thờ Thần ở các công trình tín ngưỡng cũng như Gia thần, Gia tiên tại nhà, hoặc việc lập chùa thờ Phật, lập phủ, lập điện thờ Mẫu có những mục đích thuộc phạm trù đạo đức, uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa. Nhưng cũng còn mục đích cầu Phật, cầu Thánh thần, Gia thần, Gia tiên che chở cho những lúc thất cơ lỡ vận, ốm đau... Cầu để mong có sự âm phù cho mưa thuận gió hòa, thuận lợi cho việc sản xuất nông nghiệp, ngư dân ra khơi vào lộng

đánh bắt cá được bình an, thuyền bè đi lại trên sông biển thuận buồm xuôi gió. Các triều đại phong kiến Việt Nam không ít trường hợp dựa vào ùy Thần, phép Phật để trị quốc an dân, không ít trường hợp cầu Thần, Thánh âm phù để việc chuyển quân đánh giặc được thuận lợi, thành công, không ít trường hợp dựa vào Trời mà lập mẹo để mưu cầu một đại sự cho nước nhà

Tất cả, tất cả những sự việc, hiện tượng kể trên đều liên quan đến việc thờ cúng. Do vậy việc thờ cúng ngoài ý nghĩa giáo lý, cầu thiện, làm điều phúc đức để bảo tồn kỷ cương, trật tự gia đình cũng như xã hội còn có ý nghĩa cầu cúng để đạt được mục đích (cầu được ước thấy) cao nhất về quốc kế dân sinh. Nói khác đi là cầu cúng để mong đạt được "Thiên thời, địa lợi, nhân hòa" nguyên nhân đưa đến mọi thắng lợi cho quốc gia, cũng như làng xã, gia đình, dòng họ.

Thử nhìn lại từ trước Công nguyên, Thục An Dương Vương lập quốc, xây dựng Loa Thành đã dựa vào yếu tố Thần linh để củng cố đế nghiệp. Thần Kim Quy âm phù hộ cho vua việc xây thành, lại ban cho lẫy nỏ làm vật thiêng giữ nước, nhưng khi lời là việc nước, ngạo mạn, chủ quan thì thảm bại ập đến, phải trầm mình ở Nam Hải.

Thế kỷ đầu sau Công nguyên, Trưng Nữ Vương khởi nghĩa đánh nhà Hán xâm lược, cũng làm lễ tế trời đất trước khi cất đại binh giải phóng 65 thành, tên Thái thú gian ác Tô Định phải tháo chạy về nước.

Thế kỷ VI, Tiên Lý Nam Đế rồi Triệu Quang Phục cũng dựa vào yếu tố thần linh, nhờ Chủ Đồng Tử, Tiên ông ban cho móng rồng mà dẹp yên giặc nhà Lương giành độc lập cho dân tộc.

Thế kỷ X, Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 xứ quân cũng dựa vào yếu tố thuận ý trời, nhờ rồng vàng công qua sông Hoàng Long khi nguy cấp mà sau lập nên quốc gia Đại Cồ Việt. Lê Hoàn giữ được ngôi báu cũng có chuyện mẹ ông nằm mơ thấy trong bụng nở hoa sen và khi ông làm con

nuôi viên quan sát họ Lê ở Thanh Hóa, đêm nằm thường có rồng vàng ấp, hào quang tỏa sáng.

Lý Công Uẩn người Châu Cổ Pháp - Bắc Giang, mẹ ông đi chơi chùa Tiên Sơn, gặp người thần giao hợp mà sinh ra ông vào năm "Tuất", ứng với điềm có con vật trong vùng đẻ con sắc trắng, các đốm đen thành chữ "Thiên tử". Lớn lên Lý Công Uẩn được Lý Khánh Văn và sư Vạn Hạnh nuôi dạy thành tài. Năm 1010 ông lên ngôi vua, rời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long. Lý Thái Tổ quan tâm việc lập chùa thờ Phật, lại chú trọng việc tế lễ Trời Đất, Thánh thần. Có lần vua đi ngắm cảnh núi sông, đến bến đò Cổ Sở, thấy khí tốt nơi đây bèn rót rượu xuống đất khấn: "Trẫm xem vùng đất này núi lạ sông đẹp, nếu có nhân kiệt địa linh xin nhận lấy lễ này". Đêm đến vua mơ thấy Thần núi, Thần sông báo mộng... Vua bèn sai lập đền, đắp tượng tế trời cúng tế. Nhưng các vua Lý quá thiên vào đạo Phật, xây dựng hàng ngàn chùa tháp làm tổn hại quốc khố, tổn hại sức dân khiến cuối đời suy vong, ngôi báu về tay họ Trần.

Thời Trần, Phật giáo cũng thịnh hành, lại trọng cả đạo trời; sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép việc dưới triều vua Trần Anh Tông cho lập đền thờ ở cửa biển Cần Hải (tức cửa Cồn, đền Cồn xã Quỳnh Phương, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An). Bối khi vua đem quân đi đánh giặc Chiêm Thành, đóng quân tại đây, đêm chiêm bao thấy có Thần nữ khóc và nói: "Thiếp là cung phi nhà Triệu Tống, bị giặc bức bách, gặp sóng gió chết đuối trôi dạt đến đây, Thượng đế phong cho làm Thần biển ở đây đã lâu, nay bệ hạ đem quân đi, thiếp xin giúp đỡ lập công". Khi thức dậy, vua hỏi sự tình rồi vào đền Cồn tế lễ, bỗng biển lặng, quan quân tiến đến Chà Bàn bắt được vua Chiêm một cách dễ dàng.

Các sách địa chí còn ghi việc vua Trần phong cho nữ Thần ở đền Cồn là: "Đại Càn quốc gia Nam Hải Thánh Mẫu thượng đẳng thần".

Sử cũ và ngọc phả còn ghi việc Bình Định Vương Lê Lợi

tổ chức kháng chiến chống giặc Minh (1418 - 1428) đã cho tướng về đền Cờn làm lễ, mong sự âm phù của Tứ Vị Thánh nương.

Năm Hồng Đức I (1470), Lê Thánh Tông đi bình Chiêm, khi qua quân cảng Cần Hải cũng sửa lễ vào đền mặt đảo. Khi chiến thắng, đoàn quân về qua đền Cờn không vào lễ tạ, đoàn thuyền đến Biện Sơn (cách đền Cờn chừng 10 dặm) bỗng gió đông nổi lên thổi bạt đoàn thuyền trở lại. Vua Lê cho là điềm lạ, sửa lễ vào đền tạ ơn thì sóng gió lại bình yên...

Sau sự việc này vua Lê tiếp tục phong sắc và ban cấp vàng bạc sửa sang đền thờ, ban lệnh quốc tế và định lệ làng, miễn trừ sưu thuế cho dân xã để lo phụng sự nhang khói.

Thời Nguyễn cũng rất chú trọng yếu tố tâm linh, mỗi khi có sự biến cố, hạn hán mất mùa đều lo sửa lễ cầu trời tại đàn Nam Giao cũng như các linh từ trong nước...

Đơn cử đôi điều chứng minh các triều đại phong kiến Việt Nam coi trọng đạo giáo và tín ngưỡng. Còn trong dân gian thì xin hỏi có làng xã nào vắng bóng chùa, đình, đền, miếu, phủ. Việc tín ngưỡng đối với Thánh thần, Tiên, Phật và cả đức Chúa đạo Ki Tô trong quảng đại nhân dân, đã trở thành một nhu cầu trong cuộc sống. Tất nhiên việc tín ngưỡng hay không tín ngưỡng là do sự lựa chọn của từng người, từng nhà không có sự ép buộc. Nhưng tôn giáo nào cũng kêu gọi một tình cảm thiêng liêng của con người đối với đáng tối cao siêu nhiên. Thứ tình cảm đó được chuyển thành tâm lý trong cuộc sống trần tục, mà dân gian tin là sẽ bù đắp được những thiếu hụt trong cuộc sống hiện tại, hy vọng những gì tốt đẹp sẽ đến ở tương lai.

Tín ngưỡng tức là niềm tin của ai đó hướng về Thánh thần, Tiên, Phật cũng như Chúa. Tín ngưỡng hay thờ cúng tại gia cũng vừa là trách nhiệm của hậu duệ vừa gửi gắm niềm tin vào Gia tiên, Gia thần che chở độ trì cho

việc làm ăn, cuộc sống của con cháu hiện tại cũng như tương lai.

Tóm lại, dân gian theo đạo Phật, đạo Ki Tô hoặc tín ngưỡng ở đền, đình, miếu, phủ, từ đường dòng họ hay ban thờ Gia thần, Gia tiên, đều có ước vọng cầu xin các bậc siêu nhiên, siêu trần thế cứu vớt những lỗi lầm, bù đắp những hạn chế, thiếu hụt trong cuộc sống hiện tại và hy vọng mọi sự tốt đẹp sẽ đến khi về cõi vĩnh hằng. Việc phụng đạo, tín ngưỡng cũng như thờ cúng Gia thần, Gia tiên trong thời kỳ hiện đại hóa đất nước đã bớt đi những thủ tục rườm rà, việc tang ma, cúng lễ nhằm nhí, đã giảm nhiều điều lạc hậu. Nhưng nghi thức cúng lễ trong lễ tiết, thiết tưởng không nên thiếu những kiến thức cơ bản. Còn nếu biết và dùng các bài văn khấn, hẩn trong lễ tiết, trong kỵ nhật sẽ tăng thêm phần trịnh trọng, minh bạch, sẽ hạn chế những phi lý, phi khoa học trong cúng lễ. Nói cách khác là kêu cầu đúng ban, đúng chỗ thì mới tỏ rõ có văn hóa, mới có thể "Tâm động quỷ thần tri".

Trước đây Phan Kế Bính viết "Việt Nam phong tục", một số tác giả viết "Dâng hương tập tục và nghi lễ", "Văn khấn nôm truyền thống", "Phong tục thờ cúng trong gia đình Việt Nam", "Tìm hiểu phong tục Việt Nam, nếp cũ - tết lễ - hội hè", "Lịch lễ hội", "Tự điển lễ tục Việt Nam" đã đóng góp nhiều công sức trong việc tìm hiểu đời sống tâm linh trong dân gian, đã góp phần làm cho dân gian hiểu về việc làm với ý nghĩa: "Ăn quả nhớ người trồng cây", cũng như hướng vào điều thiện để được "thiện giả thiện lai"... Nhưng nghiên cứu về tục lệ, nghi thức thờ cúng Việt Nam trong hoàn cảnh đất nước ta vừa bị nạn ngoại xâm tàn phá vừa do hậu quả chiến tranh đời sống kinh tế, văn hóa thấp kém, sách cổ bảo tồn không được nhiều. Và trong tình hình xã hội biến đổi... tất nhiên chưa có thể hoàn mỹ.

Để góp phần làm sáng tỏ thêm về nghi thức thờ cúng Việt Nam, chúng tôi cho ra đời tập sách: "Nghi lễ thờ cúng

truyền thống, tại nhà và các danh lam cổ tích đình, đền, chùa, miếu, phủ", hy vọng sẽ giúp mọi người hiểu thêm về việc thờ cúng tại nhà, hiểu việc lễ Phật, lễ Thánh, Thần, lễ Mẫu một cách đầy đủ hơn, chăm hương ở ban nào hiểu lai lịch ban ấy, không còn tình trạng chỉ biết vái không cần biết vái ai, đọc văn khấn sai ban thậm chí còn sai cả đền thờ...

Nghiên cứu quá khứ đã khó, viết về quá khứ càng khó, do vậy tập sách nhỏ này không tránh được những điều khó tránh, mong các độc giả gần xa, các bậc túc nho, các nhà nghiên cứu đi trước thể tất cho những sai sót, hy vọng sẽ góp phần vào việc làm phong phú thêm cho kho tàng văn hóa dân tộc.

Tập sách "Nghĩ lễ thờ cúng truyền thống của người Việt tại nhà và chùa, đình, đền, miếu phủ, danh sơn cổ tích", chúng tôi sẽ phân chia các đề mục sau:

I. Lời giới thiệu

II. Nghi lễ thờ cúng tại nhà

1. Mấy nét về bản chất và đạo lý gia tộc
2. Từ lễ tiết đến kỵ nhật Gia tiên.

III. Nghi lễ ở chùa, đình, đền, miếu phủ, danh sơn cổ tích

1. Khái quát về tín ngưỡng dân gian
2. Lên chùa lễ Phật
3. Các danh sơn cổ tích - chùa cảnh cần lưu ý
4. Lễ tại đình
5. Lễ tại đền miếu phủ
6. Một số đền miếu phủ tiêu biểu

IV. Mấy lời kết

Tác giả cần chí

II. NGHI LỄ THỜ CÚNG TẠI NHÀ

1. MẤY NÉT VỀ BẢN CHẤT VÀ ĐẠO LÝ GIA TỘC

Có gia đình mới có gia tộc, nhiều gia tộc hợp thành làng, nhiều làng xã hợp thành nước. Như vậy, gia đình là tế bào của xã hội, của dân tộc.

Dân tộc Việt Nam coi trọng chữ đức. Đức còn có đức nhân, tức là giữ đạo làm người (nhân dã giả nhân dã). Làm người còn phải có đức nghĩa:

"Quân tử dĩ nghĩa vi chất"

(Người quân tử phải giữ điều nghĩa)

Cổ nhân còn giáo huấn đạo làm người phải giữ lễ, có trí, giữ gìn chữ tín, lòng trung thành, đức tính cần, kiệm, liêm, chính. Đối với gia đình, gia tộc phải lấy chữ hiếu làm đầu.

Lịch sử nhân loại, nhất là lịch sử phương Đông có biết bao tấm gương "hiếu hạnh". Công chúa Thiệu Dương, thứ nữ của Thượng Hoàng Thái Tôn, nghe tin cha mất khóc đến chảy máu mắt rồi qua đời (1277). Đầu thế kỷ XIX ở Phương Cần, Quỳnh Lưu, Nghệ An có Lê Trình hết lòng phụng dưỡng cha mẹ. Có lần mẹ bị bệnh cần phải có dạ dày con nhím mới chữa khỏi, Trình liền vào rừng tìm kiếm và vào đến Bạch Y cầu khẩn, mới bắt được nhím đem về chữa

bệnh cho mẹ. Cha của Lê Trình bị quân cướp biển bắt và buộc phải nộp 150 lạng bạc mới tha. Lê Trình dốc hết gia sản chỉ được 90 lạng nên chúng định giết cha ông. Lê Trình khóc lóc xin được chết thay cha. Bọn giặc thấy vậy động lòng thương, tha cho ông không lấy tiền bạc gì cả.

Người xưa đã lấy việc hiếu để răn dạy đời:

"Hiếu thuận hoàn sinh hiếu thuận tử"

(Người hiếu thuận ắt sinh con hiếu thuận)

Do vậy việc thờ cúng Tổ tiên, ông bà cũng như cha mẹ và người thân trong nhà, trong họ được mọi người chú ý. Mọi người cũng xác định quan hệ họ tộc là mật thiết. Có Tổ tiên mới có ông bà, ông bà sinh ra cha mẹ và cha mẹ sinh thành ra mình. Công sinh thành dưỡng dục lớn lao không kể xiết, mà dân gian đã đúc kết thành lời ru:

Công cha như núi Thái Sơn,

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Một lòng thờ mẹ kính cha

Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

Do vậy, mà khi cha mẹ qua đời, con cháu phải lo tang ma chu đáo. Đây là một điều lễ theo lẽ trời, một phép tắc của con người.

Theo sách "Thọ mai gia lễ" của Hồ Sĩ Tân, đỗ Tiến sĩ năm 1721, làm quan Thị Chế Viện Hàn Lâm thì phàm con người ta muốn giữ điều hiếu cùng cha mẹ, còn phải đối với anh em sao cho khỏi mất lòng. Ông đưa lời Thánh nhân dạy: "Việc lễ cốt lấy chữ hòa làm quý", và "Việc lễ là xa xỉ tốn kém, nên tang chế cần tiết kiệm và cũng tùy thời thôi". Đạo làm con phải giữ điều này, tránh xảy ra việc bất hòa, cũng như sau tang ma phải bán đất, bán nhà vong gia bại sản.

Xưa đã có nhiều người vì quá nặng chữ hiếu nên sau khi tang ma gia đình khánh kiệt. Nhiều quan lại có việc đại tang phải cáo quan về nhà phục tang ba năm, sau đó mới tiếp tục ra làm quan khiến sản nghiệp cũng như sự nghiệp bị giảm sút, thậm chí bị thất cơ lỡ vận. Ngày nay, việc tang ma đã cải tiến, chế độ phục tang đã cải tiến cho hợp thời, tránh được những lễ phục phiền hà không cần thiết. Nhưng việc thờ cúng, lập ban thờ Tổ tiên, ban thờ người mới mất để giữ lấy "đức nghĩa" của đạo người, đạo làm con vẫn được bảo tồn.

Phan Kế Bính viết trong sách "Việt Nam phong tục" "Xét cái tục phụng sự Tổ tiên của ta rất là thành kính, ấy cũng là một lòng bất vong bản, ấy cũng là nghĩa của người".

Ở Việt Nam, một số người theo đạo Thiên Chúa không thiết lập ban thờ Tổ tiên như bên lương, nhưng các ngày kỷ niệm họ đến trước ban thờ Chúa cầu nguyện cho Tổ tiên mình. Gần đây giáo dân cũng đã có sự hòa nhập với lương dân, có nơi đã lập ban thờ Tổ tiên, thậm chí còn đi lễ chùa, lễ đền như lương dân. Đây là điều chứng minh sự tôn trọng cội nguồn dân tộc. Tín ngưỡng, đạo giáo nào cũng không thể làm mất đi bản chất, đạo lý của dân tộc.

Trong dân gian, tuyệt đại đa số ban thờ Tổ tiên, các chi họ lớn có từ đường thờ Tổ của chi có (theo quan niệm "ngũ đại mai thân chủ"), nhưng ngành trưởng vẫn phụng sự từ đường "đại tôn". Nhiều họ, từ đường "đại tôn" thờ đến các bậc Thủy tổ 30 đời, 40 đời như từ đường họ Nguyễn, họ Trần...

Có người quan niệm Tổ tiên về cõi vô hình, nhưng linh hồn không thể mất, vẫn có thể lui tới ban thờ chứng kiến việc làm ăn của con cháu, chứng giám tấm lòng thành của con cháu trong các ngày kỵ nhật, lễ tiết hàng năm. Người

Việt cổ còn cho rằng "trần sao âm vậy". Lúc ở trần gian ưa thích gì thì khi về cõi âm cũng cần các thứ đó, nghĩa là cần quần áo, tiền để tiêu pha như khi sống. Phải chăng bởi quan niệm này mà thường nhật, trước ban thờ Gia tiên nếp sống trong gia đình bớt đi những ngôn ngữ thô tục, những việc làm không tốt động chạm tới vong hồn cha mẹ, ông bà. Có nghĩa là phải sống có đạo lý, hòa hiếu để đẹp lòng người đã khuất, phải chăm chỉ mọi việc cho thành đạt để đẹp ý ông bà, rạng rỡ Tổ tiên.

Cũng có người cho rằng chết là hết, lập ban thờ Gia tiên để tưởng niệm, nhưng nghi thức cúng lễ vẫn đảm bảo theo phong tục, hòa nhập với cuộc sống làng xã là được.

Lại có số ít người không lập ban thờ tại gia, cho việc khi chết thì theo về với Tiên tổ, chỉ cúng ở từ đường dòng họ.

Trong xã hội hiện đại, mọi khuynh hướng đều khó có thể tranh cãi. Song với bản chất dân tộc, bởi đạo lý nên mọi gia chủ mỗi khi trong gia đình có công to việc lớn, mỗi khi sản xuất, chăn nuôi, trồng trọt thành đạt thì đều sửa lễ cáo yết với Gia thần, Gia tiên.

Cũng có gia chủ khi trong gia đình có điều trắc trở như ốm đau, chơi bời quá độ, hoặc bị kẻ khác gây rối... đều sửa lễ cáo yết với Tổ tiên, mong Gia thần, Gia tiên âm phù cho tai qua nạn khỏi.

Những việc làm trên đây là nét đẹp về đạo lý, về tâm tư tình cảm của người đang sống với người đã chết, họ mong muốn người thân "bất tử", thể xác không còn nhưng linh hồn không thể mất, tồn tại và mãi mãi tồn tại để dìu dắt cháu con, che chở cho cháu con tai qua nạn khỏi, cho dòng họ nối tiếp phát triển "Nguyên viễn trường lưu" (nguồn xa dòng dài).

Nhiều từ đường dòng họ hoặc trước ban thờ Gia tiên thường có câu đối:

Tiên tổ anh linh, con cháu của nhà thịnh vượng,

Tuế thời tưởng niệm, khói hương nghi ngút dài lâu.

Hay câu đối:

"Phúc sinh phú quý gia đường thịnh,

Lộc tiến vinh hoa tử tôn hưng".

(Nhờ phúc đức mà gia đình phú quý thịnh vượng,

Tài lộc công danh con cháu ngày một nhiều thêm).

Ý nghĩa việc thờ cúng Tổ tiên để giữ đạo làm người, "uống nước nhớ nguồn" cốt ở tâm thành, không phải câu nệ cỡ to, cỡ bé. Có thì làm nhiều, không có thì làm ít, miễn sao cho tinh khiết, thành tâm. Nhưng nếu biết nghi thức cúng lễ sẽ làm cho ngày kỷ niệm thêm phần trịnh trọng, nếu có Gia thần, Gia tiên chứng giám sẽ hài lòng hơn, bởi con cháu biết phép kêu cầu không đến nỗi đặt lễ, khấn vái thô thiển, thiếu phép.

Dưới đây, chúng tôi xin giới thiệu tập nghi lễ thờ cúng truyền thống, trên cơ sở khảo sát và dựa vào các sách địa chí, phong tục, Thọ mai gia lễ... của các bậc tiền bối. Đồng thời tham khảo các sách viết về phong tục thờ cúng, dâng hương... mà nhiều tác giả gần đây đã xuất bản.

2. TỪ LỄ TIẾT ĐẾN KỶ NHẬT GIA TIÊN

Việc thờ cúng tại nhà hàng năm, có hai phần rõ rệt:

- Lễ tiết trong năm.
- Kỷ nhật (giỗ), hiếu, hỷ, sóc, vong...

A. LỄ TIẾT TRONG NĂM

Trong năm về lễ tiết thường có: Tết Nguyên đán, lễ

Thượng Nguyên, lễ các tổ nghề (tháng 2), Tiết Thanh Minh, tháng Tết Hàn Thực (3-3), Tết Đoan Ngọ (5-5), Lễ Thất Tịch (7-7), Lễ Trung nguyên (15-7), Tết Trung Thu (15-8), Lễ Trùng Cửu (9-9), Trùng Thập (10-10). Còn tháng 11 và tháng Chạp khô ráo thường xây sửa mộ, bốc mộ, lễ Khổng Tử, danh y, lễ hiến xảo, lễ Thần tài.

Tết Nguyên đán là tết đầu năm (Nguyên là bắt đầu một năm, đán là buổi sớm) mở đầu cho một năm mới. Tết được mở đầu từ ngày 1 tháng Giêng. Tháng Giêng là tháng Dần. Đây là tháng vừa hết mùa đông giá lạnh, mở đầu cho mùa xuân ấm áp, cây cỏ đâm chồi nảy lộc, trăm hoa đua nở, lòng người phấn chấn hy vọng một mùa xuân mới với những thắng lợi mới.

Sử cũ cho biết từ đời nhà Hạ ở Trung Quốc (2205 trước Công nguyên (TCN) - 1766 TCN) đã chọn tháng Giêng, tháng đầu trong năm là tháng Dần. Các đời Ân, Chu, Tần Thủy Hoàng lại thay đổi nhưng đến đời Hán Vũ Đế (140 TCN) vẫn chọn tháng đầu năm là tháng Dần như nhà Hạ và được duy trì đến ngày nay.

. Nhân dân Việt Nam chọn tết Nguyên đán là lễ tết quan trọng nhất và đã trải qua hàng ngàn năm được duy trì như ở Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên. Tết Nguyên đán đã trở thành niềm vui của dân tộc. Mọi tầng lớp, mọi độ tuổi trong xã hội, giàu có hay nghèo túng, bình dân đều coi tết Nguyên đán là sinh hoạt văn hóa không thể thiếu trong năm.

Tết đến, mọi đường ngõ, nhà cửa được quét dọn sạch sẽ. Từ các vật dụng trong nhà, nồi niêu bát đĩa cũng được lau chùi, cọ rửa chu đáo để đón chào một năm mới cho may mắn. Người giàu có dư thừa thì vui vẻ đón tết sao cho thật phong phú vui tươi. Người nghèo túng cũng cố trả hết nợ nần để tâm hồn thanh thản, có ít vui ít, có nhiều vui nhiều

cũng lo lắng chuẩn bị đón mùa xuân với hy vọng mới. Do vậy từ giàu đến nghèo đều cố tạo một diện mạo ngày xuân tươi vui sau một năm lao động, buôn bán vất vả.

Trong ngày tết, người thân được sum họp, chia xẻ nỗi vui, buồn trong năm. Bạn bè được gặp gỡ tay bắt mặt mừng chúc nhau một năm mới đạt được thắng lợi mới.

Ngày tết còn là cơ hội để đền ơn đáp nghĩa, ôn cố tri tân và dưới mái đình, mái chùa, từ đường dòng họ, bên cạnh ban thờ Gia tiên mọi nỗi lòng được cởi mở, mọi tâm niệm đối với Phật, Thánh, Gia thần, Gia tiên được nhỏ, to bộc lộ để đạt ước nguyện một năm mới công tác tiến bộ, buôn may bán đắt, sức khỏe dồi dào, mùa màng bội thu, hy vọng "phú, quý, thọ, Khang, ninh".

Theo tục lệ cổ truyền thì tết Nguyên đán phải kể từ chiều 23 tháng Chạp. Đây là ngày quy định ông Táo phải lên châu trời để trình với Ngọc Hoàng thượng đế mọi hành vi của gia chủ, do đó có lệ tiễn chân ông Táo châu trời.

1. Lễ ông Táo ngày 23 tháng Chạp (có người cúng 22 tháng Chạp)

Ông Táo còn gọi Táo Quân, hay Thổ Công là vị Thần trông coi mọi hoạt động của gia chủ, ngăn cản sự xâm phạm của ma quỷ vào thổ cư, do vậy theo dân gian thì đây là vị thần liên quan đến việc họa việc phúc của gia chủ.

Theo dân gian thì ông Táo hay Thổ Công gồm có 3 vị (hai ông, một bà), có nơi còn gọi vua Bếp, và truyền thuyết về sự tích như sau: Xưa có người tên là Trọng Cao, lấy vợ là Thị Nhi, nhưng ăn ở với nhau đã lâu mà đường con cái muộn mằn, sinh ra buồn phiền, xích mích. Một hôm Trọng Cao đánh vợ, Thị Nhi bực tức bỏ nhà ra đi và gặp Phạm Lang tạo cuộc sống mới nên vợ nên chồng.

Trọng Cao ân hận, bỏ công ăn việc làm, đi khắp mọi nơi tìm vợ và trở thành người hành khất cho qua ngày. Có lần Trọng Cao vào một nhà xin ăn, được bà chủ mang cơm ra dãi. Trọng Cao nhận ra bà chủ là Thị Nhi và bà chủ cũng nhận rõ người hành khất là chồng cũ của mình. Hai người ân hận, hàn huyên, lại sợ Phạm Lang về bắt gặp thì khó nói, nên Thị Nhi bảo Trọng Cao ẩn vào đồng rơm ngoài vườn để nàng tìm cách lo liệu cho êm đẹp.

Trọng Cao một mỗi ngủ thiếp trong đồng rơm. Lúc đó Phạm Lang về nhớ việc thiếu tro bỏ ruộng, liền châm lửa đốt đồng rơm. Sự việc nhanh chóng xảy ra, Thị Nhi chạy ra thấy vậy, quá xúc động thương tình liền nhảy vào đồng lửa chết theo Trọng Cao. Thấy vợ chết cháy, Phạm Lang thương xót tiếp tục nhảy vào đồng lửa đang cháy đó. Như vậy, hai ông một bà đều bị chết cháy. Thượng đế thương tình ba người sống có nghĩa, có tình nên phong cho làm Táo Quân và giao cho Phạm Lang là Thổ Công trông nom việc trong bếp, Trọng Cao là Thổ Địa trông coi việc trong nhà, còn Thị Nhi là Thổ Kỳ trông nom việc chợ búa.

Nhưng có truyền thuyết lại nói Thị Nhi đang hóa vàng, thấy chồng cũ lơ vận liền đem tiền gạo ra cho nên bị Phạm Lang nghi ngờ, Thị Nhi liền nhảy vào đồng lửa tự tử. Thấy vậy Trọng Cao nhảy vào lửa chết theo. Phạm Lang cảm xúc thương tình nhảy theo vào đồng lửa cùng chết cháy. Thượng đế biết sự việc phong cho làm Táo Quân...

Thường thì chiều 22 tháng Chạp làm lễ tiễn Táo Quân, để 23 tháng Chạp ông Táo lên châu trời, tấu trình mọi sự của gia chủ, đến trưa 30 tháng Chạp thì có mặt tại nhà tiếp tục công việc...

Theo Trần Hàn Tấn trợ bút trường Viễn Đông Bác Cổ (1929) thì ngày 24 vua Bếp lên châu trời, chiều 30 tết về

nhà. Còn vua Bếp Trung Quốc 24 tháng Chạp lên châu trời, ngày mồng 5 tết mới về hạ giới.

Từ sự tích trên nên sấm mũ Thổ Công thường có ba chiếc, một của nữ Thần, hai của nam Thần, hoặc chỉ sấm một chiếc mũ nam Thần có cánh chuồn kèm theo là áo và hia cùng bộ bằng giấy là được.

Theo sách *Nam Định địa dư chí* của tiến sĩ đốc học Khiếu Năng Tĩnh thế kỷ XIX, mục phong tục thì mũ và áo của Táo Quân màu vàng. Nhưng có sách lại nói màu sắc tùy thuộc từng năm, ứng với các hành Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

Bài vị thờ Táo Quân thường chỉ đề:

"Đông trù tư mệnh Táo phủ Thần Quân"

Hoặc đề:

"Bản Thổ phúc đức Tôn Thần"

(Vị thần định sự phúc đức cho gia đình)

Cũng có nơi lại ghi bài vị:

"Định phúc Táo Quân"

(Ông Táo định việc phúc)

Có người còn quan niệm Táo Quân là vị chủ thứ nhất của nhà: "Đệ nhất gia chi chủ" nên khi cúng lễ đều phải khấn Táo Quân trước.

Lễ vật trên bàn Thổ Công, ngoài mũ, áo, hia, bài vị còn có thêm cây mía (làm gậy chống), giấy vàng, giấy bạc, trầu nước, hoa quả. Những ngày lễ lớn đặc biệt là 23 tháng Chạp thì có thêm cỗ mặn (xôi, rượu, thịt), một con cá chép sống. Lễ xong sẽ phóng sinh con cá ra ao hoặc ra sông, con cá sẽ hóa rồng đưa Thổ Công lên trời.

Sau khi sắp đủ lễ vật, sẽ thắp đèn, nến sáng bàn thờ

rồi châm hương. Có người không dùng lửa ở đèn thờ để châm hương, mà dùng lửa khác để châm hương. Hương thường được dùng số lẻ 1, 3, 5 nén, vì số lẻ thuộc dương. Theo dịch lý thì dương tượng trưng cho Trời, cho sự nảy nở của muôn vật... nên dùng số lẻ là như vậy.

Nếu trên bàn thờ có hai, ba, hoặc bốn bát nhang cũng đều phải châm số lượng hương như nhau.

Sau khi châm hương, người chủ gia đình vái bốn vái rồi đọc văn khấn, hoặc khấn không có văn, khấn xong lại vái tạ bốn vái (vái khác với bái, "cúc cung bái" khi tế). Khi vái hoặc bái, hai bàn tay áp vào nhau, hoặc cài ngón vào nhau đều là biểu tượng của sự giao hòa, là cảm ứng của âm - dương nên không được chấp tay hoặc cài ngón cầu thả, để so le. Và điều cốt yếu khi vái hoặc bái, người thực thì phải tâm thành, phải trầm tư như trước mặt mình là Gia thần, Gia tiên. Sự thành kính, nghiêm túc sẽ khiến cho Thần linh chứng giám, nếu thiếu sự thành tâm, bày lễ lên lấy lệ, khấn vái không nghiêm túc thì đó là sự nhạo báng.

Khi cháy gần hết tuần nhang, gia chủ thấp tiếp tuần nhang khác, vái bốn vái xin phép Gia thần, Gia tiên hóa vàng (đốt giấy vàng, giấy tiền). Khi hóa xong thì đổ vào đồng tro một chén rượu (dân gian cho rằng đổ chén rượu vào đồng tro thì cõi âm mới nhận được số vàng, mã cõi dương chuyển đến). Hóa vàng xong thì hạ lễ. (Khi hạ lễ cũng phải vái bốn vái xin phép).

Có luận điểm còn cho việc thấp 3 nén nhang là tượng trưng cho ba ngôi Trời, Đất, Người (Thiên - Địa - Nhân) là biểu hiện tương cảm, tương ứng của nguyên lý vũ trụ phương Đông.

** Lễ ngày 23 tháng Chạp*

Theo tiến sĩ Khiếu Năng Tĩnh, viết về phong tục thì ông Táo là vị Thần được Thượng đế phân công cai quản ở một nhà, đồng thời coi giữ cảnh thổ ấy, nên khi gia đình có việc lễ phải kêu với ông Táo trước, để ông Táo biết việc làm của gia chủ, rồi mới lễ Gia tiên. Như vậy, phần văn khấn nếu có ban thờ riêng thì lễ ở ban Táo Quân, đọc văn khấn Táo Quân trước, rồi mới lễ tại ban thờ Gia tiên.

Nếu ban thờ Gia thần cùng chung với ban thờ Gia tiên (hoặc chỉ thêm một bát hương Gia thần hơi cao hơn bát hương Gia tiên một chút) thì văn khấn cũng phải đọc phần Gia thần (Táo Quân) trước rồi mới đến văn khấn Gia tiên.

Bài khấn nôm ngày 23 tháng Chạp

Hôm nay là ngày tháng... năm

Tên tôi (hoặc con) là... cùng toàn gia ở thôn... xã... huyện... tỉnh...

Kính lạy đức "Đông Trù tư mệnh Táo phủ Thần Quân"
(Có thể khấn thêm)

"Thổ địa Long mạch Tôn Thần"

"Ngũ phương ngũ thổ Phúc đức Chính Thần"

Hàng năm gặp tiết hết năm, tháng vừa cuối chạp

Gia đình sửa lễ bái dâng lên

Cảm tạ phúc dày nhờ Thần phù hộ

Kính mong Thần tấu bẩm giúp cho:

Bên trong nếp sống rất hòa, ngoài mặt dám rằng cũng
đẹp

Cảm thông xin tấu thực thà

Cầu trông giúp đỡ lợi lạc

Người người no ấm, cả nhà thêm tiếng tốt lấy lòng,
Việc việc thành công, một cửa ngút khí lành man mát
Muôn trông ơn đức vô cùng vậy!

Cần cốc (vái 4 vái)

Một bài khấn dân gian khác ngày 23 tháng Chạp

Kính lạy ngài "Đông trù tư mệnh Táo phủ Thần Quân"

Con là... đồng gia... ở thôn... xã... huyện.... tỉnh...

Nhân ngày 23 tháng Chạp, gia chủ chúng con, sửa biện
hương hoa, phẩm vật áo mũ;

Kính cẩn dâng lên, dốc lòng bái thỉnh

Phỏng theo tục lệ, kính lạy Gia thần

Đại xá lỗi lầm, gia ân giáng phúc

Ban tài ban lộc, giúp đỡ toàn gia

Lớn bé vui hòa, khang ninh thịnh vượng

Cẩn cáo.

Lại một bài *Văn khấn Táo Quân*

(Như trên phần mở đầu...)

Vị tiên, tôn thần, đức lớn thẳng ngay, ơn to rộng khắp,
Đông Tây Nam Bắc ăn ở đều yên, sỹ-nông-công-thương lại
qua đều thuận, bốn dân ca ngợi công lao, mọi chốn vui vầy
đức độ.

Phúc thiện họa dân mệnh trời xét không sai một chút,
phù trì giúp đỡ mong Thần coi có sự gia ân. Phép vẫn chia
ra sau trước, lễ phải trên dưới rõ ràng.

Đến nay, năm đã hầu tàn, gặp lúc châu trời đã tối, tảo
tân kính lạy, gieo tiền xin mưa móc theo xe, quỳ hoắc đặt
bày, ném quả đọi dương xuân thấy lối. Hết tai vạ cũ, ngợi

ca câu bóng mát cây bàng, gặp phúc lộc mới tiếp tới nói đây đưa dài mãi.

Thực trông chờ ơn lớn nhân từ khoan nhượng của tôn thân vậy.

Cẩn cố!

2. Lễ trừ tịch chiều 30 tết - Lễ Giao thừa

Chiều 30 tết còn gọi là chiều ngày trừ tịch. Sau khi quét dọn nhà cửa cổng ngõ, sửa sang bàn thờ, bỏ hết chân nhang cũ, chỉ bớt lại 1 hoặc 3 chân nhang cũ đẹp nhất, đốt thêm tro bỏ vào cho đầy, cắm chân nhang cho nghiêm rồi đặt lên bàn thờ.

Ra nghĩa địa thắp hương Tiên tổ và thân thích, khấn mời Tiên tổ về chứng giám ngày tết của con cháu (không thắp hương mả mới). Dựng cây nêu phía trước nhà (lệ cũ), dán câu đối, treo tranh ảnh, trả nợ nần, sửa cổng ngõ...

Làm cỗ cúng Gia thần, Gia tiên.

Lập ban đặt lễ tiễn quan đương niên cũ và sắp lễ chuẩn bị đón quan đương niên mới.

Nên treo đèn trước nhà và trước bếp. Đi đâu đến hết giờ Tuất cũng phải về, từ 10 giờ đêm thì không nên đi ra ngoài (trừ công việc đặc biệt)

Trước giờ Tý phải làm lễ tiễn quan đương niên cũ sau đó đón quan đương niên mới. Đến đầu giờ Tý mọi chuyện phải xong để chuẩn bị đón giao thừa.

Mỗi năm có một vị quan đương niên nên việc làm số tấu cũng như lễ vật phải chú ý:

- Năm Tý:

Quan đương niên là Chu Vương hành khiển, Thiên Ôn hành binh chi thần, Lý Tào phán quan.

Năm Sửu:

Triệu Vương hành khiển, Tam thập lục thương hành binh chi thần, Khúc tào phán quan.

- Năm Dần:

Ngụy Vương hành khiển, Mộc tinh hành binh chi thần, Tiêu tào phán quan.

- Năm Mão:

Trịnh Vương hành khiển, Thạch tinh hành binh chi thần, Liễu tào phán quan.

- Năm Thìn:

Sở Vương hành khiển, Hỏa tinh hành binh chi thần, Biểu tào phán quan.

- Năm Tỵ:

Ngô Vương hành khiển, Thiên hao hành binh chi thần, Hứa tào phán quan.

- Năm Ngọ:

Tuần Vương hành khiển, Thiên hao hành binh chi thần, Vương tào phán quan.

- Năm Mùi:

Tống Vương hành khiển, Ngũ đạo hành binh chi thần, Lâm tào phán quan.

- Năm Thân:

Tê Vương hành khiển, Ngũ miếu hành binh chi thần, Tống tào phán quan.

- Năm Dậu:

Lỗ Vương hành khiển, Ngũ nhạc hành binh chi thần, Cự tào phán quan.

- Năm Tuất:

Việt Vương hành khiển, Thiên bá hành binh chi thần, Thành tào phán quan.

- Năm Hợi:

Lưu Vương hành khiển, Ngũ ôn hành binh chi thần, Nguyễn tào phán quan.

Như vậy màu sắc cũng như những điều kiêng kỵ đã nhắc để chúng ta sắm, hoặc kiêng tránh khi sửa lễ. Ngoài lễ vật hương hoa, trầu, rượu, bánh, xôi, gà còn thêm áo giấy, tiền giấy, giấy vàng... để đưa tiễn hoặc đón tiếp các vị Hành khiển hàng năm, cũng như các vị Phán quan của nhà Trời.

Dân gian quan niệm vai trò quan trọng của các vị Thiên quan đối với mọi hành vi ở cõi đời. Vị quan Hành khiển nhà trời, người sẽ trình lên thượng cấp những sự việc xảy ra ở gia chủ và hạ giới, cùng vị Phán quan giúp việc ghi chép mọi sự. Ngoài ra còn có thêm các vị thần bản địa như Thành hoàng làng, Gia thần nghênh đón, phục dịch tương tự lối sống cõi trần. Mỗi khi quan cấp trên về thì cấp dưới phải đi theo phù tá, đồng thời tiếp thu các chỉ giáo của thượng cấp để thi hành. Do vậy, nhiều gia đình sửa lễ rất cẩn trọng. Gà lễ thường để cả con, giữ nguyên bộ lông đặt trên miếng tiết, lại cài cánh tạo thế gà chầu khiến nghi lễ thêm phần trang trọng.

Sau khi lễ tiễn quan đương niên cũ, sẽ tiến hành lễ đón quan đương niên mới (tổng cựu nghinh tân). Lễ vật cũng được chuẩn bị trước và đúng giờ phút Giao thừa sẽ tiến hành thắp đèn nhang, làm thủ tục lễ, đọc văn khấn xong thì hóa tờ văn. Như vậy, chiều 30 và đêm 30 sẽ phải tiến hành làm lễ tất niên (chiều 30 tết), lễ trước và

trong lúc Giao thừa, vừa tổng cựa nghinh tân, vừa cúng lễ Tiên tổ.

Phần văn khấn thì mỗi tuần tiết có nội dung khác nhau, nhưng phần mở đầu các bài văn khấn có sự giống nhau, nên phần mở đầu có thể khấn:

Văn khấn Tiên tổ tiết Xuân Thu

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh... huyện... xã... thôn...

Hôm nay là ngày.... tháng... năm

Tín chủ là... đồng gia cúi lạy trước bàn thờ, kính dâng lễ mọn: hương, đăng cùng các phẩm vật, gọi là tỏ chút lòng thành dâng lên: Tiên tổ.

(Lạy các vị thần linh...)

(Dưới đây là văn tế Tiên tổ đọc tiếp phần trên)

Phần âm Hán:

Ư linh vị tiên viết:

Vật bản hồ thiên, nhân bản hồ tổ.

Từ thế đức chi tác cầu, thực gia khương chi vĩnh dụ

Tiếp vũ tương dâng ư lục địa

Quế hòe dịch diệp chi phương

Di mưu vô giám ư đồng, nhân qua diệt liên chi chi tú.

Bất thiên chi công đức cập kim như kiến chi hiếu hiền,

Phất thế chi tổ tông tự cổ diệp đồng chi bản mạt.

Nhi tôn mỗi đáo Xuân Thu, cảm khái trương chư sương lộ.

Huân cao dục úy ư khâm phụ, chiêu cách tái kê ư tuy tự.

Tư thích lương thân, cần trần lễ số
Vân biên linh sáng kỳ lâm bất viễn chi tinh thần
Lân chỉ trình tường thượng diễn vô cùng chi tác dụng.
Vạn vọng Tiên tổ vô biên chi đức đã

Dĩ Văn

Dịch nghĩa

Ôi! Trước linh vị thưa rằng:
Gốc của vật do Trời sinh ra,
Gốc của người là nhờ Tiên tổ
Nghĩ việc đức ở đời mà tìm
Thực là điều cần dặn về nề nếp.
Cho gia tộc ngày thêm danh tiếng,
Các chi cành khắp chốn nở hoa.
Để lại mai sau cho con cháu hiền hòa,
Nhờ việc đức mà nay nhà nhà êm ấm
Chẳng phải Tổ tông xưa cùng ngành cùng gốc,
Khiến nay cháu con mỗi tiết Xuân Thu,
Lại thấy được công ơn của Tiên tổ.
Mong sao cho tốt đẹp mãi về sau,
Chính là điều để mọi người suy ngẫm.
Ngày ngày làm điều ích,
Việc lễ được đặt ra.
Mây sáng lại anh linh,
Rõ ràng chẳng phải xa.
Là diêm tốt rõ ràng,

Để mai này soi rọi.

Muôn xin Tiên tổ mở lòng phù trì ban cho phúc vậy.

Dĩ văn

Văn khấn tiến quan đương niên cũ:

Quốc hiệu... tỉnh... huyện ... xã... thôn...

Ngày... tháng... năm...

Tên họ tín chủ... tuổi... đồng gia kính cẩn, sắm lễ vật hương đăng... Thành tâm dâng lên... Hành khiển, cùng đức... Phán quan.

Kính mong Đại vương soi xét

Lượng trời chẳng ghét khoan dung

Giúp vua giữ vững ngôi Hoàng cực

Âm thỏa dương vui mát mẻ tiết xuân phong

Ơn trời đã dựng xây giềng mối.

Nhờ đất mà sinh sản hợp đạo tiết tông.

Tiết thuộc Nguyên tiêu mừng năm mới

Lễ làm trừ tịch tiến Đại Vương.

Xét thấy năm tháng qua đội ơn rất lớn,

Xem ngày vừa hết nhờ đức quan trên

Năm khác cờ hoa đón ngài trở lại

Lại nhờ ban phúc được như lòng.

Muôn trông đức Đại Vương

Kính cẩn bày lời.

Văn khấn đón quan Đương niên mới:

... Kính trông Đại-Vương,

Thông minh tài trí.

Văn võ Thánh thần,

Ban ân ban đức.

Ngài tôn vâng đế mệnh phân công,

Để xử lý âm - dương đều thỏa mãn.

Minh bạch nơi Vương tâm chính trực,

Cai quản cương vực nhờ anh quân.

Trừ tịch đã làm lễ tống cựu

Nguyên tiêu nay dâng lễ nghinh tân

Năm trước trọng trách đảm đương, đội nhờ ơn đức
chính trực

Ngày nay thúy hoa lại thấy, ngựa trông lượng cả khoan dung

Cúi lạy nhờ ơn đức Đại Vương

Kính cẩn bày lời.

Nếu trời mưa gió thì có thể kê bàn thờ giữa nhà, đặt lễ
tiễn Quan đương niên cũ cũng như đón Quan đương niên
mới.

Có nhiều gia chủ vị trí sân thấp trũng, hoặc chật chội
thì nên lập ban giữa nhà để làm lễ "tống cựu nghinh tân".
Một số gia chủ còn viết bốn chữ đại tự "Thiên quan tích
phúc" (Quan nhà trời cho phúc) và treo phía trên mâm lễ.

Nhà nào có đại tang thì từ chiều 30, đến 3 tết không
nên đến nhà ai.

Bếp núc, chuồng trại chăn nuôi làm ở góc vườn, phải
giữ gìn sạch sẽ. Cổng ngõ kiêng đi thẳng vào gian chính
giữa nhà. Gian giữa đặt bàn thờ cũng cần chú ý mọi việc
làm mất vệ sinh hoặc thiếu lễ. Thường thì sau giao thừa có
ăn cỗ (thụ lộc), hoặc ra xông đền. (Ở đền, từ đường, miếu,

phủ đều làm tương tự như các nhà, lại có chiêng, trống, mõ râm rộ).

3. Lễ, lệ đầu năm mới

Lễ cũ thường đến giờ Thìn (7 - 9 giờ) mới mở cửa, vì Thìn thuộc Thổ, Thổ sinh vạn vật, lúc này khí tiết trung hòa mới nên mở cửa và xuất hành.

Việc xuất hành có người chọn phương "Tài thần", "Hỷ thần" mới đi và tất nhiên tránh phương "Ngũ quỷ".

Ngày mồng một là ngày đầu năm mới, xưa có lệ con cháu không phân biệt xa, gần đều phải đến mừng tuổi ông bà, thắp hương Tổ tiên xong xuôi mới về đi việc khác. Còn việc hái lộc đầu năm, phải chọn nơi hoang hóa không thuộc nhà ai cai quản và phải sạch sẽ.

Trưa mồng một thường các gia chủ làm lễ cúng Gia tiên, sau đó mới đi chúc tết họ hàng, anh em... lệ mừng tuổi thường chỉ có một đồng, với ý một vốn sinh ra. Nếu mừng người nhiều tuổi thì có thể 10 đồng hoặc 100 đồng với ý trọn vẹn. Khi đi lối nào thì về lối ấy.

Ngày mồng 2 thì đi chúc tết, hoặc lễ bái, văn cảnh ở đền, chùa, từ đường...

Ngày 3, 4, 5 làm lễ hóa vàng đưa tiễn Tổ tiên. Riêng đồ lễ ông Táo thì 22 tháng Chạp mới hóa.

Đầu năm từ 10 đến 20 thường có tế xuân ở đền, miếu. Nhà nào dựng cây nêu thì chọn ngày tốt của tuần đầu để hạ nêu (tháng có ba tuần là tuần đầu, tuần giữa, tuần cuối). Ngày lễ hạ nêu còn gọi lễ hóa vàng, cũng có nơi gọi tết Khai hạ. Đây là dịp dâng hương bế mạc của tết Nguyên đán. Người xưa cho ngày 7 tháng Giêng là ngày của loài người (nhân nhật). Theo "Phương sóc chiêm thú"

cùng một số địa chí thì ngày 1 là ngày gà, mồng 2 là ngày chó, mồng 3 là ngày lợn, mồng 4 của giống dê, mồng 5 của giống trâu, mồng 6 của giống ngựa, mồng 7 của giống người, mồng 8 của giống thóc lúa.

Ngày xưa còn có lệ bói đầu năm, các ngày này nếu đẹp thì người và vật khỏe mạnh, không bị tật dịch, thóc lúa bội thu. Nếu các ngày này thời tiết âm u, mưa gió là xấu. Phải coi chừng mà phòng tránh.

Sau khi làm lễ tạ, người ta hạ cây nêu, rồi tụ hội ăn uống, nhất là uống rượu "bách giải" để trừ tật dịch. Đốt pháo để xua đuổi tà ma, cấm cảnh đào để trừ quái dị.

Ngày nay, người ta hóa vàng không nhất thiết vào ngày 7 tháng Giêng và thường thì sớm hơn, để phù hợp với hoàn cảnh sống và điều kiện công tác miễn sao có lễ tạ Gia tiên, Gia thần và chư vị Thánh thần, Phật để chứng giám cho tấm lòng, đồng thời hy vọng sự âm phù để được mạnh khỏe, công tác, làm ăn, buôn bán tiến bộ, phát đạt.

Tục xưa đối với các gia đình Việt Nam trong dịp tết Nguyên đán đều không thể thiếu ngày lễ tạ. Trong suốt dịp tết, việc đèn hương trên ban thờ phải duy trì đến ngày lễ tạ. Các thức dâng cúng trừ xôi, thịt... dễ thiu, ôi còn thì đều phải chờ hóa vàng mới hạ lễ. Bởi người xưa quan niệm trong dịp tết các bậc Thần minh và Gia tiên luôn ngự trên ban thờ. Nếu đèn hương để tắt, nhất là hạ lễ vật trước khi lễ tạ là phạm điều bất kính.

Sau khi lễ, việc hóa vàng cũng phải hóa riêng. Phần vàng, tiền của Gia thần hóa trước, vàng của Tổ tiên hóa sau tránh để lẫn lộn.

Văn khấn lễ tạ

Kính lạy ngài Dương niên Đại Vương, ngài Phán quan

Kính lạy đức Bản cảnh Thành hoàng cùng các ngài Thổ địa, Táo Quân, Long mạch Tôn thần.

Lạy các cụ Cao, Tăng, Tổ khảo, Tổ tỷ. Các vị Cô, Dì, Tỷ, muội, Thúc Bá Đệ Huynh nội, ngoại...

Hôm nay là ngày... tháng Giêng năm...

Tín chủ chúng con...

Ở tại tỉnh... huyện (thành phố)... Xã (phường)... thôn (phố)...

Nhân lễ hóa vàng (tết Khai hạ) chúng con thành tâm sửa lễ mọn gồm hương hoa, trà tửu, phù lưu, quả phẩm cùng lễ mặn, kim ngân minh y (vàng mã) cung trần trước án, kính cáo, kính thỉnh chủ vị giá lâm:

Tiệc xuân đã mãn

Nguyên đán đã qua.

Nay xin lễ tạ Tôn thần

Lễ tiễn Tiên linh về âm giới.

Kim ngân xin thiêu hóa

Gọi chút lòng trước chư vị tọa tiên

Kính xin chư vị:

Lưu phúc lưu ân

Phù hộ độ trì

Cháu con nội ngoại

Gia cảnh bình an

Toàn gia thịnh vượng

Tâm thành kính cẩn,

Lễ bạc kính dâng,

Lượng cả xét soi,

Cúi xin chứng giám

Cẩn cáo.

*

* *

Những ngày đầu năm mới, còn có lệ lễ "động thổ" để cho các gia chủ cày cuốc, hoặc mai táng người chết (lễ này do làng làm nhưng lại liên quan đến các gia chủ). Nếu làng chưa làm lễ động thổ thì không được cuốc xới trong vườn. Thậm chí có người chết cũng phải đợi sau lễ động thổ mới được đem chôn.

Đầu năm khi khai trương cửa hàng, hoặc mở công xưởng buôn bán làm ăn, các gia chủ thường làm lễ Quan hành khiển cùng các vị Thần linh, Tổ tiên ông bà mong có sự âm phù. Việc sắm lễ thì tùy lòng, có thì làm cỗ mặn, không thì hương hoa, quả phẩm. Nhưng việc kêu cầu có cả quan Hành khiển đương niên... thì phải lập thêm ban ngoài trời và phải có bài văn khấn.

Văn khấn khai trương cửa hàng
(hoặc dọn hàng, mở xưởng sản xuất)

Kính lạy Ngõ vương hành khiển, Thiên hao hành binh chi thần, Hứa tào phán quan (năm Tỵ).

Kính lạy Đại vương Bản cảnh thành hoàng, các ngài Đông trù tư mệnh Táo phủ Thần quân

Thổ địa long mạch Tôn thần

Ngũ phương ngũ thổ phúc đức chính Thần

(ban trong nhà thì khấn Gia tiên)

Hôm nay là ngày... tháng... năm...

Tín chủ con là...

Ngụ tại...

Nay vì việc khai mở cửa hàng...

Thành tâm cần dĩ chi nghi phù lưu trà tửu cùng lễ vật
tâu lên chư vị Hành khiển, Đại vương, Tôn thần.

Cung duy:

Tôn thần chức tư thổ giới
Hùng cứ một phương
Thông minh duệ trí
Tuất cập phạm tình
Giám thủ đàn thành
Chấp kỳ bạc lễ
Gia ân, gia hộ
Buôn bán hành thông
Trú dạ cát tường
Sở cầu tất ứng

Thực lại bản xứ tôn thần, chính trực vô tư, âm phù
mặc tướng.

Cẩn cáo.

(Nếu khấn nôm thì đến đoạn Cung duy... sẽ khấn:

Trộm nghĩ rằng:

Tôn thần cai quản,
Oai hùng một phương.
Thông minh sáng láng,
Thương đến dân lành.
Chứng giám tắc lòng,
Nạp thu lễ mọn.
Ban ân che chở
Buôn bán gặp may
Ngày đêm tốt lành
Mọi sự như ý.

Kính mong bản xứ tôn thân, chính trực vô tư âm thầm phù trợ.

Kính cáo)

4. Lễ rằm tháng Giêng

Tiết rằm tháng Giêng còn gọi tiết "Thượng nguyên" hay "Nguyên tiêu". Theo các tài liệu của Trung Hoa thì ngày rằm tháng Giêng, là tháng đầu trong năm, nhân trăng sáng, tiết trời ấm áp nhà vua cho mở tiệc mời các quan trạng dự tiệc ngắm trăng, thưởng hoa đồng thời ngâm vịnh thơ ca nên còn gọi là tết Trạng nguyên.

Người ta còn tổ chức bơi thuyền có treo đèn, kết hoa, hoặc tổ chức các trò vui dưới đêm rằm trăng sáng. Có người cho rằng rằm tháng Giêng là ngày vía của Thiên quan nên tại các đền chùa thường làm lễ dâng sao giải hạn. Một số gia đình cũng sửa lễ giải hạn đầu năm. Lại có sách cho ngày rằm tháng Giêng là ngày vía của đức phật A-di-đà nên các tín đồ nô nức lên chùa lễ Phật.

"Lễ cả năm, không bằng lễ rằm tháng Giêng"

Theo một số sách địa chí của Việt Nam thì từ trưa ngày 14 đến hết đêm rằm tháng Giêng có lệ treo đèn kết hoa, thường gọi là hội hoa đăng.

Vào dịp này người ta làm đèn đủ các kiểu, có cả đèn kéo quân, đèn "phụng tổ", đèn "phụng thần". Trên đèn người ta trở các dòng chữ phản ánh ước muốn hoặc cầu mong Thánh thần phù hộ như: "Nhất bản vạn lợi" (một vốn bốn lời), "Phong điều vũ thuận" (mưa thuận gió hòa), "Hải yến hà thanh" (sông trong biển lặng).

Cũng có người làm đèn để chúc mừng nhau nên tạo chữ "Bách phúc lai thành" (mọi phúc đều nên), hay "Nhân khang vật thịnh" (người yên của nhiều)...

Riêng đèn "phụng Thần", "phụng Phật" đều hết ngày rằm thì đem hóa giá, ai mua được phải khao làng.

Có những đèn của bạn bè thân thiết chúc nhau thì ngay đêm 14 tự động đem đến treo ở cửa nhà bạn, do vậy ngày hội hoa đăng khá sôi động, vui vẻ.

Bởi một số người quan niệm là ngày vía Thiên quan nên những tư gia có điều kiện thường làm "lễ dâng sao" mong cho tai ách trong năm được giải trừ.

5. Lễ dâng sao giải hạn đầu năm

Dân gian cho rằng hàng năm mỗi người có một sao chiếu mệnh. Nhưng tuy cùng độ tuổi mà nam và nữ có sao khác nhau. Đơn cử tuổi 28 thì nam là sao La Hầu, nữ là sao Kế Đô. Tuổi 47 nam là sao Thổ Tú, nữ là sao Vân Hán... Tất cả có 9 ngôi sao chiếu mệnh và cứ sau 9 năm sao đó lại chiếu vào mệnh của mình. Do vậy nam ở các độ tuổi 10, 19, 28, 37, 46, 55, 64, 73, 82 đều là sao La Hầu, còn nữ cũng ở những tuổi ấy lại chịu sao Kế đô. Các sao chiếu mệnh gồm sao Thái Dương, Thái Âm, Mộc Đức, Vân Hán, Thổ Tú, Thái Bạch, Thủy Diệu, La Hầu và Kế Đô. Các sao này cũng có sao tốt, sao xấu nên người ta làm lễ dâng sao để giải trừ hạn ách, tật bệnh. Song các sao xuất hiện trong tháng vào các ngày khác nhau lại có hình khác nhau nên việc làm lễ phải chọn ngày, dùng số lượng nến, lập bài vị và màu sắc phải phù hợp lại phải thiết kế ban thờ cho đúng hướng.

- Người chịu sao La Hầu thì phải làm lễ vào ngày mồng 8 hàng tháng, thắp 9 ngọn nến (theo hình sao) bài vị màu vàng và ghi: "Thiên cung thần chủ La Hầu tinh quân", ban thờ quay hướng nam lễ về hướng bắc.

- Người chịu sao Kế Đô thì dâng sao vào ngày 18 hàng tháng, thắp 21 ngọn nến, (xếp theo hình sao). Bài vị màu

vàng, ghi dòng chữ: "Địa cung Thân Vỹ Kế Đô tinh quân", lạy về hướng tây.

- Sao Thái dương thì ghi Nhật cung Thái dương Thiên tử tinh quân. Lễ ngày 27 hàng tháng, thấp 12 ngọn nến, bài vị màu vàng lạy về hướng đông.

- Sao Thái Âm thì lễ vào ngày 26 hàng tháng, thấp 7 ngọn nến, bài vị màu vàng ghi "Nguyệt cung Thái Âm Hoàng hậu tinh quân" lạy về hướng Tây.

- Sao Mộc Đức làm lễ vào ngày 25 hàng tháng, thấp 20 ngọn nến, bài vị màu xanh ghi "Đông phương Giáp Ất. Mộc đức tinh quân", lạy về hướng Đông.

- Sao Vân Hán dâng vào ngày 29 hàng tháng, thấp 15 ngọn nến, bài vị màu đỏ đề "Nam phương Bính đinh hỏa đức tinh quân", lạy về hướng nam.

- Sao Thổ Tú lễ vào ngày 19 hàng tháng thấp 5 ngọn nến, bài vị màu vàng ghi "Trung ương mậu kỷ Thổ đức tinh quân", lạy về hướng tây.

- Sao Thái Bạch, lễ vào ngày 15 hàng tháng, thấp 8 ngọn nến. Bài vị màu trắng đề "Tây phương canh tân kim đức Thái Bạch kim linh", lạy về hướng tây.

- Sao Thủy Diệu, làm lễ vào ngày 21 hàng tháng, thấp 7 ngọn nến, bài vị màu đen ghi "Bắc phương Nhâm Quý Thủy đức tinh quân", lạy về hướng Bắc.

Phần lễ vật thì tùy lòng gia chủ, song bài vị ghi thế nào thì văn khấn ghi như thế và khi lễ xong hóa vàng, hóa luôn cả văn khấn, bài vị.

Cúng dâng sao thường lập đàn tràng tam cấp. Cấp trên cùng cúng Trời, Phật, Tiên, Thánh. Cấp giữa cúng vị sao thủ mệnh và cấp dưới cùng cúng bá thí cho chúng sinh. Nhưng cũng có nơi chỉ cúng sao thủ mệnh, không phải lập đàn tam cấp như trên.

Tiết rằm tháng Giêng tại các đền chùa cũng thiết lập đàn tràng dâng sao giải hạn, để trừ các tai ách cho dân làng, đường phố.

Rằm tháng Giêng là ngày vía của Phật, ngày vía của Thiên quan, đồng thời là dịp lễ đầu xuân nên các dòng họ thường tổ chức tế Tổ, hoặc tế cáo Tổ. Các tư gia đều sửa lễ cúng Gia tiên hoặc ra đền, ra chùa dâng hương, do vậy mọi làng xã, đường phố nhân dân chuẩn bị mua sắm lễ vật, hoa tươi... khá tấp nập. Người ta còn tìm mua gà lễ (loại trên 1 kg), để sửa mâm xôi con gà cho đảng hoàng, hy vọng trong năm mọi sự được toại nguyện...

Văn khấn lễ dâng sao giải hạn

Nam mô a di đà Phật (3 lần)

Kính lạy đức Hữu Thiên chí tôn Ngọc Hoàng Thượng đế

Kính lạy... tinh quân (ghi tên vị sao cần phải lễ)

Kính lạy: Đức Tả Nam Tào lục ty duyên thọ tinh quân.
Đức Hữu Bắc Đẩu cứu hãm giải ách tinh quân.

Kính lạy các ngài Thành hoàng bản thổ, Long mạch Chính Thần.

Hôm nay là ngày rằm tháng Giêng năm...

Tín chủ chúng con là...

Ngụ tại...

Trước án tọa liệt vị cao minh, tinh quân, chư thần. Xin kính báo:

Nhân lễ nguyên tiêu,

Tuân theo nếp cũ.

Gia đình tín chủ,

Sắm biện lễ nghi.

Cúi mong chư vị,
Chấp kỳ bạc lễ.
Phù hộ độ trì,
Giải trừ vận hạn.
Điều lành đem đến,
Việc dữ đẩy xa.
Mệnh vị an cư,
Thân cung khang thái.

Chúng con chí thiết kêu cầu, kính mong bề trên chấp lễ
chấp bái, mở rộng đèn trời soi xét.

Cẩn cáo.

- *Cũng có thể khấn theo bài sau:*

Nam mô A di đà Phật (3 lần)

Con lạy chín phương trời, mười phương đất, chư Phật
mười phương.

Con lạy Chư vị Tinh quân, Nam Tào, Bắc Đẩu tinh
quân.

Con lạy đức Thiên quan đương niên.....

Hôm nay là ngày... tháng... năm.....

Tín chủ con là... tuổi.....

Ngụ tại thôn... xã (phường)... huyện (thành phố).
Tỉnh... nước Việt Nam Cộng hòa xã hội chủ nghĩa.

Năm nay là năm... con gặp sao chiếu mệnh...

Nhân dịp đầu năm, mười rằm tháng Giêng

Tín chủ nhất tâm, sửa biện lễ mọn

Trai bần tỉnh quả, mình y kim ngân

Trà tửu, phù lưu, Hàn âm trư nhục (thịt gà, thịt lợn)

Cúi mong chư vị, bạc lễ chấp kỳ
Giải hạn nhân tình, giáng trần ban phúc.
Cho gia đình con khang ninh trường thọ.
Vận hạn tiêu tan, gia nội hanh xương.
Chúng con chí thiết chí thành, một lòng bái lạy.
Cẩn tấu.

6. Tiết Thanh minh

Con người ta khi sống thì lam lũ lo cuộc sống, thậm chí còn bon chen, tham lam vơ vét làm giàu, nhưng khi hai tay buông xuôi mọi sự đều chấm hết nên dân gian có câu:

"Trăm năm còn có gì đâu,

Chẳng qua một nắm cổ khâu (đống đất cũ) xanh rì"

Song lẽ sống ở đời, đạo làm người giữa sống và chết. Khi mà âm dương cách biệt thì tình cảm giữa cha con, ông bà, Tổ tiên mới thật ý nghĩa và việc báo hiếu để thấu đạt công cha nghĩa mẹ. Việc chăm sóc phần mộ, cũng như cúng lễ trong tiết thanh minh để chứng minh thêm đạo nghĩa mới hiển hiện bản chất dân tộc, con người phương Đông.

Tiết Thanh minh để truy tư công đức, để nhớ để thương, để bồi ngùi xúc động. Nhưng không vì lẽ đó mà lúc nào cũng ảm đạm, buồn rầu. Người ta đã nén đau thương mà vui trong hội "đạp thanh". Ngày hội dẫm trên cỏ xanh để nhìn về quá khứ, nhớ đến Tổ tiên ông bà. Làm được điều đó, giữ được điều đó sao lại không vui. Chả thế mà đại thi hào Nguyễn Du đã viết:

"Thanh minh trong tiết tháng ba

Lệ là tảo mộ, hội là đạp thanh"

Điều cốt lõi trong tục lệ Thanh minh là ra nghĩa trang thăm nom phần mộ Gia tiên xem có bị sạt lở, bị cáo cây đào

bối không? Nếu có thì phải vun đắp sửa sang không được thờ ơ, thậm chí để thất lạc phần mộ. Do vậy cổ nhân đã nhắc nhở, khiển trách ai đó thiếu ý thức:

"Nhật chí hồ ly miên chủng thương

Dạ lai nhi nữ tiểu đẳng tiên"

(Sáng ra cáo ngủ trong hầm mộ

Đêm về trai gái trước đèn cười)

Ngày nay, mọi người đã chú ý đến phần mộ Tổ tiên một cách đúng mức hơn. Ngoài việc sửa sang, xây sửa phần mộ, người ta còn lo sửa lễ tại nghĩa trang, nghĩ đến việc cúng thần linh và mời vong linh về chứng giám cho tấm lòng thành của con cháu. Nhiều người đã nô nức dạy bảo con cháu:

"Sống về mồ về mả,

Không ai sống về cả bát cơm"

Do vậy trong tiết Thanh minh nhà nhà đều chú ý đi tảo mộ, lo lắng sửa làm lễ cúng mời Tổ tiên về soi lưng cơm, hưởng chút lễ mọn mà con cháu tâm thành cúng dâng.

Có gia chủ ra nghĩa trang đặt lễ vào miếu thần linh, đèn nhang khấn vái, mong có sự âm phù cho mồ yên mả đẹp.

Văn khấn tại miếu thần linh nghĩa địa

Hôm nay là ngày... tháng... năm...

Tín chủ là... đồng gia quyến hiện ở tại thôn...

Xã (phường)... huyện (thành phố)... tỉnh...

Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Kính lạy: Chư vị Thần linh Thổ địa, Long mạch chính thần

Hiện có mộ phần Chân linh... (là cố phụ, cố mẫu...)

Táng tại bản xứ...

Nay tín chủ thiết kê thiết cầu, mong chư vị lai lâm giám chiếu, độ cho vong linh an nhàn yên ổn, siêu thoát u đồ.

Gia ân cho tín chủ chúng con bình an mạnh khỏe.

Gọi là có chút lễ mọn, bày tỏ tác thành

Cảm cung cáo vu, kính xin chứng giám.

Cẩn cáo.

Đọc xong vái bốn vái. Một lúc sau (sắp tàn hương) vái tạ, đốt tiền, vàng và cả sớ tấu (văn khấn) nếu có.

Điều cần lưu ý là: Khi chờ đợi lễ tạ nên cắm hương cho các mộ phần lân cận. Đây cũng là nét đẹp văn hoá, từ thiện của dân tộc.

Hiện nay một số dòng họ đã qui tụ được mộ phần vào chung khu vực, lại xây dựng cả lễ đài, tường bao, đường ra vào, trang trí cây cảnh cho khu vực lăng mộ, do vậy việc bảo tồn cũng như thăm viếng khá thuận lợi. Đứng trước lăng mộ Tổ tiên người đã có bài khấn.

Văn khấn tại khu lăng mộ

(Vái 4 vái)

Nhân tiết Thanh minh năm Tân Tỵ

Hôm nay là ngày... tháng... năm...

Tổ tiên trong họ tộc gồm...

Hiện ngụ tại...

Đứng trước phần mộ Tổ tiên gồm có... hiện táng tại...

Kính mong các đấng Thần minh, Thổ phủ long mạch, Tiên Chu tước, Hậu Huyền vũ, Tả Thanh long, Hữu Bạch Hổ

Cùng liệt vị Tôn thần cai quản bản địa

Cúi lạy, xin được gia ân, gia hộ cho mồ mả bình yên.

Nhân tiết Thanh minh, toàn hộ tộc nghiêng mình kính
cẩn (vái 4 vái)

- Kính lạy chư vị Tổ tiên... (gôm vị nào)

Đứng trước phần mộ, con cháu gần xa, lễ bạc tâm
thành Nhất tâm bái thỉnh.

Kính mong chư vị, lai đáo dương cơ, giám cách giáng
lâm nạp thụ lễ vật.

Ban tài ban lộc, bồi đắp hậu sinh

Tống ách khai hanh, phục duy thượng hưởng.

(Vái 4 vái)

Sau khi ra thăm mộ, ở nhà đã chuẩn bị lễ vật, cổ mặn
cúng Tổ tiên. Và khi đã đèn hương, khấn Gia thần xong, sẽ
đọc bài văn khấn Tổ tiên:

Thanh minh tế Tiên tổ văn

Hôm nay là ngày... tháng... năm

Cháu là... thay mặt dòng họ... kính thỉnh Gia tiên về
tại thôn... xã (phường)... huyện (thành)... tỉnh.

Ư linh vị tiền viết:

Hòa hương thiên môn, dương điều nhị tam nguyệt,

Cảm càn khôn sinh vật chi ân

Bồi u hiển thù công chi thiết.

Đối thì nhi sái tảo mộ phần,

Truy viễn nhi tông thân khí huyết

Tư nhân tảo sự dĩ thành, phỉ nghi kính thiết, kiều kỳ
hoàng nhượng cảm thông, thâm vọng u huyền thấu triệt.

Vu dĩ minh nhân đạo thường kinh,
Vũ dĩ biểu xuân hòa giai tiết.
Thực lại Tiên tổ phù trì chi đại lực đã
Cẩn cốc.

Dịch nghĩa:

Trước linh vị Tổ tiên thưa rằng:
Thấu khắp mọi nơi, tháng (2) 3 dương khí,
Ơn Trời đất sinh ra người và vật
Nhớ công lao vun đắp của Tiên linh,
Trước hãy lo việc tu sửa mộ phần.
Sau mong được cháu con thịnh vượng.
Nay nhân đã sửa xong phần mộ
Vây kính mong chư vị thần linh,
Cùng Tổ tiên nơi suối vàng thấu rõ.
Nay đã vì đạo sáng của trời
Cùng với tiết xuân hòa của người
Cầu Tổ tiên gia ân phù trì,
Cho mọi sự thành công tốt đẹp.
Kính cẩn tâu bày.

Văn khấn vong linh ngoài mộ

(Khi đi sửa sang mộ phần ai đó trong họ, hoặc thăm viếng có thể khấn bài này)

Kính lạy (cha, hoặc mẹ, hoặc ai đó)...

Hôm nay là ngày... tháng... năm...

Trước phần mộ tại thôn... xã (phường) huyện
(thành)... tỉnh... nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Nhân tiết (hoặc ngày)...

Con hoặc cháu là... đồng gia quyến thăm viếng phần mộ, thành tâm sửa biện lễ vật hương hoa cáo yết Tôn thần, cúng viếng Hương linh. Xin được quét dọn, sửa sang phần mộ.

Cung duy:

Nhờ công ơn võng cực, đức độ cao dày của Hương linh... nhờ sự độ trì của Thần linh, khiến gia cảnh bình an Khang thái.

Tiếp theo nếp cũ chúng con (hoặc cháu) đồng gia,

Nguyên sống thuận hoà, làm ăn chăm chỉ

Hiếu hiền nhân hậu, lưu phúc về sau

Rạng rỡ gốc nhà, đẹp lòng Tiên tổ.

Cúi xin Thần minh chứng giám

Hương linh... đồng lai thấu cho tác lòng

Thụ hưởng lễ vật, trà tửu phù lưu

Quả phẩm kim ngân, lòng thành giám cách

Kính mong chư vị, phù hộ độ trì

Giải tai cứu nạn, hung nghiệt xua đi

Ban tài ban lộc, mọi sự hanh thông

Độ cho gia đạo hưng long, quế hoè tươi tốt.

Cẩn cáo.

*

*

*

* *Nhân Thanh minh nói việc tế đàn (hoặc lễ đàn) đoan tang* (tức là tế trừ phục, hết hạn mặc áo tang)

Nhân tiết Thanh minh thăm viếng mồ mả, liên quan

đến việc cải táng mộ phần, đến việc hết hạn mặc áo tang, hoặc đeo tang ngày thường cũng như khi cúng lễ. Xin đề cập việc tế lễ đoạn tang.

Kể từ khi chịu tang cho đến khi tế đàm, không kể tháng nhuận là 27 tháng.

Trước khi làm lễ đoạn tang một tháng, chủ nhân phải mặc đồ trắng làm lễ cáo trước ban thờ, lâm râm khấn:

"Kính lạy (bố hay mẹ)... Con là... đồng gia quyến định sang tháng vào ngày... sẽ làm lễ đàm cho bố hoặc mẹ... Nếu được xin báo ứng cho con biết".

Khấn xong lấy hai đồng tiền xin âm dương ra, lạy khấn:

"Trên trời lấy nhật nguyệt phân chia ngày đêm, dưới đất coi âm dương mà phân biệt.

Người trần mắt thịt, mờ mịt không hay. Vậy gieo đồng tiền trông sự báo ứng, giúp cho con biết lành mà tới, biết dữ mà xa. Con bái lạy Hương linh, Cản cốt". Gieo tiền thấy một đồng sấp, một đồng ngửa thì được. Nếu không lại khấn như trên xin tuần thứ 2 (trung tuần), vẫn không được lại xin lần thứ 3 (hạ tuần). Nếu hạ tuần không được thì hoặc sửa lễ xin tiếp, hoặc chờ đến cuối tháng mà làm cũng được.

Nghi thức như lễ đại tường. Nghĩa là trước đó một ngày đem "chủ" ra lễ cáo (chủ là bài vị). Khi làm lễ, bỏ bớt đồ tang phục, nam thì bỏ dây đai mũ và vải trùm vai, nữ thì bỏ quần tang quét đất.

Khi lễ đàm có làm cỗ cúng cùng hương, đăng, trà tửu...

Văn khấn tế đàm

Hôm nay là ngày... tháng... năm... con... kính lạy...

Đau xót thay cha (hoặc mẹ...) ... xa lánh cõi trần

Trước mắt xuân đường khói phủ, giọt lệ chứa chan
Ngoảnh nhìn núi Hồ (Dĩ) mây che, lòng đầy thương
nhớ.

Tính năm đã qua hai tường (2 lần tế lễ)

Kể tháng cũng vừa đàm tế!

Dấu thời gian chuyển đổi, tang phục hết kỳ

Song con người nghĩ đến thờ thần, hiếu tâm vẫn thế.

Lễ kính bày trừ phục lệ xưa

Nhưng tình vẫn nhất tâm sau trước.

Kính mời Hương linh... cùng chư vị... chứng giám

Lễ bạc chi nghi, điều soạn thứ tu

Độ trì cho con cháu toàn gia, an khang thịnh vượng.

Phục duy thượng hưởng

Sau lễ đàn sẽ ăn uống vui vẻ, mời rượu lẫn nhau rồi
đi ngủ, ý để nguôi đi nỗi thương đau, từ nay không phải
bận tâm nhiều đến việc hiếu, mà chỉ lo chuẩn bị cho việc
cát táng.

7. Tết Hàn thực (3-3)

Tết Hàn thực là tết ăn đồ lạnh, nghĩa là phải nấu đồ lễ
từ hôm trước, còn ngày 3 tháng 3 cấm lửa. Thực ra đây là
tết có nguồn gốc từ Trung Hoa và đã được Việt hóa từ lâu
đời, vận dụng sự tích Trung Hoa vào sự tích Việt Nam
một cách khéo léo, nói cách khác là có sự dung hợp tế nhị
nên nó được tồn tại, mặc dù phạm vi không được rộng
khắp cả nước.

Nguồn gốc ngày tết Hàn thực

Vào thời Xuân Thu trước Công nguyên, vua Văn Công
nhà Tấn phải đi lánh nạn. Cùng đi theo hầu có Giới Tử

Thôi là bấy tôi trung thành, từ lúc Văn Công mới là Công tử Trùng Nhĩ, phải long đong bốn tẩu khắp mọi nơi, hết chạy sang nước Dịch, lại trốn sang nước Vệ, nước Tề, nước Sở. Suốt 19 năm trời lận đận. Có lần hết lương, Giới Tử Thôi phải cắt đùi mình lấy thịt nấu dâng chúa công để giải nguy khi đói lả. Ấy thế mà khi thành sự, Trùng Nhĩ khôi phục được nước, lên ngôi vua tức Tấn Văn Công lại quên Giới Tử Thôi, là người có công đầu khi khó khăn hoạn nạn.

Thấy mọi người được phong thưởng, còn mình bị bỏ quên, Tử Thôi không oán hận nhưng tủi phận bỏ về nhà, đưa mẹ vào núi Miên Sơn ở ẩn. Sau này Văn Công nhớ ra cho người đi tìm kiếm Tử Thôi nhưng không thấy. Vua Tấn biết Giới Tử Thôi ở Miên Sơn không chịu ra nên hạ lệnh đốt rừng để buộc ông phải ra. Nào ngờ Tử Thôi và mẹ ông đều bị chết cháy trong rừng.

Nhà vua thấy vậy tỏ lòng thương cảm, cho lập miếu thờ. Hàng năm đến ngày 3 tháng 3 là ngày đốt rừng và cũng là ngày hai mẹ con Tử Thôi chết cháy, có lệnh cấm dùng lửa nấu ăn, ngay việc làm cỗ cúng cũng phải làm từ hôm trước. Và vì ăn thức ăn lạnh nên dân gian gọi là tết Hàn thực.

Người Hoa ăn tết Hàn thực để tưởng nhớ sự việc đáng tiếc đối với một trung thần, thường làm bánh trôi, bánh chay để hôm sau ăn tránh việc nổi lửa.

Người Việt Nam chung sống với người Hoa từ lâu đời, sự giao lưu văn hóa và cuộc sống có nhiều sự gắn bó. Họ cũng làm bánh trôi, bánh chay trong dịp tết 3 tháng 3 và cả các dịp tết Đoan Ngọ, rằm tháng Bảy. Các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định thì món bánh này trở thành thức ăn hấp dẫn trong dân gian. Nhưng người Việt ăn bánh trôi, bánh chay lại liên tưởng đến hội đèn Hùng 10 tháng 3, hoặc hội đèn thờ Trưng Nữ Vương ở Hát Môn ngày

5 tháng 3. Ở đây người ta làm những mâm bánh trôi gồm 100 chiếc, tưởng nhớ đến chuyện bà Âu Cơ đẻ trăm trứng, nở 100 con từ buổi bình minh lịch sử. Người ta nghĩ đến chuyện Hai Bà Trưng khởi nghĩa đánh quân Nam Hán phải bảy nổi ba chìm và phải trăm mình xuống sông Hát Giang tuần tiết.

Dù tình sử hay bi tình sử thì chuyện tết Hàn Thực vẫn có ý nghĩa trong cộng đồng dân tộc Việt, cộng đồng cư dân vùng Đông Nam Á. Do vậy mà trên ban thờ Gia tiên, trên mâm cỗ tại đền thờ, cũng như một số chùa miền Bắc đã hiện diện món bánh trôi, bánh chay. Lại trên các quầy hàng, gánh hàng ở góc phố, đầu chợ vẫn thấy cảnh mọi người điếm tình thưởng thức món bánh trôi, bánh chay ngon miệng.

Làm bánh trôi, bánh chay đều bằng loại bột nếp nhào với nước nhưng bên trong có nhân đường phèn hay đường đỏ là bánh trôi. Trong làm nhân đỏ xanh nấu chín là bánh chay. Cả hai loại đều luộc đến mức bánh phải chìm, rồi nổi nhiều lần (ba chìm bảy nổi) mới vớt ra bày vào đĩa (bánh trôi). Bánh chay thì vớt vào bát đổ nước đường lên trên:

Hai thứ bánh này tuy cùng thứ gạo nhưng bánh trôi nặn nhỏ hơn, nhân đường nên có vị ngon khác hẳn. Bánh chay nhân đỏ, vỏ trắng đường. Chính vì mỗi loại bánh có một hương vị ngon riêng nên nhiều người đã ăn bánh trôi, lại không thể bỏ qua ăn thử món bánh chay cổ truyền.

Tháng Ba còn liên quan đến một số hội làng, đặc biệt là hội mẫu Liễu Hạnh. Một số gia đình có người là đệ tử của tín ngưỡng Tam tòa Thánh mẫu dù có, hoặc không có ban thờ mẫu trong nhà, nhân dịp này cũng sửa lễ, thắp hương tại điện thờ, hay ban thờ ngoài trời, để cầu mong các mẫu âm phù cho sức khỏe dồi dào, việc làm ăn thuận buồm xuôi gió.

8. Tết Đoan Ngọ (5 tháng 5)

Tết Đoan Ngọ còn được gọi là tết Đoan Dương, tết Trùng Ngũ. Đoan là mở đầu. Ngọ là giữa trưa, là lúc khí dương đang thịnh...

Xét về địa bàn thì Ngọ ở vào phương Nam, mà cung Ngọ thuộc dương và tháng 5 cũng là tháng Ngọ, do vậy tháng 5 là tháng khí dương tràn ngập.

Người ta còn gọi tết Đoan Ngọ là tết Trùng Ngũ hay Đoan Ngũ (ngày 5 tháng 5). Do vậy mà các ngày 1, 2, 3, 4 tháng 5 được gọi Đoan nhất, Đoan nhị, Đoan tam, Đoan tứ.

Ngày 5 tháng 5 khí dương tràn ngập, nhưng lại rất nóng bức, thời tiết mùa hạ oi bức, các bệnh dịch hay phát sinh, do vậy các đền miếu thường cúng vào hè trừ ôn dịch, còn dân gian thì ngày 5 tháng 5 đi hái lá thuốc về dùng dần. Họ còn lấy xương bồ thái thành từng lát đem ngâm rượu, để uống trừ ôn dịch trong năm, do vậy dân gian còn gọi tiết Xương bồ hoặc Thiên trung (giờ Ngọ ngày 5 tháng 5). Có nhà còn dùng lá ngải phơi khô, tán nhỏ trộn với bột thương truật, xương bồ, quế chi, xuyên khung, bạch chỉ đem rắc mọi nơi trong nhà để trừ dịch, uế tạp.

Có người nhân ngày 5 tháng 5 chế bài thuốc "Bồ đề hoàn" để dùng trong năm. Bài thuốc này ít công phạt, các chứng cảm mạo phong hàn, sốt rét ngã nước, đau bụng hoặc rối loạn tiêu hóa đều dùng được.

Nhưng đồng bào thuộc Hoa Kiều ở Việt Nam, hoặc một số bà con ở thành thị có sự giao lưu với người Hoa, đọc sách "Cổ học tinh hoa" còn gắn tết Đoan Ngọ với kỷ niệm Khuất Nguyên cùng với Lưu Thần Nguyễn Triệu là người Trung Hoa. Những câu chuyện lý thú này lại liên quan đến một số tình tiết trong lệ tục ngày tết, do vậy cũng cần hiểu lai lịch để suy ngẫm.

** Sự tích Khuất Nguyên:*

Khuất Nguyên làm quan Tả đồ nước Sở, dưới triều vua Hoài Vương đời Thất quốc (307 - 246 trước Công nguyên). Ông là người chính trực nên bị bọn nịnh thần sàm tấu. Những ý kiến ông tâu trình đều muốn hưng lợi cho đất nước Trung Hoa hồi bấy giờ lại bị vua Sở bác bỏ. Có lần Sở Hoài Vương sang Tần, ông can ngăn không được đến nỗi Hoài Vương bị chết ở đất Tần.

Tương Vương kế nghiệp cũng bị bọn gian thần thao túng, bác bỏ những ý trung chính của ông, lại còn bắt ông đi đày.

Trước những nhiễu nhương đáng buồn đó, Khuất Nguyên làm bài thơ *Hoài Sa* rồi buộc đá vào người trầm mình tự tử, tại sông Mịch La vào ngày 5 tháng 5.

Tương Vương nghe tin mới hối hận, sức cho dân làm cỗ cúng và đem cỗ xuống sông để ông hưởng. Đêm đến ông báo mộng cho vua, rằng nếu ném cỗ xuống sông thì phải bọc lá bên ngoài và buộc bằng chỉ ngũ sắc, cá tôm mới không ăn được. Từ lời báo mộng đó, nhà vua ban lệnh cho dân. Do vậy mà hàng năm vào ngày 5 tháng 5 có lệ cúng Khuất Nguyên, tưởng niệm một vị đại thần trung chính, lại gói cỗ bằng lá, buộc chỉ ngũ sắc thả xuống sông cho ông hưởng.

Trên sông Mịch La, người nước Sở đã mở hội đua thuyền (như muốn vớt xác Khuất Nguyên), làm cỗ cúng ông tỏ lòng thương tiếc. Và chỉ ngũ sắc sau này trở thành thứ "bùa tui bùa túi" treo cho trẻ em trong tết 5 tháng 5...

** Chuyện Lưu Thân, Nguyễn Triệu*

Đời nhà Hán có hai người là Lưu Thân và Nguyễn Triệu, làm nghề thuốc sinh nhai, lại thân thiết như anh em. Nhân ngày tết Đoan Dương hai người rủ nhau vào núi

hái thuốc và tình cờ gặp hai tiên nữ, nên duyên chồng vợ không tính đến chuyện hái thuốc nữa.

Nửa năm sau, tuy sống cùng vợ tiên với cảnh quan tuyệt đẹp ở tiên giới, nhưng Lưu Thần, Nguyễn Triệu nhớ nhà da diết nên đòi về làng cũ. Hai tiên nữ ngăn cản mãi không được, đành tiễn chân hai người về làng. Nhưng khi về đến làng cũ thì mọi cảnh đều thay đổi. Vì nửa năm ở cõi tiên bằng mấy trăm năm tại cõi trần. Hai người bèn tìm lại cõi tiên nhưng không thấy nữa, nên rủ nhau vào rừng không thấy trở về...

Câu chuyện tình của hai chàng Lưu - Nguyễn chỉ có vậy, nhưng đã trở thành thiên tình sử, thành đề tài ngâm vịnh của các thi nhân. Còn dân gian thì lấy việc hái thuốc tiết Đoan Dương gặp may của hai người để tìm một điều may nào đó cho sức khỏe, cho cuộc sống con người trong việc hái thuốc tiết Đoan Dương.

Nghi thức cúng lễ và tập tục ngày Đoan Ngọ

Tết Đoan Ngọ đã trở thành tết truyền thống. Nhà nhà, làng làng đều sửa lễ cúng ông bà Tổ tiên, cúng Thần thánh, cúng các vị Tổ sư của nghề. Đặc biệt đây là tết chú ý đến việc bảo vệ sức khỏe, ngăn ngừa sâu bọ (vi trùng) làm giảm sức khỏe của con người. Đó là việc *giết sâu bọ*, bằng cách ăn rượu nếp làm cho sâu bọ trong người bị say, ăn các trái cây như mận như soài... là bồi thêm đòn cho sâu bọ chết. Họ còn mài thân sa, chu sa cho trẻ uống để chống sự phản ứng trong cơ thể.

Tắm nước lá mùi

Là tập tục mà các làng quê thường có. Người ta đun lá mùi, lá tía tô, kinh giới, lá sả, lá tre vào chung một nồi, rồi mọi người già trẻ thay nhau múc tắm. Mùa nóng lại tắm nước nóng có lá thơm, mồ hôi toát ra, cảm giác khoan khoái

dễ chịu, thơm tho làm cho người ta phấn chấn và có lẽ cũng trị được cảm mạo, bởi nước lá mùi là vị thuốc nam.

Hái thuốc mồng năm

Cây cỏ quanh ta có nhiều thứ trở thành vị thuốc chữa bệnh. Nhưng nếu các loại thảo mộc ấy được hái vào ngày mồng 5 tháng 5, lại đúng vào giờ Ngọ thì tính được càng được tăng lên, chữa các bệnh cảm mạo, nhức đầu đau xương... sẽ nhanh khỏi hơn. Do vậy, dân gian thường hái ngải cứu, đinh lăng, tía tô, kinh giới... đem phơi khô cất đi, khi nào lâm bệnh thì sắc uống.

Người ta còn lấy cây ngải cứu buộc gom thành nắm, treo ở đầu nhà, trước cửa để trừ tà ma. Thực tế thì hương thơm lá ngải sẽ giúp con người dễ chịu, khoan khoái. Lại có thể giảm bớt nhức đầu, đầy bụng nên khi lấy lá mồng năm, mọi người không thể quên lấy lá ngải cứu.

Giết sâu bọ, hái thuốc mồng năm, tắm nước lá mùi, treo lá ngải trừ tà trong tết Đoan Ngọ, mưu cầu làm cho con người, nhất là thế hệ trẻ khỏe mạnh để duy trì nòi giống, truyền thống của cha ông. Người ta còn phòng xa những bất trắc do ma quỷ, rần rết làm nguy hại đến tính mạng nên tết mồng 5 tháng 5 còn có tục đeo "*bùa tui bùa túi*". Đây là thứ bùa ngũ sắc để đeo vào vòng cổ cho trẻ em. Người ta dùng vải và chỉ ngũ sắc để may, để buộc thành các túm bùa. Một túm hạt mùi, một túm hồng hoàng rồi một số quả như khế, ớt, na... được buộc gộp thành bùa treo vào cổ trẻ em. Phải chăng hạt mùi kỵ gió, hồng hoàng kỵ rần rết, còn các quả để giết sâu bọ, chỉ ngũ sắc là màu sắc của vũ trụ kim, mộc, thủy, hỏa, thổ thường dùng để trừ ma quái, hy vọng sẽ đảm bảo cho thế hệ trẻ được khỏe mạnh, tồn tại và phát triển.

Ấy vậy mà tết mồng 5 tháng 5 còn có tục *nhuộm móng tay móng chân* cho trẻ. Họ hái lá về giã nhỏ, lấy lá vông

dùm từng nhúm rồi buộc vào móng tay, móng chân. Riêng ngón "thần chỉ" là ngón tay trỏ thì không buộc.

Sáng dậy, mở các đầu ngón ra sẽ thấy các móng tay móng chân đỏ tươi, đẹp mắt.

Ngoài mĩ thuật của tục nhuộm móng chân móng tay, tục này còn ẩn dụng ý trừ ma tà lòi kéo làm hại con người.

Phải chăng từ yêu cầu lấy quả giết sâu bọ, nên người ta đã *khảo cây lấy quả*. Dân gian quan niệm cây cũng có linh hồn nên những cây "chây lười" không chịu ra quả phải bị khảo. Một người trèo lên cây, một người cầm dao đứng dưới gốc. Người đứng dưới gốc hỏi tại sao cây chậm ra quả và dọa sẽ chặt bỏ. Người trên cây van xin sẽ ra quả và ra thật nhiều quả. Thường thì mỗi dịp này các cành ruộm rả được phát bớt và mùa tới cây sẽ ra quả. Việc này khó giải thích, nhưng biết đâu qua việc làm cỏ, phát bớt cành lại kích thích sự ra quả cho cây?

Tết Đoan Ngọ có những nghi thức tập tục độc đáo, gắn với mảnh đất, con người nhiệt đới phương nam. Đây còn là dịp tết có những thứ quả, thứ hạt đầu mùa, mà con cháu không thể quên việc cúng dâng Tổ tiên. Một quả dưa hấu, một quả mít, một chùm nhãn, đĩa mận, cân đỗ, đĩa xôi đầu mùa... đều được đưa lên ban thờ tấu Gia thần, Gia tiên. Và đây lại là những sản phẩm để đi sêu gia đình ông bà nhạc tương lai, đi tết các thầy học, thầy lang, thầy dạy nghề tỏ lòng đền ơn đáp nghĩa. Dân gian còn có lệ tết, biếu lẫn nhau tỏ tình mật thiết bằng hũu, xóm giềng.

Tết Đoan Ngọ giữa mùa dương thịnh, nóng bức nhưng các tục lệ cũng thật dào dạt tình người. Phải chăng cái tình cảm êm thấm này vừa biểu hiện sự nhu, tính âm, khiến cho âm dương giao hoà, tình người gắn bó đã làm tăng thêm ý nghĩa nhân văn cho ngày tết cổ truyền của dân tộc.

Ngày này thường liên quan đến các nơi để bẻ lá, hái quả, động đến các sản phẩm do mảnh đất con người làm ra nên thường dùng văn khấn Gia thần, Gia tiên. Có nơi còn lễ bản thổ hội đồng, mời các vị cùng lai hưởng. Tết Đoan Ngọ, trong dân gian có sự truy tư công lao của các Tổ sư, đã dạy bảo cho dân có nghề để kiếm sống. Ngoài việc đi lễ tết đối với người đang sống, người ta còn làm cỗ cúng các Tổ dạy nghề.

Lễ vật có hương hoa, oản quả, xôi gà hoặc bánh trái. Nhưng nếu có đồ khéo tức là sản phẩm do Tổ dạy như một mảng chạm, một chiếc làn mây... thì cũng bày lên dâng Tổ. Cúng xong lại đem dùng, hoặc để thờ tùy sản phẩm.

Văn khấn: Bách nghệ lễ Tiên sư văn

Hôm nay là ngày... tháng... năm

Con là... ngụ tại...

Kính lạy đức... Tổ sư, cùng chư vị Tiên sư

Cảm chiêu cáo vu Tiên sư

Tài cao xuất loại,

Trí nại tiên tri

Phạm vi thiên địa nhi bất quá,

Khúc thành vạn vật nhi bất di

Nghệ tuy hữu tinh thô các dị,

Bản đồ tông chế tác tùy nghi

Tư nhân lệnh tiết

Kính thiết phi nghi

Thượng kỳ giám cách

Tích dĩ hồng hi.

Mặc quyền thân cung khang thái,

Âm phù phúc lý vĩnh tuy

Thực lại Tôn Thần khoan nhân chính trực tài bồi chi
lực dã.

Cẩn cốc.

Dịch nghĩa (đoạn âm Hán)

... Dám xin cáo với Tiên sư

Tài hơn so với mọi người

Trí giỏi không biết trước được.

Tạo thành muôn vật đủ mọi thứ cho đời,

Trời đất đặt khuôn chẳng qua là chước lược

Dù tinh dù thô cũng được có nghề,

Chế tác tùy theo ý người sử dụng

Nay nhân tiết lành

Kính bày lễ vật

Tiên sư soi xét

Tấm lòng sắt son

Phù hộ cho gia quyến làm ăn thành đạt, thân thể bình
yên, lại thêm lộc, thêm tài hoạch phát.

Muôn trong công đức Tiên sư ban ân giúp đỡ vậy.

Kính cẩn dâng lời.

9. Lễ Thất tịch (7 tháng 7)

Lễ Thất tịch còn gọi lễ Ngâu. Tháng 7 mưa nhiều, rá
rích suốt ngày này sang ngày khác nên người ta gọi là mưa
Ngâu.

Ngoài trời mưa tầm tã, liên miên, như gọi nỗi buồn
man mác, nhiều cụ già đã kể lại tích mưa Ngâu cho cháu
nghe:

Chức Nữ là con gái của Ngọc Hoàng, vừa có nhan sắc vừa có tài dệt vải, thêu thùa may vá. Ngưu Lang tuy là người chăn trâu nhưng có tâm hồn thi sĩ, có tài làm thơ. Hai người yêu nhau tha thiết và được Ngọc Đế cho phép nên vợ nên chồng.

Ngưu Lang - Chức Nữ sống hạnh phúc bên nhau, lại quá đắm đuối bởi tình yêu, sao lãng công việc cưỡi canh, thêu thùa, cũng như văn bài hàng ngày. Đến như đàn trâu cũng không lo chăm sóc.

Trước lâm lỗi ấy, Ngọc Đế đày hai người ở hai bờ sông Ngân và một năm cho qua bắc cầu Ô Thước để Ngưu Lang - Chức Nữ hội ngộ một lần. Hai người gặp nhau khóc lóc thảm thiết. Những giọt nước mắt ấy đã tạo nên các trận mưa tầm tã ở cõi trần vào tháng bảy.

Sách "Tục Tê hai ký" lại ghi:

Ở phía Đông Ngân Hà có Chức Nữ là cháu của Ngọc Hoàng, ngày này sang ngày khác chăm chỉ dệt vải không nghĩ đến chuyện điểm trang. Vua Trời thương cô quạnh bèn gả cho Khiên Ngưu Lang ở phía Tây Ngân Hà. Từ khi hai người lấy nhau, Chức Nữ mãi vui duyên chồng vợ, biếng nhác công việc. Vua giận bắt trở lại phía Đông sông Ngân, chỉ cho gặp nhau vào đêm 7 tháng 7 ở phía Tây bờ (cho qua bắc cầu Ô Thước) nên khi gặp nhau tình tự khóc lóc như mưa...

Từ câu chuyện này nên con gái thuở xưa có lệ khát xảo (xin khéo). Lấy kim khâu thường dùng hướng về phía mặt trăng để khâu chỉ. Có khi dùng kim 9 lỗ chỉ ngũ sắc để khâu. Nếu khâu được là được khéo sẽ gặp nhiều may mắn. Phải chăng đây cũng là việc tạo tính nhẫn nại, tránh sự biếng nhác để đến tình cảnh của Chức Nữ - Ngưu Lang.

Lễ Thất tịch và lễ xin khéo hiện nay ít người thực hiện.

Ở thành thị thì một số gia đình đêm 7 tháng 7 vẫn giữ lệ này. Nhưng họ chỉ hương hoa lễ trời, cầu cho mình và cầu mong cho Ngưu Lang - Chức Nữ hạnh phúc, rồi quây quần giải thích chuyện mưa Ngâu.

10. Tết Trung nguyên (15 tháng 7)

Dân gian cho rằng sống trên đời khó có ai vẹn toàn. Không tội này thì tội khác, chắc khi về cõi âm sẽ vướng phải ngục hình. Nhưng dù tội lỗi gì đi chăng nữa thì dịp rằm tháng Bảy là ngày tết Trung nguyên, còn gọi lễ Vu Lan. Ngày này mọi vong nhân ở cõi âm đều được tha. Do vậy trên trần gian mọi nhà đều làm cỗ cúng Gia tiên. Lại đốt cả vàng mã hy vọng người chết sẽ nhận được để không bị rách rưới (có người đốt mã từ ngày 14 sợ ngày 15 cô hồn cướp, vậy ngày 15 mới mở cửa ngục thì sao?)

Ngoài việc cúng Gia tiên, một số gia đình còn bày cỗ chúng sinh ở ngoài sân để cúng các cô hồn, mà dân gian thường gọi là cúng cháo.

Cúng cháo thường bày vào nong, hay nia, mẹt tùy theo cỗ nhiều hay ít. Lễ vật thường có cháo hoa, cơm vắt, chuối, ổi, bánh, kẹo, ngô rang, xôi chè... nhưng đều cắt nhỏ như để chia cho nhiều người. Ngoài ra còn có giấy tiền, quần áo nhỏ...

Cúng cháo để bố thí cho các vong hồn không nơi thờ cúng, những người chết đường chết chợ, chết vì binh đao không ai hay biết, những cô nhi yếu vong không ai cúng giỗ... tục lệ này mang tính nhân đạo, phản ánh bản chất thương đồng loại của nhân dân, dân tộc Việt Nam ta.

Như trên đã nói, tết Trung nguyên còn gọi Vu Lan, liên quan đến việc cầu siêu cho vong linh của đạo Phật. Cho nên tết này một số gia đình hay lên chùa cầu siêu cho người đã khuất. Tuy vậy, vẫn cúng Gia tiên tại nhà, do vậy dùng bài văn tế:

Trung nguyên cáo tế Tổ tiên văn và tiếp theo đọc bài
Trung nguyên tế tạ Tổ văn:

Trung nguyên cáo tế Tiên tổ văn:

... Sau khi đọc ngày tháng năm, tín chủ con là... ở đâu...
Kính lạy: Tổ hiệu... vị tiên viết,

Tư giả tiết giới Trung nguyên

Y vu... (tại chùa hay đền gì ở đâu)

Kính thiết trai đàn, tụng kinh siêu độ

Ngưỡng kỳ chiếu giám, bái sám văn kinh.

Thứ đặc âm dương quân lợi, cung mông xuất xử giai
hòa

Cẩn cóc.

Trung nguyên tế tạ Tổ văn:

Mỹ hiệu... vị tiên viết lễ thời vi đại,

Phủ thì nhi bất thất thời

Thiện sự đương vi cử sự thứ vô phế sự.

Lễ do nghĩa khởi văn dĩ tình sinh.

Quyển duy:

Ngã tiên linh cập chư u linh

Sinh tiền để đỉnh thiện duyên quy y Phật giới.

Hữu quyền gia tư nhi truy nạp,

Ngưỡng kỳ hóa hậu dĩ siêu thăng

Quân tại chiêm y, đồ phân kim cổ,

Quang âm thuận tức, trần mộng minh mang

Lạc hoa vô phản thụ chi kỳ

Thệ thủy tuyệt quy nguyên chi hộ.

Cổ chi nhân tăng hữu phát tư thân dã
Tại ngã hậu chi nhân xu bồi thiện phả
Truy ức tiền công kỳ năng mạc nhiên vu hoài dã?

Tư trị Trung nguyên

Lễ tuần Phật giáo

Trai cung liêu thiết kiến cầu giải thoát vu tiền khiên,

Hợp tế nhất diện thứ biểu truy tư chi hảo sự.

U linh phảng phát, hữu ngã đồng nhân

Cẩn cốt

Dịch nghĩa

Văn lễ cáo Tổ tiên tết Trung nguyên

Hôm nay là ngày... tháng... năm... tín chủ con là... ở
thôn... xã (phường)... huyện (thành phố)... tỉnh...

Kính lạy:... (các vị tổ, ông bà)

Trước linh vị thưa rằng nhân tiết Trung nguyên

Tại nơi... (chùa hay đền thiêng) kính đặt đàn chay tụng
kinh siêu độ.

Ngửa xin soi xét, lạy đọc văn kinh

Mong cho âm dương lưỡng lợi, cầu sao mọi việc tốt
lành.

Kính cẩn dâng lời

(vái 4 vái rồi tiếp tục đọc bài Trung nguyên tế tạ Tổ
văn)

Kính lạy... (đọc mi hiệu của tổ, ông bà...)

Trước vị tiên thưa rằng lễ là việc lớn

Đúng vào dịp này việc lành đang làm không phải vô ích

Lễ do nghĩa xếp đặt, văn bởi tình mà sinh ra

Trộm nghĩ rằng:

Tiên linh nhà ta cùng chư vị Tổ tiên

Lúc sinh thời có nhân duyên tuân theo đạo Phật

Nên có phần đóng góp công đức vào chùa.

Ngóng trông về sau lúc qua đời,

Mọi sự nương nhờ xưa nay đã định.

Sáng cõi âm chốc lát, đẹp mộng trần mênh mang

Hoa rụng đâu có trở lại cây

Nước tắc khó tìm về nguồn cũ,

Đó là điều người xưa từng nói vậy.

Con cháu hậu sinh tìm điều tốt đẹp trong gia phả,

Tìm lại công đức tiên nhân để ghi tạc trong lòng.

Nay nhân Tết Trung nguyên

Lễ theo như Phật giáo

Bày biện lễ chay cầu giải thoát oan khiên thuở trước.

Lại cùng chiếu tể để tìm điều tốt đẹp cho đời sau.

Mong vong linh Tổ tiên soi xét giúp đỡ mọi người vậy.

Kính cẩn dâng lời!

Một bài văn nôm khác để khấn Tổ tiên trong ngày 15-7

Kính lạy đức Bản gia Đông trù tư mệnh Táo phủ Thần quân

Kính lạy chư vị Tiên tổ

Kính lạy chư vị Hương linh nội, ngoại.

Hôm nay là ngày rằm tháng bảy năm...

Con là... đồng gia quyến hiện ở tại...

Nhân tết Trung nguyên động lòng nhớ tới công đức

rộng lớn của Tổ tiên, ông bà, cha mẹ đã sinh thành ra chúng con,

Gây dựng cơ nghiệp, dạy dỗ chúng con nên người.

Quả là đức cù lao khôn báo, công trời biển khó đền.

Trước linh tọa cúi xin lượng trên thương xót. Linh thiêng giáng lâm chứng giám tấm lòng thành, thụ hưởng lễ vật cùng với kim ngân minh y. Phù hộ độ trì cho con con, cháu cháu được đắc tài đắc lộc, mọi việc hanh thông, sở cầu tất ứng, gia đạo hưng long.

Tín chủ lại mời: các vị vong linh y thảo phụ mộc, phảng phất trên đất này, nhân lễ Vu Lan cùng về hâm hưởng

Kính mong chư vị chấp lễ chấp bái, chấp kêu chấp cầu

Đồng lai giám cách

Kính cẩn dâng lời.

Gia chủ nào làm cỗ cúng chúng sinh, thì bày biện ở ngoài sân, nơi sạch sẽ (có kê cao)

Văn khấn chúng sinh (bài văn trong dân gian)

Nam vô A di đà Phật (3 lần)

Kính lay đức Đông trù tư mệnh Táo phủ Thần quân

Hồi vong linh cô hồn phảng phất

Tiết Vu Lan xá tội gần xa

Âm cung cửa ngục mở ra

Vong linh không cửa không nhà bơ vơ

Trạnh lòng thương kẻ thất cơ

Ít nhiều bố thí gọi là đem tâm

Hồi chúng sinh không mồ không mả

Hồn lang thang xó chợ đầu đường

Quanh năm đói rét cơ hàn
Không manh áo rách che làn gió may
Cô hồn phảng phất đó đây
Mau về tụ hội nhân ngày Trung nguyên
Dù rằng chết phải nỗi oan
Chết bởi nghiện hút, chết ham làm giàu
Chết tai nạn, chết ốm đau
Chết đâm, chết chém, đánh nhau vì tình
Chết bom đạn, chết đao binh
Chết bởi chó dại, sản sinh không thành
Thương ôi chết ở giữa dòng
Vong hồn trôi nổi biết rằng nơi đâu?
Trăm nghìn kiểu chết khác nhau
Giữa đường xe cộ biết đâu mà lường
Nay tín chủ thành tâm sắm biện
Cơm canh cùng cháo tẻ trầu cau
Tiền vàng quần áo các màu
Mau về tiếp nhận trước sau gọi là
Rồi giắt nhau về nơi âm giới
Phù hộ cho tín chủ bình yên
Hạnh thông mọi việc làm ăn
Trẻ già trai gái thành tâm thỉnh cầu
Nam mô A di đà Phật
(Vái 3 vái)

(Khấn xong đốt tiền vàng, quần áo giấy loại nhỏ của chúng sinh, đồng thời rắc gạo rắc muối ra các hướng).

11. Tết Trung Thu (rằm tháng Tám)

Tết Trung Thu có từ lâu đời, được tổ chức vào đêm rằm tháng tám để mọi người, đặc biệt là trẻ em vừa ngắm trăng, vừa ăn cỗ, hoặc ca hát, chơi đùa dưới trăng.

Cổ cúng ngày rằm tháng Tám chủ yếu là các loại bánh, hoa quả, mía, hương hoa nên việc chuẩn bị đồ phần vật v.v. Người ta mua sẵn bánh kẹo ở cửa hiệu làm bánh truyền thống các loại bánh nướng, bánh dẻo. Mua bưởi, chuối, hồng, mía ở chợ. Có người còn mua cả cốm giã, hoặc bánh cốm để thưởng thức hương vị đầu mùa. Các gia đình khá giả hoặc chu đáo hơn còn nấu cả xôi, chè...

Cổ được bày biện trên ban thờ vào lúc chập tối và ánh trăng rằm đã tỏa sáng khắp nơi. Gia chủ thắp đèn hương khấn Gia thần, Gia tiên cùng về vui tết gia đình con cháu.

Có nhà khấn nôm, có gia chủ cẩn thận hơn, đọc bài văn khấn "Xuân thu tế Tổ tiên văn" (Xem phần văn khấn đêm 30 tết).

- Ở nhà Từ đường dòng họ, hay đền, đình thì đọc bài

Bát nguyệt nhập tịch văn

....

Cung duy

Tôn thần linh chung quang nhạc, khí tú sơn hà,

Ngũ hành thể phạm, vạn thiện cung la

Thánh đức tương thành hạp cảnh,

Anh linh, phổ động nhĩ hà

Tư thích trọng thu hảo tiết

Cung trần nhập tịch xướng ca

Thanh tử y quan kỳ ngũ phúc

Thăng trầm tiên cổ vọng tam đa.

Nguyện kỳ giám cách, tích dĩ nhòa
Mặc tướng tứ dân thương mại miên miên tăng phú quý,
Âm phù nhất ấp canh sừ tuế tuế đắc vinh hoa.
Thực lại tôn thần chính trực vô tư chi đức đã
(Vái 4 vái)

Dịch nghĩa

Trộm nghĩ rằng
Thần sáng như núi nhạc
Khí đẹp tựa sơn hà
Ngũ hành tuân theo phép
Muôn thiện xin cúi đầu
Bề trên thương mà tới,
Anh linh khắp gần xa.
Nhân tết Trung Thu thời tiết đẹp
Trước án tiền cung kính cầu xin.

Áo tía nghiêm trang cầu 5 điều phúc (phú quý thọ
khang minh)

Thăng trầm cũng hướng được 3 điều đa (đa tài, đa
phúc, đa lộc).

Nguyện Thần xét soi cho mọi sự được an bình,
Âm thầm giúp dân buôn bán năm năm tăng phú quý,
Lại phù làng thôn mùa vụ được bội thu.
Cúi xin Tôn Thần chính trực vô tư ban cho ân đức vậy.
(Vái bốn vái)

*Đôi điều về ngày tết Trung Thu. Nguồn gốc qua huyền
thoại dân gian*

Huyền thoại cho rằng vào một đêm rằm tháng Tám,

trăng sáng trời trong, Đường Minh Hoàng ngự chơi mãi tới khuya, bỗng gặp người Tiên và được mời lên cung Quảng Hàn thưởng thức cảnh tiên. Đường Minh Hoàng xúc cảm trước vẻ đẹp lạ thường, lại được xem vũ khúc của tiên nữ tuyệt diệu. Khi đến cung trăng, vua thấy biển đề "Quảng Hàn cung" và "Thanh hư động".

Nhưng mới xem nửa chừng, Đường Minh Hoàng đã phải trở lại cung điện xưa. Người luyến tiếc những giây phút đầy thơ mộng, nên nhân ngày này mà đặt lễ tết Trung Thu, để mọi người được uống rượu trông trăng và cung trăng từ đây được gọi cung Quảng Hàn hay cung Quảng.

Đêm Trung Thu, dân gian vừa ăn cỗ vừa kể chuyện về trăng. Trăng là Thái âm, là nơi mát lạnh với nhiều điều tốt đẹp và ở đây có con ngọc thỏ, có cây đa và chú cuội.

Vậy Ngọc thỏ sự tích ra sao?

Có một thời trái đất lâm nạn, người và vật đều bị đói. Các loài vật phải tàn sát lẫn nhau để sống. Bầy thỏ yếu đuối chỉ dám ngồi trong chỗ kín chờ ngày chết. Có một bầy thỏ vây quanh một đồng lửa nhìn nhau ứa lệ trước cảnh đói khát. Bỗng một con thỏ thương tình đồng đội, tự nhảy vào lửa làm thức ăn cho bầy thỏ. Vừa lúc đó đức Phật đi qua. Ngài động lòng thương hại và khen nghĩa khí của con thỏ, nên nhặt nắm xương tàn của nó, hóa phép thành chú thỏ hoàn toàn bằng ngọc thơm tho lại xin với Thái Âm thần nữ cho Ngọc thỏ ở cung Quảng Hàn tức cung trăng. Do vậy nói đến cung trăng là nói đến Hằng Nga, nói đến Ngọc thỏ. Có làng muốn tìm tên hay để đặt, đã dùng tên Ngọc thỏ, hay Thuy thỏ (thỏ lành) để đặt cho quê hương, như muốn giữ điều nhân ái đáng quý của chú thỏ bé nhỏ.

Trên cung trăng có "chú cuội ngồi gốc cây đa". Đêm rằm Trung Thu ta nhìn thấy bóng cây đa và bóng người đang ngồi dưới gốc đa (sách Trung Hoa thì cho bóng cây

này là cây Đan Quế, còn người ngồi gốc là Ngô Cương. Ngô Cương mắc tội, bị trời đày phải chặt cây Đan Quế). Dân gian Việt Nam cho là chú Cuội và câu chuyện như sau:

Chú Cuội nổi tiếng lừa gạt: "Đi nói dối cha, về nhà nói dối chú" bị mọi người lên án, chê cười.

Có lần Cuội xin được một cây đa ở một cụ già đem về trồng ở phía Đông nhà. Cụ già còn dặn không được đi tiểu gần gốc cây. Không ngờ vợ của Cuội quên lời dặn, khiến cây tự lay gốc rồi dông lên trời. Cuội đi làm về thấy vậy, liền lấy cước bổ vào gốc cây định giữ, thế là bị lôi lên cung trăng, khiến ngày rằm dưới thế gian nhìn thấy hình bóng cây đa và người ngồi dưới gốc?

Huyền thoại trên đây giúp mọi người suy ngẫm về đạo đức làm người, lại là câu chuyện vui bên mâm cỗ đêm rằm trăng trong gió mát.

Ngoài việc cúng Gia tiên, phá cỗ, nghe kể chuyện về trăng, đêm rằm còn có chuyện chơi đèn kéo quân, đèn ông sao, đèn con cá chép... các trò như múa sư tử, hát đúm, hát trống quân. Ngày nay, đêm Trung Thu thường tổ chức cho các em vui chơi tập thể, biểu diễn văn nghệ rồi chia quà cho các em khiến trong xã, phường vui nhộn hẳn lên. Và tết Trung Thu trở thành ý nghĩa không thể thiếu đối với các em, nhất là các em trong hoàn cảnh tàn tật, côi cút.

*

* *

Trong năm còn một số lễ tiết như tiết Trùng Cửu (9-9) còn gọi tiết Trùng Dương. Lấy tích ngày này lên núi hái hoa sẽ trừ được tai vạ bất ngờ. Nhưng tích này ít được thực hiện, nhất là trong hoàn cảnh hiện tại.

12. Lễ Trùng thập (10-10) và lễ cơm mới (15 - 10)

Hai lễ này thường được kết hợp làm một cho giản tiện. Nhưng các lễ tiết này cũng chỉ có vùng có nơi thực hiện. Họ làm cơm bằng các sản phẩm mới sản xuất được để cúng Gia tiên, hoặc đem sản phẩm mới như gạo tẻ, gạo nếp, đỗ xanh, chim ngói... đi tết các ông thầy dạy nghề, hay các thầy lang đã giúp đỡ gia đình, cũng như bản thân thành sự.

Người xưa đã làm thơ về tết cơm mới (Thường tân)

*"Mỗi phùng tân mễ sơ thung đắc,
Hựu thiết đường trung phụng Tổ thần.
Nhân thế đương tri vô cố bản,
Thùy quan hậu duệ hưởng ân thâm"*

Dịch nghĩa:

Mỗi khi gạo mới giã xong,
Thối cơm dâng cúng Hương linh Tổ thần.
Nếu như không biết xa gần,
Gốc quên sao dễ hưởng ân sau này.

Văn khấn tiết thường tân (cơm mới)

Hôm nay...

Tín chủ là.... ở....

Kính lạy chư vị Tiên sư Thánh đế, Thổ địa Long mạch chính thần.

Kính lạy chư vị Tổ tiên, Hương linh nội - ngoại.

Dám xin cáo với đức Tiên sư Thánh đế họ Thần Nông ngồi ở chín trùng, nối liền mãi mãi.

Nhân thời tùy đất mọi việc lo toan

Đẻo cây làm bữa dạy dân cấy hái.
Đương đại thường thấm đức cao sâu.
Muôn thuở phải chịu ơn mưa móc
Nay nhân tiết Cơm mới xin bày lễ bạc,
Kính thỉnh đức Tiên đế cùng chư vị Tôn thần.
Kính mời Tổ tiên, Hương linh đồng lai phối hưởng
Diêu soạn thứ tu, trà tửu kim ngân
Phù hộ cho tín chủ được sở nguyện tòng tâm
Gió hòa mưa thuận mùa lại mùa thắng lợi.
Sức khỏe dồi dào chăm công việc năm năm.
Xóm làng (đường phố) yên ổn không sợ rối ren,
Quan lại thanh liêm chẳng lo đói khát.
Sống lâu trong thế cuộc bình yên,
Vui vẻ cũng cảnh nhà khoái lạc.
Thực đội ơn đức Tiên đế cùng chư vị Gia thần, Gia tiên vậy.
Kính cẩn dâng lời.

B- KỶ NHẬT, HIẾU, HỖ, SÓC VỌNG

Đạo làm người phải có nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Lại phải có trung có hiếu. Để giữ được cái phẩm hạnh trên, các gia đình dòng họ còn phải lo gánh vác nhiều chức phận trong cuộc sống, mới giữ được truyền thống dân tộc. Thực vậy, ngoài phần lễ tiết như trên đã nêu, trong dân gian còn có các ngày sóc (mồng một), vọng (ngày rằm) hàng tháng. Các ngày kỵ trong năm và đột xuất có các ngày lễ dâng hương "động thổ" để làm nhà, làm phân xưởng sản xuất, lễ khánh thành nhà ở, hoặc các công trình mới làm, cửa hàng của hiệu, hoặc những lễ đột xuất như lễ cầu an, cầu tự, khiêu nãi mất của, lễ bản mệnh, lễ dâng sao giải hạn và cả việc

sinh con khó nuôi phải làm lễ bán, hy vọng con sẽ khỏe mạnh để được yên tâm buôn bán, sản xuất. Có nhà còn lập ban thờ Thần Tài hy vọng Thần âm phù cho việc buôn may bán đắt, làm ăn khá giả.

Các thủ tục vừa nêu không phải gia chủ nào cũng làm, người nào cũng thực hiện. Nghĩa là tùy gia cảnh, nhưng nếu bày vẽ rườm rà, sùng bái quá đà sẽ trở thành mê tín dị đoan, ảnh hưởng đến việc lao động sản xuất, sinh hoạt hàng ngày thì cũng không nên, không phù hợp với thời đại mới ngày nay.

1. Ngày sóc, vọng hàng tháng (ngày mồng một và ngày rằm)

Ngày sóc và ngày vọng tức là ngày mồng một đầu tháng và ngày rằm giữa tháng, các gia đình Việt Nam thường quét dọn ban thờ, sắm biện hương hoa, chêm hương ban thờ Gia thần và Gia tiên. Lễ vật các ngày này đơn giản, nhưng có người còn sắm cả bánh trái hoặc cỗ xôi con gà cùng tiền vàng để làm lễ.

Văn khấn lễ sóc, lễ vọng dùng chung bài, chỉ phải thay đổi ít chữ cho phù hợp là được.

Văn khấn ngày sóc, vọng

Hôm nay là ngày... tháng... năm...

Tín chủ con là... đồng gia... kính cáo

Con lạy đức Đông trù tư mệnh Táo phủ Thần quân,
Long mạch Tôn thần đồng chư vị Thần tài.

Con lạy chư vị Tiên tổ, Hương linh...

Tuân theo lễ luật, mồng một đến ngày, kính bày lễ sóc⁽¹⁾

⁽¹⁾ Nếu lễ vọng thì ghi: Tuân theo lễ luật, lễ vọng đêm rằm...

Thành tâm sấm biện, trà tửu hương hoa
Kính cẩn lạy dâng, Tôn thần, Tiên tổ
Cúi xin phù hộ, cứu khổ trừ tai.
Tiến lộc tiến tài, cháu con hiếu thảo
Gia đình hoàn hảo, mọi việc hanh thông
Trăm, lạy nghìn trông, thần công mạc trắc.

Phục duy thượng hưởng.

2. Các ngày kỵ nhật trong năm

Đạo làm con phải biết phụng dưỡng cha mẹ khi còn sống và phải biết phụng thần thánh mà đời tiếp đời phải tuân thủ, tự giác thực hiện. Nếu ai đó làm sai đi hẳn gánh chịu hậu quả "Sống trước sô đâu, sống sau đổ đầy".

Ngày kỵ Gia tiên, tức là ngày giỗ người thân trong nhà, nên có lễ cáo hôm trước, hoặc đèn hương từ sớm đến chiều cúng, tức là có ý mời trước, thể hiện thịnh tình đối với Hương linh.

Lễ vật cúng Gia tiên thì tùy lòng, nhiều ít, các món mà Tiên linh sở thích... do gia chủ bày biện ít nhiều tùy hoàn cảnh.

Văn khấn Gia tiên ngày giỗ (hay có việc muốn kêu cầu)

Hôm nay là ngày... tháng... năm...

Cháu nối việc phụng thờ tên là...

Cùng toàn gia, con cháu đang ở thôn... xã (phường)... huyện (thành phố)... tỉnh.

Cúi đầu trăm lạy trước linh vị...

Nhớ tới ngày kỵ (hay có việc gì muốn kêu cầu)

Kính dâng lễ mọn: hương hoa phù tửu, kim ngân tỉnh quả...

Bày tỏ tác thành trước liệt vị Tôn thần tọa tiên, kính cáo Gia thần.

Kính mời ông... quý công, tên tự là... hiệu là... và bà ... v.v. ... đồng lai phối hưởng.

Tưởng nhớ công ơn biển trời khi trước

Lại nhìn xem cảnh vật tươi đẹp hôm nay

Trộm nghĩ: Ăn quả nhớ người trồng cây

Cúi trông thấu tỏ tấm lòng ngưỡng mộ.

Âm phù cho gia cảnh phấn chấn, con của sinh sôi

Mất tuệ xét soi, xui tránh mọi hung tai quấy nhiễu.

Phép thiêng vùng vẫy, khiến gặp nhiều phúc lộc yên vui

Lại mời chư vị Gia thần, Gia tiên chứng giám lễ thường che chở giúp đỡ.

Cầu mong sao xiết

Cung kính dâng theo điều nguyện.

Cẩn cốt.

*

* *

Đất nước ta trải qua các thời kỳ chiến tranh cùng những biến động xã hội do vậy có nhiều trường hợp thất lạc ngày giỗ, thậm chí còn thất lạc mồ mả. Do vậy, con cháu phải chọn ngày cúng chung, do vậy sẽ đọc bài.

Khất kỵ hợp cúng văn:

Hôm nay là ngày... tháng... năm...

Thừa tự cháu là... đồng gia quyến hiện ở tại thôn... xã

(phường)... huyện (thành phố)... tỉnh... Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Xin cùng gia quyến nhất tâm phụng sự Gia tiên.

Nhân ngày này tháng này giỗ nhiều vị, hoặc gần hoặc xa, trước sau xa cách. Các ông... quý công hiệu... bà... hiệu...

Xin cùng đến ngày hôm nay hợp kính nhất duyên.

Trên ban thờ cỗ bàn bày biện, hoa quả chi nghi.

Con cháu gần xa kính mời chư vị chứng giám.

Lại kính mong tổ hiệu⁽¹⁾ cùng chư vị....

Hôm nay cũng như các ngày giỗ khác

Cung vọng liệt vị Tổ tiên cùng về chứng giám

Kính mong chư vị nhận cho lễ vật, ban phúc gia ân

Nếu có lỗi lầm kính xin đại xá.

Cẩn cáo.

- Qua bài khấn trên, đủ biết thành phần mời về trong ngày hợp cúng này, nên gia chủ sắm biện chú ý đến số lượng bát đĩa, để tránh sự thất thố đối với Tổ tiên cũng như người đã khuất.

(Nên để một vài bộ bát đĩa thờ, mỗi bộ 4 bát để phòng. Số lượng chư vị và khách mời của chư vị có thể cùng về chứng giám).

3. Lễ động thổ và khánh thành nhà ở hoặc cửa hiệu, phân xướng...

Quan niệm dân gian cho rằng: "Đất có Thổ Công, sông

⁽¹⁾ Các Tổ hay Cao tổ tỷ là các kỵ ông, kỵ bà (5 đời)

- Tầng tổ hay Tầng tổ tỷ là các cụ ông, cụ bà (4 đời)

- Tổ khảo hay Tổ tỷ là các ông, các bà (3 đời).

có Hà Bá" do vậy việc thiết kế công trình hay khánh thành công trình nhà ở, cửa hàng, cửa hiệu, phân xưởng sản xuất đều nên có lễ kêu cầu để công việc được trôi chảy. Tất nhiên, người ta phải kén chọn ngày giờ tốt để khởi công, tránh những ngày thụ tử, phạm sát, trùng tang, trùng phục, ngày hỏa hoặc không phòng, ly sào...

Trước giờ khởi công, gia chủ sắm biện lễ vật hương hoa... tùy tâm. Đặt lễ trên mâm có kê đôn tại khu đất để làm lễ. Gia chủ lên đèn hương, vái bốn phương (mỗi phương 4 vái) rồi đọc văn khấn. Khấn xong hóa tiền vàng rồi đào, cuốc mấy nhát nơi định làm, mở đầu cho việc thi công đào móng.

Văn khấn: Lễ Thần linh văn (dùng khi động thổ)

Duy Cộng hòa xã chủ nghĩa Việt Nam, ngũ thập lục niên... nguyệt.... nhật, trú ở... tỉnh... huyện (thị)... phường (xã)... thôn. Môn bài... (nếu có).

Tín chủ... hợp đồng gia đẳng, tình chỉ kỳ vĩ, nại ư kim niên tu tạo gia thất. Tư trạch đắc cát nhật, lễ hành thụ trụ. Vị thủ cần dĩ phù lưu thanh chúc.

Cảm kiến cáo vu vị tiên

Viết hữu lễ tất cáo lễ dã.

Cung duy: Tôn thần chức tư thổ giới, hùng cứ địa phương.

Thông minh duệ trí, tuất cập phạm tình

Giám thủ đan thành, chấp kỳ lễ bạc.

Bảo hộ tín chủ gia môn thịnh vượng, nhân vật bình an

Nhất thời cầu tác vạn đại trường tồn.

Tái hữu tu trúc tường viên, khủng hữu vi thương long mạch.

Ngưỡng kỳ đại đức, nhất xá mông âm

Thực lại bản xứ Tôn thần chính trực vô tư âm phù mặc
tướng.

Cẩn cốc.

(Nếu không muốn đọc phần chữ Hán trên thì đọc phần
dịch nghĩa)

Dịch nghĩa

Duy Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm thứ 56
(2001) tháng... ngày... Hiện tín chủ ở tại... tỉnh, huyện
(thành)... xã (phường)... thôn... môn bài số...

Tín chủ là... cùng toàn gia nhất tâm vì công việc tu tạo
nhà đất riêng, chọn ngày lành làm lễ khởi công động thổ.

Kính cẩn sắm biện trâu nước

Lòng thành tấu lên đức Thần linh vị tiền.

Trộm nghĩ rằng:

Tôn thần cai quản lãnh thổ, hùng cứ một phương

Thông minh sáng láng, thương đến dân lành

Chứng giám lòng thành, giám lâm lễ bạc

Giúp cho tín chủ cửa nhà thịnh vượng, nhân vật bình
an

Một thời xây dựng, muôn năm trường tồn

Sợ khi xây dựng khuôn viên, chạm đến đất đai long
mạch.

Kính trông đại đức, nhất xá ban ơn.

Kính mong Bản xứ Tôn thần

Chính trực vô tư, âm thầm phù hộ.

Kính cẩn dâng lời.

*

* . *

Một số gia đình có hoàn cảnh nhiều lần sinh con mà không nuôi được, không rõ lý do gì? Do bệnh tật hay cách nuôi trẻ thiếu khoa học, nhưng họ rất lo lắng và nghĩ đến chuyện lễ xin bán con tại cửa đền, cửa mẫu.

Có người lấy nhau đã lâu mà muộn mằn đường con cái đã nghĩ đến việc đến đền, đến chùa cầu tự.

Có người mất của tìm không ra cũng làm sớ tấu trước linh từ, mong thần thánh chỉ bảo để tìm ra kẻ gian làm cho cảnh thổ được bình an.

Lại những việc dựng vợ gả chồng cho con cũng không thể quên sắm lễ để tạ ơn tổ hồng Nguyệt lão đã tác thành cho các cháu nên duyên.

Có địa phương trong thôn xóm nội tình thiếu hòa thuận, có tai ương làm cho tổn thất đến vật chất, mùa màng. Hoặc gia cảnh nhà ai đó làm ăn thua thiệt, con cái ăn chơi khó bảo... người ta làm sớ cầu an ở chùa, đền mong giải trừ hiểm họa.

Dù đúng, dù sai những việc làm trên đây đều mang tính phục thiện và là ước nguyện chính đáng trong lĩnh vực quyền sống, mưu cầu hạnh phúc cho cá nhân cũng như cộng đồng. Tất nhiên, cũng cần ngăn ngừa những tiêu cực hoặc do chủ quan, hoặc do khách quan của những người làm nghề mê tín đem đến, làm tổn hại đến tiền của, đến cả sự đoàn kết, bất bình quan điểm trong gia đình.

Chúng tôi xin đề cập phần sớ tấu các vấn đề trên ở phần đền, chùa, phủ để mọi người tham khảo.

Hiện nay, tuy sống giữa thời buổi khoa học hiện đại

nhưng một số người vẫn chú ý đến đời sống tâm linh, thích nghiên cứu số tử vi, tin ở một sự vô hình nào đó của các sao chiếu mệnh đối với bản thân nên làm lễ dâng sao giải hạn tại đền chùa hoặc tại nhà, mong các vì sao thủ mạng giải trừ cho những tai ách bất cập trong năm, giúp cho bản thân khỏe mạnh, làm ăn tấn tới. Không biết việc dâng sao giải hạn có kết quả gì không? Song bởi tư duy trong cuộc sống nên dân gian không bỏ qua việc này. Sách *Địa chí thế kỷ XIX* của Tiến sĩ Khiếu Năng Tĩnh có ghi: Từ ngày 5 đến 25 tháng Giêng, chọn ngày làm lễ dâng sao giải hạn ở nhà và lễ cầu thân giải hạn ở đền hoặc chùa. Nghĩa là thủ tục dâng sao giải hạn đã có từ lâu và trở thành tập tục cầu lành, cầu thiện.

Vấn đề này đã được trình bày kỹ về cách thức lễ ở phần trên, nhưng nêu ra để muốn nói tới một nghi thức lễ bản mệnh khác trong năm. Vậy con người ta trong năm vừa chịu các sao chiếu mệnh, vừa chịu sự giáng phúc, giáng họa của các vị công chúa, quan hoàng, vương quan thần tướng sao?

Thật khó giải thích nhưng cũng thật rõ ràng thấy trong dân gian có nhiều người kể cả quý bà, thậm chí quý ông, bốc bát nhang bản mệnh, mà người ta thường gọi là: "tôn lô nhang bản mệnh" để mong tránh được bệnh tật, tai nạn và nhất là tử vong.

4. Tôn lô nhang bản mệnh

Người xưa đã đúc kết về con người liên quan đến vũ trụ: "Cảm ứng giữa người và trời" nghĩa là mối quan hệ âm dương ngũ hành giữa trời và đất liên đới tới con người. Ấy thế mà con người hiểu về sự cảm ứng, về chức năng thu và phát của cơ thể còn rất hạn chế, còn cho vấn đề khoa học cực kỳ cao siêu này là duy tâm, do vậy đã cản trở sự tiến

triển của con người qua học thuật nghiên cứu mệnh lý. Một vấn đề mà các bậc đế vương đã từng để tâm, mời các vị "thần đoán" làm cố vấn cho việc trị quốc an dân. Một vấn đề mà các nhà trí giải từ ngàn năm trước đã cho là khoa học mệnh lý, để tìm sự vượng suy của con người cũng như đất nước. Và phải chăng từ những hạn chế đó khiến người ta chỉ biết cầu mong vào các đấng thần linh, nói cách khác là dựa vào thiên nhiên, khách quan chứ chủ quan để đề phòng thì bất lực, từ đó mà dẫn đến các tín ngưỡng để phòng tai họa cho bản thân cũng như gia quyến.

Việc "tôn lô nhang bản mệnh" để được an tâm làm ăn, sản xuất là nhu cầu cuộc sống. Nhưng nếu không biết cách hẳn dễ bị mắc vào tình trạng nhiều khô tốn kém, ảnh hưởng đến cả thời gian sản xuất, buôn bán... Do vậy chúng tôi dựa vào các nguồn thư tịch của người xưa để lại, cung cấp để mọi người rõ về các duệ hiệu bản mệnh từng năm, đồng thời giới thiệu sơ bộ cách thức cũng như nghi lễ, số tấu bản mệnh để nếu ai bốc lô nhang bản mệnh cũng có thể làm được.

- Một hội có 60 năm, từ năm Giáp Tý đến năm Quý Hợi, mỗi năm các vị thần bản mệnh giáng hạ đều khác nhau, do vậy duệ hiệu, màu sắc khăn, áo cũng như ngày lễ khác nhau. Ví dụ:

1. Tuổi giáp Tý

Viết duệ hiệu:

- Bảo Hoa công chúa, Lợi Minh công chúa, Từ Huệ Lợi Hoa công chúa vào giấy nhỏ, gấp lại để xuống đáy bát nhang (mỗi vị một bát nhang) kèm theo thất bảo, chỉ ngũ sắc rồi bốc tro sạch ấn đầy bát nhang đặt lên vị trí ban thờ. Có người còn viết duệ hiệu treo trên ban thờ.

Lễ vật gồm hoa hương, trầu cau, chè, rượu, xôi oản, cùng một khăn màu hồng 7 thước 3 tấc, một đôi hài.

Ban thờ đặt hướng Tây chéch Bắc để lễ về hướng Đông chéch Nam (hướng Ất - canh)

Lễ vào ngày 1 tháng 4 (ngày giáng hạ của ba vị). Đây là ngày lễ tiến, sau đó các ngày sóc, vọng đều phải có hương hoa. Cũng có người sau lễ tiến, hàng ngày đều thắp hương đủ 100 ngày mới thôi và xin hóa khăn, hài. Ngày lễ tiến thắp 5 nén hương, các ngày sau thắp 3 nén hay 1 nén để tỏ lòng nhớ tới việc phụng sự.

2. Tuổi Ất Sửu

Viết duệ hiệu:

Tùng Hoa công chúa, Thủy Hoa công chúa, Chính tương thủy hoàng, Tử Hòa công chúa

(3 bát nhang)

Ngoài lễ vật như hương hoa, trầu cau... còn có khăn hồng 9 thước 1 tấc, hài nhỏ 1 đôi, trang hoa 1 bàn áo trắng, áo hồng, áo tía mỗi thứ 1 áo.

Ngày giáng hạ: rằm tháng 7 (nghỉ thức như trên)

3. Tuổi Bính Dần

Đào Hoa công chúa, Vũ Thành Diệu Hoa công chúa, Liên Hoa công chúa

Dùng khăn hồng 1 thước 3 tấc, hài 4 đôi xanh đỏ đen trắng, áo đỏ đen xanh, mũ bình thiên 3 cỗ, ủng 3 đôi.

Ngày giáng hạ: 6 tháng 9

4. Đinh Mão

Linh Hoa công chúa, Vũ Thanh Tử Hoa công chúa, Hoàng Hoa công chúa.

Dùng khăn hồng 9 thước 3 tấc, giấy 5 đôi màu xanh, nón xanh 1 cái, vải xanh 3 vuông, áo vàng tía hồng

Ngày giáng hạ: mồng 2 tháng một.

5. Tuổi Mậu Thìn

Quỳnh Hoa công chúa, Liễu Hoa công chúa, Mai hoa công chúa

Dùng khăn hồng 9 thước 3 tấc, giấy đỏ 3 đôi loại to, 13 đôi loại nhỏ, áo hồng xanh trắng.

Ngày giáng hạ: mồng 1 tháng 8.

6. Tuổi Kỷ Tỵ

Quế hoa công chúa, Hợp Quyên công chúa, Bảo Lộc công chúa.

Dùng khăn hồng 6 thước, hài to 5 đôi 5 sắc, áo 3 bộ hồng quế đen.

Ngày giáng hạ: rằm tháng 5

7. Tuổi Canh Ngọ:

Tố Hoa công chúa, Mỹ Đô công chúa, Quang Hoa Dương Hoa công chúa, Hồng Hoa Bạch Hoa hiển nguyên, Kim hoa công chúa

Dùng khăn hồng 5 thước, khăn trắng 5 thước, giấy to 1 đôi, giấy nhỏ 1 đôi, trang hoa 1 bộ, áo hồng trắng đỏ.

Ngày giáng hạ: ngày 13 tháng 3.

Đệ thất hoàng tử

8. Tuổi Tân Mùi

Vạn Hoa công chúa, Thượng Ngàn công chúa, Phan Bào Ngọc Nữ công chúa, Kim Tiên công chúa, Đệ tứ khâm sai Dương Hoa công chúa.

Dùng khăn hồng 5 vuông, giấy xanh to 1 đôi, giấy xanh nhỏ 4 đôi, thuốc lá một phong, 1 quả nón xanh, áo xanh hồng đỏ.

Ngày giáng hạ: 11 tháng 3.

9. Tuổi Nhâm Thân

Dung Hoa công chúa, Đào Hoa công chúa, Ngọc nữ công Chúa, Đệ Tam thủy cung công chúa, Uy Liệt thiên đô công chúa.

Dùng khăn hồng 3 thước, vải trắng 3 vuông, giấy to 3 đôi sắc trắng, tam đầu cửu vĩ sắc hồng, áo hồng trắng xanh.

Ngày giáng hạ: 1 tháng Giêng

10. Tuổi Quý Dậu

Tổ Hoa công chúa, Phù Dung minh Hoa công chúa, Tử vi Mỹ Dung Hoa công chúa, Tứ vị khâm sai, tam vị hoàng tử.

Dùng khăn hồng 7 thước, vải hồng 4 vuông, trang hoa 1 bộ, áo tía hồng xanh, giấy 3 đôi.

Ngày giáng hạ: 30 tháng 3

11. Tuổi Giáp Tuất

Tổ Hoa công chúa, Tam phủ trọng ni lộc Hoa công chúa, Bạch Diên công chúa, Đệ thất khâm sai Bát vị hoàng tử, Nhật Hoa công chúa.

Dùng khăn hồng 7 thước, vải đỏ 3 vuông, voi ngựa 3 con, giấy 3 đôi, áo trắng hồng vàng.

Ngày giáng hạ: 10 tháng 5

12. Tuổi Ất Hợi

Thụ Hoa công chúa, Thánh Tiên công chúa, Linh Liên công chúa, Tiên du Liên Huệ công chúa, Đệ nhị hoàng tử, thập nhị tiên nương.

Dùng khăn hồng 7 vuông, giấy 2 đôi màu hồng, long đao 1 đôi, côn 1 đôi, áo hồng đỏ trắng.

Ngày giáng hạ: 9 tháng 7

13. Tuổi Bính Tý

Sơn Dục công chúa, Thánh nguyên minh quân Duệ Dung công chúa, Lục bộ khâm sai công chúa

Khăn hồng 7 thước, giấy đỏ 1 đôi, phủ việt 1 đôi, áo hồng xanh trắng.

Ngày giáng hạ: 1 tháng Giêng

14. Tuổi Đinh Sửu

Vũ xương bạch long Diệu Nghiêm công chúa, Vũ xương bạch hổ Diệu Ứng công chúa, Đệ nhị thủy cung công chúa, Đệ tứ khâm sai.

Dùng khăn hồng 9 vuông, vải trắng 3 vuông, giấy trắng 4 đôi, tam đầu cửu vĩ 1 con, áo màu trắng hồng đen.

Ngày giáng hạ: 30 tháng 2.

15. Tuổi Mậu Dần

Liễu Hoa công chúa, Thái hiệu Hằng Phùng công chúa, Chân Chí công chúa, Hắc hổ đại tướng.

Dùng khăn hồng 7 thước, vải trắng 3 vuông, giấy trắng 3 đôi, kim ngân 1 mâm, trang hoa 1 bộ, áo màu trắng hồng xanh.

Ngày giáng hạ: 1 tháng 4

16. Tuổi Kỷ Mão

Lợi minh quốc ân công chúa, Thượng Ngàn công chúa, Đàn nương công chúa

Dùng trang hoa 1 bộ, khăn xanh 5 vuông, giấy xanh 3 đôi, kim ngân một cây, áo xanh trắng đỏ.

Ngày giáng hạ: 20 tháng 2

17. Tuổi Canh Thìn

Long Nữ công chúa, Diệu thánh thủy hoàng Ngọc Anh

công chúa, Nữ Hoa công chúa, Đế thích thiên đình đệ nhất thủy cung công chúa, Đệ ngũ hoàng tử.

Dùng khăn hồng 9 thước, vải trắng 4 vuông, giấy trắng 3 đôi, áo trắng đỏ xanh, kim ngân 1 bàn, trang hoa 1 bộ.

Ngày giáng hạ: 2 tháng 7

18. Tuổi Tân Ty

Cửu thiên công chúa, Hảo châu Lỗi Hoa công chúa, Minh thánh diệu dung hiển ứng công chúa, Đệ nhất Thượng Ngàn công chúa, tứ vị khâm sai.

Dùng khăn xanh 9 thước, vải trắng 5 vuông, giấy trắng 1 đôi, giấy xanh 4 đôi, thuốc lào 1 phong, trang hoa 1 bộ, áo mầu trắng xanh hồng.

Ngày giáng hạ: 7 tháng 5

19. Tuổi Nhâm Ngọ

Hoàng ân cảm la mao hoa công chúa, Ngọc Hoàng thượng đế, Nam tào bắc đẩu, Đại Dung hoàng hậu, Kim đồng Ngọc nữ.

Dùng khăn hồng 10 thước, giấy to 4 đôi, giấy nhỏ 2 đôi, kim ngân 1 cây, mực tàu 2 bánh, áo đỏ vàng tía.

Ngày giáng hạ: 10 tháng 3.

20. Tuổi Quý Mùi

Diệu minh nghi xuân công chúa, Huyền nữ công chúa, Minh bạch thành phúc chiêu kỳ tám vị công chúa, đệ thất hoàng tử.

Dùng khăn hồng 10 vuông, giấy hồng 3 đôi, kim ngân 1 cây, áo trắng, hồng, vàng.

Ngày giáng hạ: 1 tháng 6.

21. Tuổi Giáp Thân

Quý Hoa công chúa, Thượng Ngàn công chúa, Dung hợp huệ lộc Quang Hoa công chúa, Hoàng tử vương quan.

Dùng khăn hồng 5 thước, khăn xanh 5 vuông, nón xanh 1 quả, thuốc lá 1 bao, trang hoa 1 bộ, giấy xanh 1 đôi, giấy hồng 3 đôi, áo mầu xanh đỏ hồng, kim ngân một cây.

Ngày giáng hạ: 15 tháng Giêng.

22. Tuổi Ất Dậu

Phương Phi công chúa, Thủy cung đệ tam công chúa, Phi đạo Nguyệt Quỳnh công chúa, đệ tứ khâm sai.

Dùng khăn trắng 10 thước, vải trắng 3 vuông, thùng đựng nước 1 đôi, giấy trắng to 3 đôi, giấy trắng nhỏ 4 đôi, áo đen vàng trắng.

Ngày giáng hạ: 17 tháng 4

23. Tuổi Bính Tuất

Liên Hoa công chúa, Đệ nhị thủy cung công chúa, Ngọc bạch phương phi hoàng bào công chúa, Đệ Tam hoàng tử.

Khăn trắng 9 vuông, vải trắng 3 vuông, giấy trắng 1 đôi, giấy hồng 3 đôi, dép nhỏ 1 đôi, hài 1 đôi, áo mầu đen trắng hồng.

24. Tuổi Đinh Hợi

Thái Thường công chúa, Thiên Quế công chúa, Bạch Long công chúa, Quỳnh Vân công chúa, ngũ vị phán quan.

Dùng khăn hồng 9 vuông, giấy hồng to 3 đôi, giấy hồng nhỏ 5 đôi, kim ngân 1 bàn, áo trắng hồng đỏ.

Ngày giáng hạ: 12 tháng 6.

25. Tuổi Mậu Tý

Phúc thọ sinh tiền công chúa, Hiệu thiên Ngọc Hoàng Thượng đế, Chí đức diện thọ Quang Minh công chúa, đệ thất hoàng tử.

Dùng khăn hồng 10 thước, giấy hồng to 3 đôi, giấy hồng nhỏ 2 đôi, trang hoa một bộ, áo 3 bộ đỏ xanh vàng.

Ngày giáng hạ: 12 tháng 6

26. Tuổi Kỷ Sửu

Vân mộng Quỳnh Hoa nữ ý công chúa, Liễu Hạnh công chúa, Tứ thánh thông pháp trường sinh công chúa, Đệ nhị hoàng tử, đệ tứ khâm sai.

Dùng khăn hồng 9 vuông, giấy hồng to 1 đôi, nhỏ 1 đôi, hoa 3 cây, áo đỏ đen xanh.

Ngày giáng hạ: 15 tháng Giêng.

27. Tuổi Canh Dần

Bảo Hoa công chúa, Viên thiên chi châu hoàng nhan công chúa, Đệ nhất thủy cung công chúa, đệ nhất hoàng tử, đệ tứ khâm sai.

Dây lưng trắng 12 thước, vải trắng 5 vuông, giấy nhỏ 1 đôi, giấy nhỏ 3 đôi, kim ngân 1 bàn, áo xanh đỏ trắng.

Ngày giáng hạ: 10 tháng 6

28. Tuổi Tân Mão

Liễu Hoa công chúa

Dinh lộc tả thánh công chúa

Kim hoa động thập nhị tiên nương, lục bộ khâm sai.

Dùng khăn hồng 9 vuông, vải trắng 3 vuông, giấy hồng lớn 1 đôi, giấy hồng nhỏ 5 đôi, kim ngân 1 bàn, áo màu hồng trắng.

Ngày giáng hạ: 1 tháng một.

29. Tuổi Nhâm Thìn

Thiên Gia ngọc nữ, Tam phủ chí tôn đại đức Tiên Hoa công chúa, Phù dung Anh Hoa công chúa.

Dùng mũ bình thiên 3 cỗ, ngựa 1 con, khăn hồng 9 vuông, vải trắng 3 vuông, khăn vàng 6 vuông, áo vàng trắng hồng, giấy 3 đôi.

Ngày giáng hạ: ngày 1 tháng 4

30. Tuổi Quý Ty

Cửu Trùng Tiên hoa tể thánh công chúa, Hoàng hoa nhuận dương công chúa, đệ nhất thủy dương công chúa, đệ nhị khâm sai.

Dùng khăn trắng 10 thước, giấy trắng 5 đôi, thuốc lá 1 bao, giấy nhỏ 5 đôi, kim ngân 1 bàn, áo trắng xanh đen.

Ngày giáng hạ: ngày 20 tháng Giêng

31. Tuổi Giáp Ngọ

Thiên Thành công chúa, Vạn hiệu thái dung đào nương công chúa, Tam phủ chí tôn thượng đế Liễu Hoa công chúa, Đệ bát hoa minh Ngọc Nga tiên nương công chúa,

Dùng mũ bình thiên 3 cỗ, vải vàng 27 thước, áo vàng trắng xanh, giấy 3 đôi, ngựa 1 con.

Ngày giáng hạ: ngày 13 tháng Giêng.

32. Tuổi Ất Mùi

Minh hoàng công chúa, Kính Chúc công chúa, Hiệu thiên Thượng đế thiên tiên tam vị thánh mẫu tả bạch vân xứng công chúa, đệ tứ thủy cung công chúa.

Dùng khăn hồng 10 thước, vải trắng 5 vuông, giấy nhón 1 đôi, dép nhỏ 4 đôi, dép nhón 3 đôi, áo mầu hồng trắng xanh.

Ngày 3 tháng 7 giáng hạ.

33. Tuổi Bình Thân

Kim Liên công chúa, Dung Hoa công chúa, Sùng Hoa công chúa, Trung thiên chúa nữ chủ vị hóa chính thần minh xuân huyền diệu công chúa.

Dùng khăn hồng 9 vuông, giấy 3 đôi, dép 3 đôi, áo hồng, xanh đỏ, kim ngân 1 bàn.

Ngày giáng hạ: 1 tháng 6

34. Tuổi Đinh Dậu

Ngọc quế Đậu Hoa công chúa, Thủy dương tam vị thánh mẫu, Hoàng Hoa công chúa, Thủy cung luân chuyển diệu thánh công chúa, đệ tam hoàng tử.

Dùng khăn trắng 10 thước, dép 5 đôi, ủng 1 đôi, trang hoa 1 bộ, áo trắng, vàng đỏ.

Ngày giáng hạ: 6 tháng 4.

35. Tuổi Mậu Tuất

Ngọc Long công chúa, Ngọc minh tinh phương công chúa, Thiên tiên tam vị Kim sơn đồng thân nữ tử Ngọc Chinh công chúa.

Áo vàng hồng tía, vóc vàng 7 vuông, khăn hồng 3 vuông, dép nhón 3 đôi, dép nhỏ 2 đôi, lọng 1 đôi.

Ngày giáng hạ: 11 tháng Giêng.

36. Tuổi Kỷ Hợi

Lợi minh công chúa, Bạch vân dinh hoa phụ công chúa, Đồ tiên hán hoàng Diệu Xuân công chúa

Tứ vị khâm sai, Ngân sải long nữ Khánh Minh công chúa.

Dùng khăn hồng 7 vuông, ngựa 1 con, kim ngân 1 mâm, áo hồng trắng đen.

37. Tuổi Canh Tý

Ngọc đức duyên tôn quang minh công chúa

Thiên tiên tam vị thánh mẫu Khánh Minh công chúa

Ngọc Quán công chúa.

Dùng khăn hồng vàng xanh, khăn hồng 9 thước, dép vàng 3 đôi, kim ngân 1 bộ, trang hoa 1 bộ.

Ngày giáng hạ: 9 tháng 6

38. Tuổi Tân Sửu

Tứ thánh thông pháp chương sinh công chúa, Liễu Hạnh phù lê thái thông quang tất Mai Hoa Quế Hoa hai vị công chúa.

Dùng khăn hồng 9 thước, khăn trắng xanh các màu 6 vuông, áo hồng trắng xanh, dép 3 đôi.

Ngày giáng hạ: 1 tháng Chạp.

39. Tuổi Nhâm Dần

Quang Huy công chúa, Tử hoa hồi thi lão đồng công chúa. Động Đình cung thượng đế bát hải long vương thủy cung vương phi công chúa.

Dùng vải trắng 9 thước 3 vuông, hài 10 đôi, áo trắng tía vàng.

Ngày giáng hạ: 15 tháng 8

40. Tuổi Quý Mão

Bạch Hoa nha cung Mai Hoa công chúa, Hòa Diệu đại vương thủy cung tam vị thánh mẫu, tứ vị khâm sai.

Dùng vóc hồng 7 vuông, vóc trắng 9 thước, vóc đỏ 3 vuông, dép nhón 6 đôi, nhỏ 4 đôi, áo trắng hồng đỏ.

Ngày giáng hạ: 1 tháng Giêng

41. Tuổi Giáp Thìn

Đơn Mẫu Phù Dung công chúa, Trung phương hoàng y tam phủ vương đoan nguyệt lãng Bích Ngọc công chúa.

Dùng vóc vàng 20 vuông, vóc trắng 7 thước, dép 7 đôi, áo trắng vàng xanh.

Ngày giáng hạ: 8 tháng 2

42. Tuổi Ất Ty

Túc quyền đồ dương công chúa, Hoàng đế Quỳnh Hoa Diệu minh Liên đài công chúa.

Vóc vàng 7 thước, dép nhón 3 đôi, áo vàng đỏ đen và kim ngân.

Ngày giáng hạ 1 tháng 5

43. Tuổi Bính Ngọ

Quế Hoa Minh Nga ngọc nương công chúa, Đại đức thái tinh Nguyệt hoa tiên thánh công chúa, Quốc tế liễu lang.

Dùng khăn hồng 7 thước, kim ngân các 1 cây, áo mầu quế hồng trắng.

Ngày giáng hạ: 10 tháng 7

44. Tuổi Đinh Mùi

Kỳ vân Chúc Hoa công chúa, Thiên địa âm dương diện sứ nguyên nương tứ vị công chúa, lục bộ khâm sai.

Dùng vóc 8 vuông, áo vàng đỏ, trang hoa 1 bộ.

Ngày giáng hạ: 3 tháng 6

45. Tuổi Mậu Thân

Phương Xuân công chúa, Minh Dung huyền diệu vạn thái công chúa, Thanh tiêu cung thiên tứ vị khâm sai, Cửu thông tam giới Mai Hoa công chúa.

Dùng vóc xanh 9 thước, vóc hồng 6 vuông, dép 5 đôi, áo xanh hồng trắng.

Ngày giáng hạ: 15 tháng Giêng

46. Tuổi Kỷ Dậu

Ngọc mạnh từ bi diệu vi công chúa. Cửu thiên tiên chúa thánh nương quan âm phật Thái Dương công chúa.

Dùng áo mầu xanh đen vàng, hoa hương các loại.

Ngày giáng hạ: 15 tháng 4

47. Tuổi Canh Tuất

Hiển linh công chúa tiên diệu bảo nữ, Ngọc Chinh công

chúa, Động Đình tam vị thánh mẫu, tiên nga Vũ xương thủy hoàng công chúa.

Dùng vóc hồng 6 thước, vải trắng 3 vuông, dép 4 đôi, áo trắng hồng đen.

Ngày giáng hạ: 12 tháng 8

48. Tuổi Tân Hợi

Đô huyền vân hoàng Vạn Xuân công chúa, Tam thập lục thủy cung công chúa

Dùng vóc hồng 3 thước, vải trắng 3 vuông, dép 12 đôi, áo trắng hồng xanh.

Ngày giáng hạ: 11 tháng 2

49. Tuổi Nhâm Tý

Quang minh ngọc quý đức thắng công chúa, Thượng Ngàn công chúa, nữ hoa công chúa, Quỳnh quế thụ mai công chúa, lục bộ khâm sai.

Dùng vóc xanh 5 vuông, 1 quả nón, thuốc lá 1 phong, áo xanh đỏ vàng.

Ngày giáng hạ: 8 tháng Giêng

50. Tuổi Quý Sửu

Phù đảo thái thông tiên toàn công chúa, Động Đình tam vị thánh mẫu thiên chân hằng nga Hà Phi công chúa, lục bộ công chúa.

Vóc trắng 9 thước, dép nhón 3 đôi, dép nhỏ 7 đôi, áo xanh đỏ trắng.

Ngày giáng hạ: 2 tháng một

51. Tuổi Giáp Dần

Phi ngọc văn bảo vũ tiến công chúa, Quốc sắc thiên hương Liên Hoa công chúa, Bạch hổ thổ địa thập nhị tiên nương.

Dùng khăn hồng 7 vuông, tịch hương hai bộ, áo hồng trắng đen.

Ngày giáng hạ: 2 tháng một

52. Tuổi Ất Mão

Bảo đức bảo nhân giao đại công chúa, Thiên địa thủy phủ tam vị tiên nữ thiên quế bạch long thái lai công chúa.

Vóc xanh vàng trắng 21 thước, dép 8 đôi 5 mẫu, áo trắng xanh vàng.

Ngày giáng hạ: 22 tháng 4.

53. Tuổi Bính Thìn

Ngọc quỳnh công chúa, Ngọc thụ minh quỳnh Quỳ Hoa công chúa, Thượng Ngàn công chúa, Tứ vị thánh nương càn lợi dương minh phụng chính Phúc sinh công chúa.

Dùng vóc xanh 9 vuông, dép xanh 1 đôi, trang hoa 1 bộ, áo xanh trắng đỏ.

Ngày giáng hạ: 12 tháng Giêng.

54. Tuổi Đinh Tỵ

Thiên uy đài khoa giao minh Diên Thành công chúa

Quỳnh quế thụ mai hồng bạch đào dong ý bán thiên công chúa, lục vị khâm sai.

Áo vàng hồng trắng, vóc vàng 7 vuông, khăn hồng 5 thước, dép vàng nhón 1 đôi, nhỏ 2 đôi.

Ngày giáng hạ: 1 tháng 10

55. Tuổi Mậu Ngọ

Thái bạch nhật quang Thông Minh công chúa, Trục chí vị Di Đà long nữ, hoặc hổ thần tướng.

Dùng khăn hồng 7 vuông, áo trắng hồng đen, kim ngân 1 bàn, trang hoa 1 bộ.

Ngày giáng hạ: 6 tháng 5

56. Tuổi Kỷ Mùi

Thiên nương công chúa, Thái âm Diệu nghiêm đại phụ công chúa, Thượng Ngàn công chúa, Hợp lộc tiên nương lục bộ đàn nương

Dùng vóc xanh 5 vuông, tịch hương 1 bộ, nón 1 cái.

Ngày giáng hạ: 1 tháng 6

57. Tuổi Canh Thân

Cửu liên chi Thiên Uy công chúa, Đế thích thiên đình đệ tam thủy cung công chúa, đệ tứ hoàng tử, nữ hoa Ngọc Anh công chúa.

Dùng vóc hồng 9 thước, vải trắng 9 vuông, 1 cổ mũ bình thiên, tịch 1 bộ, áo mẫu hồng trắng đen.

Ngày giáng hạ: 3 tháng 3

58. Tuổi Tân Dậu

Thái vi công chúa chiến thắng hoan hỉ Thái Dương công chúa, Cửu trùng ngọc hoa tể thánh công chúa, đệ nhất hoàng tử khâm sai.

Dùng vóc hồng 5 thước, dép nhón 5 đôi, dép nhỏ 3 đôi, dao chi các 1 đôi, áo mẫu đỏ hồng trắng.

Ngày giáng hạ: 2 tháng 3

59. Tuổi Nhâm Tuất

Hiển ứng vũ xương công chúa, Hiệu thiên ngọc hoàng Nam tào Bắc đầu phân mỹ thái dung hoàng hậu kim đồng ngọc nữ.

Dùng vóc vàng 12 thước, 1 cổ mũ bình thiên, bút và mực tàu đều 3 cái, kim ngân 1 cây, dép 3 đôi, áo vàng đen trắng.

Ngày giáng hạ: 3 tháng 3

60. Tuổi Quý Hợi

Liên Hoa công chúa, Thái thường minh hiển hàn cái công chúa, Minh bạch Thịnh phúc kính chúc tam vị công chúa, đệ tam hoàng tử vương quan.

Dùng vóc trắng 6 thước, kim ngân 1 bản, dép 5 đôi năm màu, áo màu đỏ trắng đen.

Ngày giáng hạ: 1 tháng một.

禮聖母本命通用疏

伏以

一心併禱青霄慧眼可知明萬里鄉庄紫府真身能貫望蒼
茫仙界視之不見在何方葵藿凡情香裡有誠非是夢爰有
越南國寧平省嘉遠縣咸遠總威祖社依子

梅山靈祠居奉

仙主供養進疏鮮限消災乞求本命康強家門盛旺老少安寧
往來亨吉事今長信主江衍和妻林氏合男子江衍山江衍水
江衍文江衍武女子江氏花江氏月合同家等修設具衣金

銀花菓茶酒即日仰干

聖耳俯鑒凡心言念世等生居下界只求富貴爲先效稟上宮常
念康彊爲大貪官見起黑心民小難尋方捍禦盜賊思將險計
貧家何以力撐持頗又欲安欲逸對人倫或有乖違好勝好多
此天道能無過咎非憑忒悔具陳曷得飽溫康壽 恭惟

靈霄帝女柳杏公主勅封大慈大悲救民護國制勝保和妙大玉位前
三界天主四府万灵公同聖帝 玉陛下

上清天曹權該六十花甲本命公主廟內諸仙欽差公主位前 恭望

仙母神通第一慈愛與双遍觀世上知其赤子生計之艱難照鑒民

中恤及農家受差之辛苦 伏願

仙母貫察鄉村統臨兆億當時之澤及者多化後之恩垂周極俾

等老少安寧歲又得豐衣足食言行亨吉年又無盜賊豺狼

三災八難不憂侵擾之虞百福千祥幸遇寬弘之慶 實賴

母徬扶持之大惠也 謹疏以聞

天運戊

寅年正月二十五日

信主誠心具奏

Lễ thánh mẫu, lễ bản mệnh thông dụng sứ

Phục dĩ

Nhất tâm bái đảo, thanh tiêu tuệ nhân khả tri minh, vạn lý hương trang tử phủ chân thân năng quán vọng. Thương mang tiên giới thị chi bất kiến tại hà phương, quý hoặc phạm tình hương lý hữu thành phi thị mộng.

Viên hữu Việt Nam quốc Ninh Bình tỉnh Gia Viễn huyện Uy Viễn tổng Uy Tổ xã y vu Mai Sơn linh từ cư, phụng Tiên chúa cúng dàng, tiên sở giải hạn tiêu tai, khát cầu bản mệnh khang cường, gia môn thịnh vượng, lão thiếu an ninh, vãng lai hanh cát sự. Kim thần tín chủ Giang Đức Hòa, thê Lâm Thị Hợp, nam tử Giang Đức Sơn, Giang Đức Thủy, Giang Đức Văn, Giang Đức Vũ, nữ tử Giang Thị Hoa, Giang Thị Nguyệt, hợp đồng gia đẳng tu thiết minh y kim ngân hoa quả trà tửu, tức nhập ngưỡng can thánh nhĩ, phủ giám phạm tâm, ngôn niệm thần đẳng, sinh cư hạ giới chỉ cầu phú quý vi tiên, số bẩm thượng khung thường niệm khang cường vi đại, tham quan kiến khởi hắc tâm dân tiểu nam tầm phương hãn ngữ, đạo tặc tư tương hiểm kế⁽¹⁾ bản gia hà dĩ lực xanh trì, phả hựu dục an dục dật đối nhân luân hoặc hữu quai vi, hiếu thảng hiếu đa tử thiên đạo năng vô quá cữu. Phi bằng sám hối cụ trần, hạt đắc báo ôn khang thọ. Cung duy! Linh tiêu đế nữ Liễu Hạnh công chúa, sắc phong đại từ đại bi cứu dân hộ quốc chế thắng bảo hòa diệu đại vương vị tiên.

Tam giới thiên chúa tứ phủ vạn linh công đồng thánh đế Ngọc bệ hạ.

Thượng thanh thiên tào quyền cai lục thập hoa giáp

⁽¹⁾ Phạm lễ mẫu Liễu hay lễ sám hối dâng tiến duệ hiệu bản mệnh đều dùng được.

bản mệnh công chúa, miếu nội chư tiên khâm sai công chúa vị tiên.

Cung vọng: Tiên mẫu, thần thông đệ nhất, từ ái vô song, biến quan thế thượng tri kỳ xích tử sinh kế chi gian nan, chiếu giám dân trung tuất cập nông gia thụ sai chi tân khổ.

Phục nguyện Tiên mẫu, quán sát hương thôn, thống lâm triệu ức, đương thì chi trạch cập giả địa, hóa hậu chi ân thủy vông cực. Tỷ thân đẳng, lão thiếu an ninh tuế tuế đắc phong y túc thực, ngôn hành hanh cát niên niên vô đạo tặc sài lang tam tai bất nạn bất ưu xâm nhiễu chi ngu, bách phúc thiên tường hạnh ngộ khoan hồng chi khánh.

Thực lại Mẫu đức phù trì chi đại huệ dĩ.

Cẩn số dĩ văn

Thiên vận Mậu Dần niên chính nguyệt nhị thập ngũ nhật.

Tín chủ thành tâm cុ tấu.

5. Lễ khi cưới gả

Con người là sản phẩm của tự nhiên và xã hội. Nói hẹp lại thì con người là thành viên của gia đình. Gia đình lớn mạnh sẽ nảy sinh ra họ tộc và nhiều họ tộc hợp thành làng xã. Vậy mỗi gia đình khi con các đến tuổi thành niên phải lo dựng vợ, gả chồng tạo thành cái tổ ấm nhỏ, rồi từ đó mới phân chi, phân cành thành họ tộc. Do vậy, mỗi khi trong nhà, trong họ có chuyện cưới gả thì phải thông qua họ tộc, phải lễ tơ hồng Nguyệt lão, lễ Gia thần, Gia tiên để cho sự tác thành được viên mãn.

Ngày nay, giữa thời đại tiên tiến, nhiều thủ tục cưới hỏi được giảm nhẹ để phù hợp với hoàn cảnh làm ăn, công tác. Nhưng việc lễ Gia thần, Gia tiên hoặc bài văn khấn tơ

hồng Nguyệt lão để cho đôi trẻ nên duyên gặp điều may mắn, mệnh vận phù hợp với nguyên lý âm dương ngũ hành sinh khắc, trong dân gian vẫn có nơi thực hiện.

Thủ ngấm sách "Tam mệnh thông hội" có nói về mệnh nam nữ khi hợp duyên: "Mệnh nam nên vượng, vượng thì phúc, suy thì hại. Mệnh nữ nên suy, suy thì phúc, vượng thì hại", dân gian lại bảo "Cả mái hại sống". Điều đó phù hợp với sự cương nhu của âm dương. Nữ cương nam nhu là ngược với quy luật âm dương, tất có hại.

Do vậy khi cưới gả, dù nhà trai hay nhà gái, người ta đều làm cỗ cúng Gia thần, Gia tiên cho đôi nam nữ dâng hương trước linh vị Tiên tổ, còn các bậc cha chú thì lo khăn cầu chú vị độ trì cho đôi trẻ hạnh phúc, nối được đức nghiệp ông cha.

Văn lễ khi cưới

Hôm nay là ngày... tháng... năm

Bản gia ở tại thôn... xã... huyện... tỉnh... Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Kính lạy chư vị Gia thần

Kính lạy liệt vị Gia tiên

Con trai (hoặc gái) của tín chủ là... năm nay.... tuổi ... kết duyên cùng... người thôn... xã... tỉnh

Nay thủ tục hôn lễ đã thành, xin kính báo Gia thần, Gia tiên. Lại xin sắm biện lễ vật tịnh tài, kính xin bề trên nạp thụ phù hộ cho các cháu giai lão trăm năm, vững bền hai họ.

Nghi thất nghi gia, con cháu thịnh đạt.

Cúi xin chư vị, đại xá gia ân.

Mọi sự hanh thông, cung trần bái thỉnh

Cẩn cốc

*

* *

- Có gia đình còn sắm biện lễ vật bày trên ban riêng, lễ "Tơ hồng nguyệt lão". Tục này không thịnh như trước nhưng vẫn được tồn tại.

Văn lễ "Tơ hồng nguyệt lão"

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tỉnh... huyện...
xã... thôn... năm. .. tháng... ngày...

Tên tôi là... đại diện cho ông, bà... cưới vợ cho con là...
kết duyên cùng... con ông bà... quê quán...

Nay việc hôn nhân thành sự, gia chủ thành tâm sắm
biện phù lưu trà tửu cùng lễ vật chi nghi, kính cáo với
"Thiên tơ hồng Nguyệt lão" rất chính, rất trung.

Ngọc kính chiếu rõ ràng thế sự,

Xích thẳng so bền chặt nhân duyên

Trước hai cháu đã để tâm tìm hiểu,

Nay uyên ương xum họp đoàn viên.

Đôi lứa nên nhà nên cửa, tác thành do Tổ tiên

Bằng phẳng cầu Ô đã bắc, cho đôi trẻ được nên duyên,

Cúi trông đức cả, rộng thấu lòng này

Yên ổn phò cho hai họ, xướng tùy nguyên trọn bách
niên trai gái diễm lành sớm ứng, dài lâu phúc hưởng vô
biên.

Hân hạnh, xiết bao mừng rỡ

Vun trồng, nhờ cậy thiên tiên.

Cẩn cốc

6. Lễ Thần tài

Một số gia đình còn có cả ban thờ Thần Tài, tức là vị thần đem lại tiền tài, giàu có cho gia chủ. Theo truyền thuyết thì xưa có người lái buôn tên là Âu Minh. Âu Minh hiền lành tử tế, buôn bán khắp nơi nhưng vẫn lận đận. Một hôm đi qua hồ Thanh Thảo được Thủy Thần đem cho một con hàu tên là Như Nguyệt. Âu Minh đem con hàu về nhà thì tự nhiên việc làm ăn, buôn bán phát đạt và chỉ vài năm sau trở thành giàu có trong vùng. Nhưng một hôm Âu Minh nổi nóng, đánh Như Nguyệt quá tay. Như Nguyệt sợ hãi bỏ trốn vào đồng rơm rồi biến mất.

Từ ngày người hàu ra đi, gia cảnh nhà Âu Minh dần dần sa sút, rồi thất cơ lỡ vận lại lâm cảnh nghèo túng, bấy giờ Âu Minh mới nghĩ ra, đoán Như Nguyệt là Thần Tài nhưng cơ sự đã lỡ...

Phải chăng từ tích này mà dân gian có tục kiêng hót rác đầu năm, sợ Thần Tài ẩn trong đồng rác đó nếu đổ đi sẽ mất lộc. Do vậy, các ngày mồng một, mồng hai tết họ thường quét dọn rác vào một góc nhà, mong sự làm ăn phát đạt sẽ đến và lưu lại trong năm. Từ quan niệm trên nên nhân dân, nhất là các nhà buôn bán lập ban thờ Thần Tài ở một góc, một xó nhà nào đấy miễn sao cho thích hợp.

Ban thờ Thần Tài chỉ có chiếc thùng gỗ nhỏ có dán giấy đỏ, hoặc một chiếc khám nhỏ có sơn thếp. Bên trong hoặc ghi một chữ Thần (神), hoặc ghi: "Ngũ phương ngũ thổ Long Thần Tiên hậu địa chủ Tài Thần"

Ban thờ Thần Tài bé nhỏ nên việc thờ cúng khá đơn giản. Thường thì các ngày sóc vọng, hoặc tuần tiết người ta bày đĩa hoa, đĩa quả nho nhỏ và châm hương khấn cầu Thần phù hộ là được.

Cũng có người lễ Thần Tài còn đọc cả văn khấn

Văn khấn Thần Tài

Duy Việt Nam quốc... Tân Ty niên... nguyệt... nhật.

Tín chủ... ngụ tại...

Đồng gia quyến đẳng bái thỉnh:

Cẩn dĩ hương đăng hoa quả... cảm kiêu cáo vu.

Kính thỉnh: Ngũ phương ngũ thổ Long thần

Tiền hậu địa chủ Tài thần

Giám lâm hâm hưởng, gia hộ gia ân,

Tăng tài tăng lộc, vạn sự hưng long

Sở nguyện tòng tâm, thượng kỳ giám chỉ

Bảo ngã tín chủ, dĩ phú niên niên

Cẩn cốc

Dịch nghĩa

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Năm Tân Ty... tháng... ngày...

Tín chủ... ở tại thôn... xã (phường)... huyện (thành phố)...
tỉnh... cùng toàn gia lễ thỉnh

Kính dâng hương đăng hoa quả... Kính cẩn thưa rằng.

Kính cáo: ngũ phương ngũ thổ Long thần

Tiền hậu địa chủ Tài thần

Tiếp nhận lòng thành, che chở ban ân

Thêm tài thêm lộc, mọi sự đều lành

Cúi mong soi xét, nguyện ước thành tâm

Phúc đến năm năm, giúp cho tín chủ

Kính cẩn dâng lời.

Một số lễ tiết thờ cúng tại nhà đã đề cập trên đây, thiết nghĩ chỉ là điều cơ bản. Còn lệ tục lại tùy theo từng vùng,

từng nơi có những điều không phù hợp ở nơi này nhưng lại phù hợp ở nơi khác. Do vậy, cần có sự vận dụng sao cho bớt phiền hà, tốn kém mà vẫn thể hiện tấm lòng thành kính.

Phần tang ma nếu theo như cổ lệ thì rất phiền phức, phải "thiết hồn bạch" tức là lấy dải lụa kết hình người đặt lên thi thể, khi nào bỏ thi thể vào quan tài mới bỏ hồn bạch ra treo thờ hồn bạch, phải lập tang chủ, lập tướng lễ và hộ tang, đến việc trị quan, mộc dục (tắm rửa thi thể), phạm hàm (ngậm thức ăn như tiên, gạo) rồi tiểu liệt, đại liệt, bỏ khuyết sao cho thi thể khỏi bị lung lay sang bên này, bên kia. Việc thiết linh sàng, linh tọa, thiết minh tinh rồi "thôi phục" (đồ chịu tang), lễ thành phục... đều rất hệ trọng theo sách Chu Văn Công gia lễ... Do vậy, tập sách này không đề cập, chỉ nêu các lễ tiết, cúng lễ tại gia mà nhân dân đã và đang thực hiện, nhằm bổ khuyết những thiếu sót.

III- NGHI LỄ Ở CHÙA - ĐÌNH ĐỀN MIẾU PHỦ

DANH SƠN CỔ TÍCH

1. Khái quát về tín ngưỡng dân gian

Từ thời cổ đại thế giới có ba nền văn minh rực rỡ, đó là nền văn minh cổ đại Hy-La ở phương Tây, văn minh cổ đại Ấn Độ và văn minh cổ đại Trung Hoa. Như vậy chúng ta phương Đông thời tiền sử có nhiều sự hiển đạt về nhiều lĩnh vực, trong đó có đời sống văn hóa tinh thần.

Song từ các nền văn minh sớm xưa đó đã không duy trì và phát huy được lâu dài. Nó bị mai một cùng với chế độ phong kiến phương Đông cũng như phương Tây khiến nhiều điều đáng tiếc xảy ra, nhất là những gì mà chính bàn tay, khối óc nhân dân tạo dựng, hoặc phối hợp với chế độ phong kiến tạo dựng.

Và tất nhiên nói đến phương Đông; phải nói tới Việt Nam. Nói đến sự chịu ảnh hưởng của văn hóa cổ đại phương Đông. Nói đến thành tựu thời Trung đại mà các triều đại phong kiến Việt Nam đã trọng đạo Phật, trọng cả đạo Nho, đạo Lão (Tam giáo đồng nguyên) để vừa đưa con người vào cõi thiện, vừa tin ở thần linh "Tế thần như thần tại", tin cả đạo Tiên thánh khiến con người nặng vào hệ

thống lý thuyết đạo đức, coi trọng gia đình. Đặc biệt là trong quan niệm tam tài (Thiên, Địa, Nhân). Có trời, có đất, có người nên vua dù mệnh danh là con trời, có đặc lợi, đặc quyền nhưng vẫn phải sợ trời. Châm dân không tốt để dân đói khổ, phải làm lễ sám hối với trời (tế đàn Nam Giao). Quan lại sợ vua, sợ Thần thánh nên cũng ít hành vi tàn bạo đối với dân. Những kẻ độc ác cũng sợ cõi vô hình nên bớt đi những hành vi bạo ngược. Và điều dễ thấy là các triều đại phong kiến dựa vào Thần, Thánh, Tiên, Phật sẽ dễ bề cai trị dân hơn, do vậy lịch sử hàng ngàn năm đã chứng minh: yếu tố tâm linh làm lợi cho đạo làm người (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín), làm lợi cho việc trị quốc an dân. Dân coi vua là Thiên tử, vậy phải trọng con Trời "con Trời bảo sống thì sống, bảo chết thì chết". Triều đình của con Trời phải đồng lòng bảo vệ, đất đai của con Trời phải yêu quý không cho ngoại xâm thôn tính (Trung quân ái quốc)... Những giáo lý, luận điểm của xã hội phong kiến Việt Nam vừa là thiết chế thượng tầng, vừa là điều kiện thuận cho việc xây dựng đình, chùa, đền, miếu, phủ để nhân dân gửi gắm tâm linh, gắn làng với nước. Nó đã là một phần đạo lý truyền thống và trở thành bản chất của dân tộc.

Nhưng do sự tiến triển của xã hội, khoa học hiện đại của thế giới đã góp phần mở mang dân trí, việc chế độ phong kiến bị phủ định, thậm chí tiêu diệt để thay thế một chế độ khác là điều hiển nhiên và là chân lý phát triển của nhân loại.

Đất nước ta trải qua quá trình nhiều thập kỷ vận động cách mạng, rồi cách mạng thành công đã thay cũ đổi mới. Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, rồi Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời, đã và đang đổi mới đất nước, đang thực sự tạo một xã hội ấm no hạnh phúc. Đời sống vật chất ngày càng sung túc, đời sống tinh thần trong đó có

dồi sống tâm linh được tôn trọng. Hiện đại hóa đất nước trên cơ sở giữ gìn bản sắc dân tộc là phương châm, là mục tiêu phát triển của xã hội.

Từ quan điểm đúng đắn của nhà nước đó nên các công trình tôn giáo, tín ngưỡng trong nước được phục hồi, bảo tồn và trân trọng. Việc tự do tín ngưỡng được đảm bảo, do vậy việc cúng lễ và các đình, chùa, đền miếu, phủ trong các ngày tuần tiết, trong lễ hội cuốn hút một số lượng khá đông bà con. Song việc hướng về cội nguồn còn cần phải hướng cho nhân dân hiểu, từ đó mà làm đúng, lễ đúng nơi đúng chốn, tránh tình trạng vái mà không biết vái ai. Trước ban thờ Thần lại cúng Phật, trước ban thờ Phật lại cúng Mẫu... Vậy cuốn sách này mong được góp phần làm rõ điều đó, giúp cho việc hướng thiện cũng như truy tư công đức được tốt hơn.

2. Lên chùa lễ Phật

Đạo Phật du nhập vào Việt Nam từ gần hai thiên niên kỷ và được Việt hóa, trở thành quốc giáo, do đó nơi nơi đều có chùa. Chùa là nơi thờ Phật, đình đền, miếu, phủ thờ Thánh, thờ Thần (kể cả dương Thần, âm Thần, cũng như Thần Thiên Nhiên) và đại bộ phận phủ thờ âm Thần. Ấy vậy mà chùa lại thờ cả Thánh, cả Mẫu... Sự thờ phụng vừa khác vừa giống nhau, nói khác đi là sự phối thờ một cách rộng rãi khiến chúng ta phải suy ngẫm về tục thờ, về văn hóa tín ngưỡng của Việt Nam.

Nếu như ở mảnh đất Phương Nam, nhất là đồng bằng sông Cửu Long thờ Phật theo phái "Tiểu thừa", đức Phật A di đà ngự trị Phật điện là chính thì các chùa miền Trung nhất là miền Bắc lại phụng sự theo phái "Đại thừa" (độ cho người trước, độ cho mình sau) và trên Tam bảo có cả 5 giai đoạn: quá khứ, hiện tại, vị lai, cả lúc sơ sinh cũng như trên

cõi Niết bàn của đức Phật. Bên cạnh chư vị Thế tôn còn có các vị Bồ Tát Át nam đà, Ca-diếp, Văn Thù, Phổ Hiền, Quán thế âm, Đại thế chí. Lại có cả Thiện hữu Thái tử, Ác hữu Thái tử, Thổ địa Thánh tăng, Đức Ông, các Tổ... các vị vua, ông Thánh có công với chùa, hoặc đi tu cũng được thờ ở Tam bảo, hay hậu điện, khiến tính chất Phật giáo ở Việt Nam có khác cội nguồn ở Ấn Độ. Lại việc thờ Tứ vị Pháp vương Phật là Văn, Vũ, Lô, Điện rồi khi Tam giáo đồng nguyên thờ cả Nho giáo, Lão giáo càng chứng tỏ đặc thù Phật giáo Việt Nam là sự dung hợp giữa Phật, Thánh, Thần, Tiên và cả người, cả trời, cả đất. Nghĩa là ngôi chùa không chỉ là nơi hướng thiện "Từ bi hỉ xả" mà còn là nơi truy tư công đức, nơi cầu xin để đạt được các sở nguyện đời thường, cũng như khi về cõi vĩnh hằng. Và bởi sự dung hợp đó mà khách hành hương khi đến chùa bị choáng ngợp trước tượng pháp, ban này, ban khác, cung nọ cung kia khó định được giá trị nhân văn của sự tôn thờ.

Việc lễ chùa hiện nay đã trở thành nét đẹp trong văn hóa tinh thần thường nhật của nhân dân. Từ thành thị đến nông thôn, các ngày sóc, vọng bà con thường rủ nhau đến chùa lễ Phật. Các lễ tiết trong năm, mọi người cúng lễ ở nhà nhưng cũng không quên lên chùa lễ Phật. Các cụ già làng, còn lo làm lễ cầu an ở chùa cho dân, lo làm lễ cầu mát khi vào hè cho dân, hoặc làm lễ dâng sao, trừ ôn dịch, sâu bọ phá hoại mùa màng. Xưa kia khi hạn hán kéo dài, quan lại và các kỳ hào còn đến chùa thờ Tứ Pháp làm lễ đảo vũ, để cho dân có nước cấy cày, cho cỏ cây tươi tốt...

Những việc làm xem chừng thiếu khoa học, nhưng lại đầy thiện tâm. Có cái phi lý, lại có chỗ hợp lý, khiến dân gian vẫn gửi gắm niềm tin. Và cũng bởi niềm tin chính đáng đó nên không ai cản phá, mà cũng khó lòng xóa đi đời sống tinh thần của đông đảo nhân dân, vốn dĩ là di sản ngàn xưa để lại.

Một số bà con ở thành thị, hoặc nông thôn có điều kiện kinh tế khá giả còn tổ chức đi vãn cảnh chùa, đi lễ Phật ở các chùa cảnh thuộc danh sơn cổ tích như chùa Hương Tích, chùa Tây Phương (Hà Tây). Chùa Tây Thiên (Vĩnh Phú) Quan Âm, chùa Trấn Quốc, chùa Hà, chùa Một Cột, chùa Thánh Quang (Hà Nội), chùa Đọi Sơn, chùa Ông, chùa Bà Đanh, chùa Trinh Tiết, chùa Quế Lâm (Hà Nam), chùa Bích Động, chùa Dịch Lộng (Ninh Bình), chùa Tháp Phổ Minh, chùa Keo Hành Thiện, chùa Bi, chùa Cổ Lễ, chùa Lương, chùa Phúc Hải, chùa Ninh Cường... (Nam Định), chùa Keo (Vũ Thư), chùa Phúc Lâm, chùa An Cổ (Thái Bình), khu danh sơn Yên Tử (Quảng Ninh), chùa Côn Sơn (Hải Dương), chùa Dâu và trung tâm Luy Lâu, chùa Keo (Bắc Ninh) chùa Tượng Sơn (Hà Tĩnh), chùa Sư nữ (Nghệ An), chùa Thiên Mục (Huế), chùa Tây An (Núi Sam An Giang), chùa Phước Lâm (Thị xã Tây Ninh) chùa Giác Lâm quận Tân Bình thành phố Hồ Chí Minh...

Mọi người ái mộ đạo Phật và đến với Phật giáo bằng tấm lòng từ thiện, hy vọng sẽ gặt hái được mọi sự tốt lành theo thuyết "Nhân nào quả ấy". Mọi khổ hạnh cũng như hoan lạc đến với con người, không phải do khách quan mà do chính con người hiện tại, hoặc quá khứ đã tạo ra. Do vậy, để góp phần suy ngẫm về đạo Phật, về giáo lý cũng như tính nhân bản cao đẹp của đạo, xin khái quát một số nét về đức Phật, để ai đó hiểu thêm về chân tướng cũng như chân lý, từ đó mà tạo ra lý trí, tránh mọi hành vi hoang đường, có nhận thức đúng về thực tại, ngấm mà giác ngộ cũng như giải thoát mọi sự đau khổ, sợ hãi, đem niềm vui và hạnh phúc về cho bản thân cũng như gia đình, xã hội.

Vậy lịch sử đức Phật ra sao, vị trí thờ tự thế nào, xin lần lượt trình bày sơ lược qua cách thức bài trí tôn thờ, cũng như hệ thống tượng pháp dưới đây.

Theo sách Phật giáo phổ thông, cùng một số tư liệu thì đức Phật là con vua Tịnh Phạm (Sudhodana) ở phía Bắc xứ Ấn Độ, gần núi Hy Mã Lạp Sơn (nay là nước Népal). Mẹ người họ Thích ca (Cakya), nên sau gọi Thích Ca Mâu Ni Phật. Lúc sơ sinh người được đặt tên là Tất Đạt Đa (Siddharta). Thái tử Tất Đạt Đa mới chào đời được 7 ngày thì mẹ là Hoàng hậu Ma-gia tạ thế, em bà là Ma Ha Ba Xà Ba Đề thay chị nuôi dưỡng Thái tử đến khi khôn lớn.

Thuở ấy đất nước Ấn Độ có 5 đẳng cấp xã hội. Ba lớp người thuộc Bà la Môn giáo, cùng vua chúa, quý tộc và thương gia, chủ điền mặc sức đàn áp hai đẳng cấp dưới, khiến con người vô cùng cực khổ. Trước sự bất công, tàn nhẫn quá đáng, Thái tử Tất Đạt Đa buồn phiền đồng thời nhìn nhận rõ sự dối trá, vô thường của xã hội. Vua cha thấy Thái tử suy tư âu sầu, đã tìm đủ cách để mua vui, lại còn cưới cho Thái tử người vợ tuyệt đẹp, ấy vậy mà Thái tử vẫn chán chường thế sự.

Năm 19 tuổi⁽¹⁾, Thái tử quyết bỏ hoàng cung; từ già phụ vương, vợ hiền, con nhỏ cùng cung điện nguy nga, dẫn thân vào vòng khổ ải, tìm phương cứu độ cho chúng sinh. Sau 6 năm tu hành khổ cực ở núi Tuyết mà vẫn chưa giác ngộ. Cuối cùng ngài ngồi thiền định dưới gốc cây Bồ đề 49 ngày, mới đại ngộ chân lý vũ trụ, cũng như nguồn gốc sinh tử của chúng sinh. Và như vậy ngài đã thành Phật, với hiệu Thích Ca Mâu Ni Phật (Cakya Muni). Và sau đó, suốt thời gian 49 năm ngài đi nhiều nơi giáo hóa chúng sinh, không phân biệt sang hèn, chủng tộc, mong giải thoát bể khổ cho mọi người. Năm 544 (trước Tây lịch) ngài 80 tuổi, ngài từ già cõi đời một cách thanh thản, sau khi di chúc căn dặn chí nguyện của mình cho các đệ tử, mong có sự "truyền đăng" mãi mãi về sau.

⁽¹⁾ Có tài liệu nói 29 tuổi.

Để biểu thị đức độ cao siêu, hy sinh bản thân vì việc cứu giúp nhân loại, người ta đã tạo hệ tượng pháp để người đời soi rọi mà tu thân.

- *Tượng Tam thế*: Thường đặt ở vị trí cao nhất. Ba pho này kích cỡ như nhau, đều ngồi tĩnh tọa trên tòa sen, là những biểu tượng cao đẹp của ba thời kỳ tu hành: Quá khứ, hiện tại, vị lai mà thời quá khứ là Đức A Di Đà hiện tại là Đức Thế Tôn mâu ni (Phật Thích ca), kiếp tương lai là đức Di Lặc. Và phần lớn các chùa đều có bộ tượng này.

Tượng Tam Thế còn được gọi là Tam Thân, nghĩa là ba đời, hay ba kiếp Phật để cứu vớt, tế độ cho chúng sinh.

- *Bộ tượng Di Đà Tam Tôn*. Thường đặt hàng thứ hai của Phật điện. Chính giữa là tượng A Di Đà, đức Phật thời quá khứ với truyền thuyết là thời kỳ cực lạc, chúng sinh toại nguyện, cầu được ước thấy. Hai bên thường là tượng Quan Thế Âm (nhìn thấu khắp dương gian cũng như cõi âm) và tượng Đại Thế Chí là vị Bồ Tát có sức mạnh vô biên để cứu độ chúng sinh.

- *Bộ tượng Thích Ca Tam tôn*. Đặt hàng thứ ba. Chính giữa là tượng đức Phật Thích Ca ngồi trên tòa sen, theo thế tĩnh tọa như Phật A di Đà, hoặc tay cầm cành hoa sen, hay bát ấn (Thích Ca niêm hoa, Thích Ca chuyển pháp). Hai bên thường có tượng Bồ Tát Văn Thù, Bồ Tát Phổ Hiền cưỡi thanh sư và bạch tượng. Nghĩa là một người cưỡi sư tử xanh, một người cưỡi voi trắng. Đây là hai vị trợ lý giúp đức Phật hoằng pháp, giáo hóa chúng sinh.

- *Tượng Di Lặc*. Được đặt dưới bộ tượng Thích Ca Tam tôn: Phật Di Lặc biểu tượng ở giai đoạn tương lai, con người hết lo âu, sầu não nên được toại nguyện. Người đầy đà, béo tốt đến nỗi bụng to không cài được cúc áo. Dân gian thường gọi vị này là nhịn mặc mà ăn. Nhưng vì là vị Phật tương lai nên chưa hình thành bộ ba (Tam tôn) như các bộ

tượng trên. Do vậy, tùy theo số lượng tượng pháp mà bày hai bên. Một số chùa hay bày "Quan âm tọa sơn" "Quan âm tống tử" ở hai bên tả, hữu đức Di lạc.

- *Tượng Phật Niết bàn:*

Pho tượng này có nơi đặt dưới bệ tượng Di Lạc, có nơi đặt vào cung sau, hoặc đặt trên tượng Di Lạc. Tượng Phật trên cỏi Niết bàn tức là hình tượng Thích Ca mâu ni xa lánh cõi đời. Tượng tạo theo thế nằm nghiêng, một tay chống đầu, một tay để đầu gối và chân co, chân duỗi rất thoải mái, như tâm tư của ngài thoải mái lúc ra đi vậy!

- *Bộ tượng Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu.*

Phía dưới tượng Phật nhập Niết bàn là tượng Ngọc Hoàng đầu đội mũ bình thiên, hai tay nâng hốt oai vệ. Hai bên có tượng Nam Tào tinh quân và Bắc Đẩu tinh quân, tay cầm sổ ghi chép việc sinh, tử cho nhân gian.

- *Tòa Cửu long*

Phía dưới Ngọc Hoàng là tòa Cửu long. Tòa này gồm 9 con rồng uốn lượn tạo nên vòm trời và giữa là hình tượng đức Phật lúc sơ sinh, một tay chỉ trời, một tay chỉ đất "Thiên thượng, địa hạ, duy ngã độc tôn".

Tòa Cửu long được tạc theo nhiều kiểu. Có nơi hệ thống 9 con rồng như đang phun nước rất sinh động. Có nơi còn gắn theo nhiều bộ tượng nhỏ như Tam Thế, Di Đà tam tôn, tứ vị Bồ tát, bát vị Kim cương... Có nơi gắn với các bộ tượng đang đánh đàn, thổi sáo như cảnh tượng thần tiên... Hai bên tòa Cửu Long còn có tượng Thổ địa râu tóc bạc phơ, Thánh tăng đội mũ tỳ lưu - là người phụng đạo bên cạnh Phật. Và có cả Kim đồng hay Ngọc nữ đứng hầu hai bên.

- *Tòa bên ngoài Phật điện (tam bảo) là bái đường*

thường to hơn và nằm ngang, tạo lối giao mái bất vắn. Gian giữa là ban thờ chung (công đồng), thường chỉ có bát hương và là ban đặt lễ. Hai bên có tượng Hộ Pháp với kích cỡ rất lớn, thường ngồi trên lưng con sấu. Một vị mặc giáp, mắt mở to, mặt đỏ, tay cầm đại đao như để trừng trị những kẻ làm điều ác. Dân gian gọi đây là pho tượng "Ác hữu thái tử", hay nôm na là ông Ác. Thực ra hình tượng này là để trừng ác, bảo vệ cho đạo Phật được mãi mãi tồn tại.

Pho bên kia cũng kích cỡ tương đương, mặc áo giáp uy nghiêm nhưng vẻ mặt rất hiền, sắc trắng, tay cầm hạt ngọc như ý, tay kia cầm gậy trúc. Dân gian gọi đây là Thiện hữu Thái tử, hay ông Thiện. Ý muốn răn đời nếu làm điều thiện sẽ được ngọc quý, còn nếu làm điều ác sẽ bị trừng trị.

Tượng A nan đà bồ tát (ban bên cạnh Hộ Pháp)

Pho tượng này còn được gọi là Thánh Hiền. A nan đà bồ tát làm phạm sự tể độ cho chúng sinh. Một tay cầm chén nước "cam lộ" một tay cầm cành dương, hoặc như búng ngón tay, với ý nghĩa là nhúng nước từ bi cõi Phật để cứu vớt mọi người.

Ban thờ A nan đà thường có hai pho tượng nhỏ hơn đứng hai bên. Một pho vẽ nhân từ, một pho vẽ hung dữ đang múa võ. Phải chăng đây là các thần giúp bồ tát tập hợp cô hồn, cũng như giữ trật tự khi được bá thí lễ vật, hoặc tiền, vàng (hai pho nói trên là La Sát và Tiêu diện đại sĩ).

Tại ban này trong ngày rằm tháng Bảy thường có cúng cháo lá đa, cùng với cơm nắm, ngô rang... để đức Thánh Hiền phân phát cho các vong linh không nơi nương tựa.

Tượng Đức Ông

Tượng Đức Ông thường đặt đối xứng với tượng Thánh Hiền. Dân gian còn gọi đây là Đức Chúa. Điều đặc biệt là

vị này thường được các triều đại phong sắc là "Thập bát Long thần". Truyền thuyết kể về Đức Ông như sau:

Đức Ông tên là Cấp Cô Độc, còn gọi Tu Đạt, là người nước Xá Vệ. Ông ham mộ đạo Phật, nên bỏ tiền mua vườn đất để xây dựng tịnh xá tu thiền. Lại thỉnh mời Phật Thích Ca cùng chư tăng về giáo hóa cho chúng sinh. Bởi ông là người có công xây dựng chùa, trông nom chùa nên dân gian khi lập chùa thờ Phật đều tạc tượng ông để thờ, lại coi ông là người quản lý chùa cảnh. Nên khi vào chùa lễ Phật, mọi người đều lễ ban Đức Ông, như để báo cáo và mong Đức Ông đại xá cho những lỗi lầm.

Văn khấn Đức Ông

Nam mô A di đà Phật (3 lần)

Kính lạy Đức Ông Tu Đạt tôn giả, Thập bát Long thần Già Lam chân tể.

Hôm nay là ngày... tháng... năm...

Tín chủ là... đồng gia quyến ngụ tại...

Kính lạy Đức Ông, gia quyến chúng con, thành tâm kính lễ, hương hoa vật phẩm, gọi chút lòng thành, mong ngài soi xét.

Trộm nghĩ: Chúng con sinh nơi trần tục,
Tránh sao được sự lỗi lầm.
Trước Phật đường sám hối ăn năn,
Kính mong đức Già lam chân tể.
Mở lòng tế độ, che chở chúng con
Làm ăn thuận lợi trong năm
Tiêu trừ bệnh tật tai ương
Vui hưởng lộc tài may mắn.

Cúi mong ngài: Chấp lễ chấp bái, chấp kêu chấp cầu
Đãi tấm lòng thành, xin ngài phù hộ
Nam mô A di đà Phật (3 lần)
(Vái 4 vái)

Trong nội tự còn có khu nhà tổ thờ Tổ Đạt Ma (Tổ Tông) là tổ truyền giáo sang Việt Nam, thờ các sư tổ của chùa. Nhiều nơi đặt tượng Địa Tạng Bồ Tát ở một gian trong nhà tổ (có nơi đặt tại bái đường chùa).

- Địa tạng Bồ tát

Địa Tạng thường tạc theo thế đứng, đầu đội mũ thất phật (hay cánh mũ có hình bảy vị Phật), mặc áo cà sa, tay phải cầm gậy tích trượng, tay trái cầm ngọc minh châu. Có nơi tạc ngồi trên tòa sen, hoặc ngồi trên lưng thú (như con sấu).

Ban này thường làm lễ cầu siêu, nhờ đức Địa Tạng tiếp linh cho Hương linh của các tín chủ được nương nhờ dưới bóng Phật. Có truyền thuyết còn cho đức Địa Tạng là giáo chủ nơi U minh (cõi âm)

Văn khấn Đức Địa Tạng

Nam mô A di đà Phật

Nam mô đại từ, đại bi bản tôn Địa Tạng Vương bồ tát

Hôm nay là ngày... tháng... năm...

Tín chủ con là... đồng gia quyến đẳng.

Ngụ tại...

Thành tâm cúi lạy trước Phật đài, kính dâng hương hoa phẩm vật, Cung thỉnh Bồ tát đại từ, đại bi, giáng lâm giáng phúc cho tín chủ.

Bái đảo đại đức giáo chủ U minh,

Phật phó chúc nơi cung trời Đạo lợi.

Chở che cho gia quyến chúng con,
Như mẹ hiền phù trì con đỏ.
Nhờ ánh ngọc Minh Châu trừ hạn ách,
Mây từ che chở trí tuệ hanh thông.
Tâm đạo khai hoa nào phiền nhẹ bớt.
Lúc đang sống một lòng thiện niệm,
Theo gương Đại sĩ tế độ chúng sinh.
Khi vận hạn được ơn cứu độ,
Của Bồ Tát cùng chư vị Thần linh.
Lúc lâm chung vượt cõi u đồ
Lại được tái sinh, lên cõi thiện.
Cúi mong Bồ Tát tế độ cho Hương linh Gia tiên
Cõi U minh hết thấy đều siêu thoát.
Nhất tâm bày tỏ tấc lòng,
Cung trần cầu xin giám cách
Nam mô A di đà Phật (3 lần)
(Vái 4 vái)

Một số chùa to, cảnh lớn còn có cả hệ thống "Bát bộ kim cương", là những thần nhân nguyện đem thần lực hộ trì cho Phật pháp và có tứ vị Bồ Tát là Ái Bồ tát, Sách Bồ tát, Ngũ Bồ tát và Quyển Bồ tát.

- Một số chùa có hệ thống Thập điện, tức là các vị Diêm Vương. Bộ tượng này thường thờ hai bên trong Tam Bảo hay Bái đường.

Các vị Diêm Vương trông coi hình ngục ở âm phủ để hành tội vong linh. Các vị Diêm Vương mà dân gian truyền tụng gồm:

1. Tần Quảng Minh Vương
2. Sở Giang Minh Vương
3. Tống Đế Minh Vương
4. Ngũ Quan Minh Vương
5. Diêm La Minh Vương
6. Biển Thành Minh Vương
7. Thái Sơn Minh Vương
8. Bình Chính Minh Vương
9. Đô Thị Minh Vương
10. Chuyển Luân Minh Vương

Một số chùa không làm tượng mà vẽ thành 10 cửa điện, hoặc làm 10 phù điêu, diễn tả ngục hình rất ghê sợ: như ném người vào vạc dầu, cắt đầu, cưa thân, cho thú dữ cắn... phải chăng đây là hình thức răn đời giúp nhân loại tránh những hành vi độc ác, để khi chết khỏi phải rơi vào ngục hình thảm khốc.

Lại có chùa có cả bộ tượng La Hán với giá trị nghệ thuật cổ truyền độc đáo và đặt ở hai bên hành lang chùa. Thập bát La Hán thường thấy như sau:

- Tổ thứ I: Ma ha già diệp, tượng đứng, một tay chống gậy trúc, một tay cầm sách.
- Tổ thứ II: A nan vương, ngồi co một chân, hai tay cầm cuốn sách tì lên gối.
- Tổ thứ III: Thương ma hòa tụ, ngồi tì khuỷu tay lên gốc cây, tay phải để trên đầu gối.
- Tổ thứ IV: Ưu ba cú đa, ngồi đọc sách trên đồng lá, cạnh gốc cây.
- Tổ thứ V: Đề đa già, ngồi bó gối trên hòn đá, ngửa mặt lên trời.

- Tổ thứ VI: Di đà già, đứng chống gậy trúc, vẻ mặt tươi cười, đang nói chuyện với tiểu đồng (bụng hở rườ).
- Tổ thứ VII: Bà tu mặt, đứng chấp tay, ngửa mặt, trước một lư trầm.
- Tổ thứ VIII: Phật đà nan đề, ngồi ngoáy tai bên gốc liễu, người to béo, bụng phệ, áo hở ngực, co một chân, vẻ mặt tươi cười.
- Tổ thứ IX: Phúc đà mặt đa, ngồi xếp bằng cạnh lư hương, lô trầm, tay phải cầm gậy trúc, tay trái tì lên bệ.
- Tổ thứ X: Hiệp tôn giả, đứng chéo chân, hai tay tì lên thân cây tùng, có một tiểu đồng đang chấp tay.
- Tổ thứ XI: Phú na đa xa, ngồi co một chân, tay đặt lên đầu gối, phía trước có một người đang làm lễ.
- Tổ thứ XII: Mã minh ba la, ngồi ngửa mặt nhìn con rồng, có râu quai nón.
- Tổ thứ XIII: Già bì ma la, tượng đứng, có rắn quấn ngang lưng.
- Tổ thứ XIV: Long thụ tôn giả, ngồi nhập định trên bông hoa sen (dưới là nước), trước mặt có rồng châu.
- Tổ thứ XV: Gia na đề bà, ngồi bên gốc tùng, tay trái giơ ngang ngực, ngửa mặt.
- Tổ thứ XVI: La hầu la đa, ngồi bên con hươu quỳ, đầu bịt khăn, tay cầm gậy trúc.
- Tổ thứ XVII: Tăng già nan đề, ngồi co một chân, hai tay đặt lên đầu gối, tỳ cằm lên tay, lưng khom, vẻ mặt tươi cười.

Tổ thứ XVIII: Già đa đa xá, tượng đứng, đặt gậy trúc lên vai, gánh chiếc hòm nhỏ, tay phải tỳ ngang gậy, tay trái cầm một vật như bánh xe.

Mười tám vị La Hán mỗi vị một vẻ, một tâm tư nhưng đều lạc quan, ngấm sự thế trần gian. Bộ La Hán trên không giống chùa Tây Phương, số lượng La Hán cũng ít hơn chùa Tây Phương, khiến phải suy ngẫm sự đa dạng, phong phú của hệ thống tượng pháp chùa.

Ấy vậy mà các chùa Pháp Vân, Bà Đanh, chùa Quế Lâm... còn thờ Tứ Pháp vương Phật. Các chùa Keo, Cổ Lễ, chùa Bi, chùa Thầy... còn thờ Tam Thánh: Từ Đạo Hạnh, Không Lộ Thiền sư, Giác Hải thiền sư. Các chùa Yên Tử, Phổ Minh, Côn Sơn thờ Trúc Lâm tam tổ. Chùa Giám thờ Tuệ Tĩnh, chùa Tượng Sơn thờ Hải thượng lãn ông Lê Hữu Trác, chùa Long Phú quận Phú Nhuận thành phố Hồ Chí Minh thờ ông Địa (Thần Tài)...

Chưa tính sự phối thờ đan xen, mà số lượng tượng pháp ở chùa đã nhiều. Chùa ít cũng một vài chục vị. Chùa vào dạng danh lam cổ tích có tới năm, bảy chục vị. Do vậy việc dâng hương không thể lễ hết từng vị, mà người ta hoặc khấn vái vài ba nơi, hoặc khấn tại ban công đồng. Dân gian đã làm bài số tấu cầu được bình yên. Dưới đây là số văn cầu an để lễ tại ban công đồng.

端安祈伏礼

伏以富壽康寧乃人心之所願災殃限厄憑法力以鮮除一念

至誠十方感格爰有越南國省縣社村依于

灵祠居奉

佛聖供養

天上疏鮮限祈安求財延生事今世信主

合

同家等即日仰干慧眼俯鑒凡心言念且等生居陽世效在

天宮荷乾坤履載之恩感佛聖扶持之力行受或有乖違出

八能與過咎非將礼物具陳曷得平寧盛至

恭惟

南無十方無量諸佛常住三寶

金蓮座下

南無大慈大悲救苦救難尋聲靈感南海觀世音菩薩紅蓮座下

三界天主四府萬靈公同聖帝

玉座下

當年行遣諸月日時尊神

位前

本命正照列位星君本命列位叔諺公主

位前

本寺十八竜神伽藍真宰

位前

恭望

諸尊垂情憐憫照鑒奏文

伏願

飭大匡扶恩弘濟度公明正直大雨雨露之良忱救過消愆廣

布河沙之艷福俾臣等家門亨泰命位康強耕耨商賈四時無
禍患之虞學習言行八節有禎祥之兆一意誠求萬般果遂但
臣下情亟任激切屏營之至謹疏

天運

年月日

信臣誠心具奏

Lễ Phật kỳ an số

Phục dĩ:

Phú thọ khang ninh
Nãi nhân tâm chi sở nguyện
Tai ương hạn ách bằng pháp lực dĩ giải trừ.
Nhất niệm chỉ thành
Thập phương cảm cách.

Viên hữu Việt Nam quốc

Tỉnh..... huyện..... xã..... thôn.....

Y vụ linh tự cư...

Phụng Phật thánh cúng dàng

Xuân thiên thượng số, giải hạn kỳ an

Cầu tài diên sinh sự.

Kim thần tín chủ...

Hợp đồng gia đẳng. Túc nhật ngưỡng can tuệ nhân

Phủ giám phạm tâm, ngôn niệm thần đẳng.

Sinh cư dương thế, số tại thiên cung

Hạ càn khôn phú tái chi ân,

Cảm Phật Thánh phù trì chi lực

Hành tàng hoặc hữu quai vi

Xuất nhập năng vô quá cữu

Phi tương lễ vật cụ trần

Hạt đắc bình minh thịnh chí

Cung duy

Nam mô thập phương vô lượng chư Phật thường trụ
tam bảo, Kim liên tọa hạ

Nam mô đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn, tâm thanh linh cảm, Nam hải quan thế âm bồ tát, Hồng liên tọa hạ.

Tam giới thiên chúa tứ phủ vạn linh công đồng thánh đế, Ngọc bệ hạ.

Đương niên hành khiển, chư nguyệt nhật thời Tôn thần, vị tiên:

Bản mệnh chính chiếu liệt vị tinh quân, bản mệnh liệt vị quyền cai công chúa, vị tiên.

Bản tự thập bát Long thần Già Lam chân tể, vị tiên.

Cung vọng chư tôn, thù tình lân mẫn, chiếu giám tấu vãn. Phục nguyện đức đại khuông phù, ân hoàng tế độ, công minh chính trực đại khai vũ lộ chi lương thâm, xá quá tiêu khiên quảng bá hà sa chi diễm phúc. Tỷ thần đẳng gia môn hanh thái, mạnh vi khang cường, canh sử thương mại tứ thì vô họa hoạn chi ngu, học tập ngôn hành bát tiết hữu trình tường chi triệu. Nhất ý thành cầu, vạn ban quả toại. Dẫn thần hạ tình vô nhâm khích thiết bình dinh chi chí - Cẩn số.

Thiên vận... niên, nguyệt, nhật. Tín chủ thành tâm cù tấu.

Dịch nghĩa:

Sớ lễ Phật cầu được bình yên.

Cúi xin thưa rằng:

Giàu có, sống lâu và yên vui

Là sở nguyện của con người.

Vạn hạn, tai họa trông vào pháp Phật giải thoát

Dốc lòng tụng niệm, động đến mười phương.

Nay tại nước Việt Nam tỉnh... huyện... xã... thôn...

Tại chùa thiêng... (chùa gì?)

Phụng sự Phật, Thánh có lễ dâng cúng.

Ngày xuân⁽¹⁾ dâng lên số tấu, cầu cho hết nạn được bình yên.

Cầu tài lại mong được trường thọ.

Nay tín chủ tôi là..... cùng cả nhà trên dưới

Ngày ngày ngửa trông chư vị Phật, Thánh thông sáng

Thấu tỏ cho lòng dạ chúng con, miệng niệm cầu xin.

Bởi lẽ chúng con sinh nơi trần thế,

Nhưng số kiếp tại cung trời.

Cúi trông trời đất che chở gia ân.

Kính mong Phật, Thánh phù trì bằng pháp lực.

Trong cuộc sống chắc có sự sơ xuất.

Ra vào không tránh khỏi lỗi lầm.

Nay xin được kính dâng lễ vật,

Cầu mong sao được sự bình an.

Nay cung kính.

Nam mô thập phương vô lượng chư Phật

Thường trụ tam bảo. Kim liên tọa hạ

Nam mô đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn, tể thanh linh cảm, Nam Hải Quan Thế âm bồ tát, Hồng liên tọa hạ

Tam giới thiên chúa, tứ phải vạn linh công đồng thánh đế, Ngọc bệ hạ.

Đương niên hành khiển, chư nguyệt nhật thời Tôn thần vị tiền.

Bản mệnh chính chiếu liệt vị tinh quân,

Bản mệnh liệt vị quyền cai công chúa, vị tiền.

⁽¹⁾ Nếu mùa thu, hay hạ thì ghi theo thời gian làm lễ.

Bản tự thập bát long thần già lam chân tế, vị tiên.
Kính xin chư vị Tôn thần mở lòng thương xót.
Chấp nhận tấu văn, mong đức lớn khuông phù.
Mở lòng cứu giúp, chính trực công minh.
Giúp chúng con có đường đi lương thiện.
Bỏ qua lầm lỗi, ban cho phúc đẹp, diêm lành.
Cho gia đình con được thịnh vượng.
Bản thân con sức khỏe dồi dào
Bốn mùa làm ăn, buôn bán không lo hoạn nạn.
Tám tiết lời nói việc làm được tốt đẹp rõ ràng.
Một dạ cầu xin muôn điều toại nguyện.
Chúng con vô cùng lo sợ, cẩn trọng làm số văn... năm,
tháng... ngày
Tín chủ thành tâm dâng tấu.

*

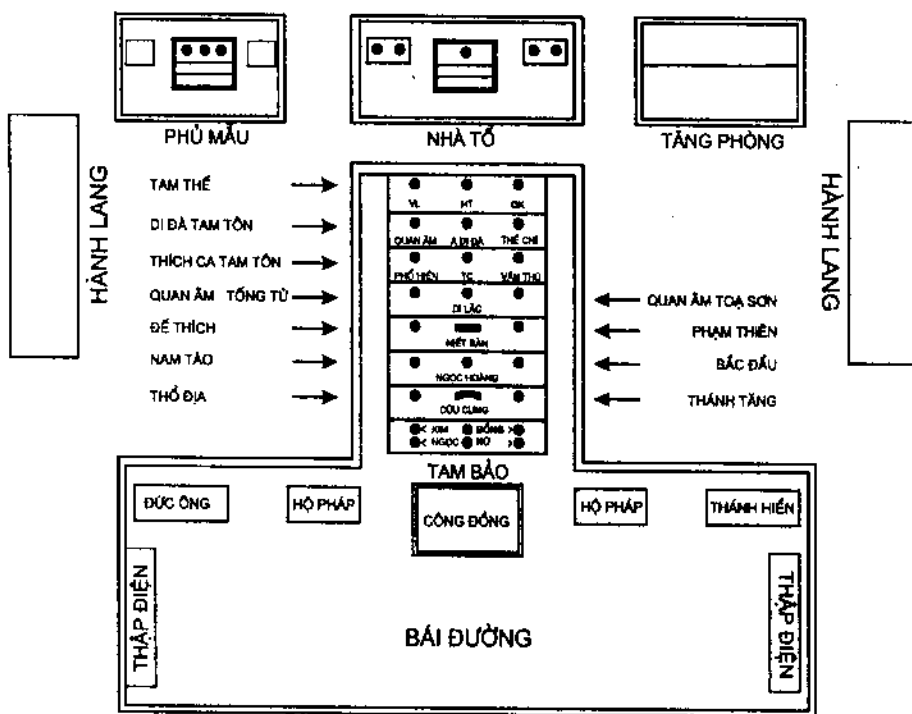
* *

- Song nói đến chùa, tất mọi người đều rõ chính là nơi thờ Phật, còn việc thờ các vị khác chẳng qua là phối thờ, phối thờ lại không phải là phổ biến, chùa có chùa không. Bởi vậy đến chùa thấy chư vị tăng ni, mọi người đều chào bằng câu Adidà Phật, tức là đọc duệ hiệu đức Phật thời quá khứ. Khi đến chùa lễ Phật, tụng kinh đều dùng chữ "Nam mô" hoặc "Nam vô" (南無). Nam là phương Nam, vô còn đọc là mô, tiếng Phạn là Namana nghĩa là cung kính, quy y. Nam mô hay Nam vô Adidà Phật là cung kính đức Phật Adidà.

- Đạo Phật còn gọi đạo Thiên. Các vị sư nổi tiếng thường được gọi Thiên sư, ngôi để tĩnh tâm còn gọi Thiên định. Vậy chữ Thiên ở đây là một phép tu căn bản của Phật giáo. Ngôi Thiên để được tĩnh tâm, để chống những khủng hoảng tinh thần, chống những ô nhiễm về tinh thần để mở ra lối thoát, chống sự phiền não trong người.

Người Hoa còn đọc Thiên là Thiên-na, người Nhật đọc là Zen-na, hay Zen, chữ Phạn là Dhyàna. Và người ta thường ghép chữ Thiên với chữ định, thường gọi Thiên-định. Nghĩa là tập trung vào một vấn đề gì đó, không cho phân tán khiến tâm được phẳng lặng, ý được sáng tỏ...

Riêng lĩnh vực tượng pháp bài trí ở chùa Việt Nam thì thật phong phú. Mặc dù thời gian, chiến tranh đã tàn phá bình địa nhiều nơi cổ tự. Nhưng với những tượng Phật bằng đá hiện tồn tại, cũng như nhờ khai quật khảo cổ học ở nhiều nơi và ở chùa Long Dọi Hà Nam, Tháp chùa Chương Sơn, Nam Định về di sản thời Lý. Hàng loạt bệ đá hoa sen thời Trần, hàng loạt văn bia thế kỷ XV, XVI, XVII cho biết về tượng pháp bài trí ở Phật điện như tượng Adidà, Quan Thế Âm, Đại Thế Chí, tượng Thích Ca lúc sơ sinh, rồi các pho Ngọc Hoàng, Nam tào, Bắc đẩu, tượng La Hán, Bồ Tát, Ngọc nữ, Kim đồng, Quan Âm Nam Hải, tượng Long thần, Trưởng giả, Kim cương, Hộ pháp, Thổ địa, Phạm Thiên, Đế Thích... Lại cả tượng Cô hồn, Khổng Tử, Lão Tử... khiến chúng ta phải khẳng định việc thờ tự ở chùa với các tượng pháp Phật điện là rất phong phú và có từ lâu đời. Nhưng vì thời gian và sự bảo tồn hạn chế nên nhiều chùa hiện tại bài trí khá đơn sơ, chắp vá. Các chùa lớn, quy mô cũng còn thiếu tượng pháp. Tuy vậy, xin đơn cử sự bài trí ở một ngôi chùa để độc giả tham khảo khi đi hành hương lễ Phật.



Ghi chú: Tam thể còn gọi Tam thân, gồm ba pho tượng Phật, đều ngồi trên tòa sen theo thế tĩnh tọa. Biểu tượng của ba thời kỳ tu hành quá khứ, hiện tại và tương lai.

- A di đà là đức Phật thời quá khứ, chúng sinh được thỏa mãn trong cuộc sống, cầu được ước thấy (có nơi vị trí này lại là đức Phật Thích Ca. Hai bên thường có Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền).

- Di Lặc là đức Phật sau này, để tiếp độ chúng sinh.

- Quan Âm (hoặc Diệu Thiện) có 12 hoặc 24, 36 tay, 100 mắt, 1000 tay...

- Tòa Cửu Long: Phật Tổ lúc sơ sinh, có 9 rồng phun nước, xung quanh thường có nhiều tượng nhỏ thuộc Phật giới.

Hệ thống tượng pháp bài trí trên đây vừa bộc lộ sự cao quý, thể hiện pháp lực nhằm cứu vớt chúng sinh, đủ chứng minh lòng từ bi rộng lớn của đức Phật, để giải thoát cho con người vượt bể khổ trầm luân. Do vậy, khi đến chùa hẳn mọi người nhận ra đức tính bình đẳng, từ bi, hiền hòa. Và chính đức tính đó đã làm cho bản thân thanh thản, lại làm cho tâm rung động trước nỗi khổ của mọi người. Qua đó mà vững vàng thêm lý trí, nỗ lực hành động để giải thoát cho mình và cho cả người khác.

Nhưng lên chùa, trước cửa Tam bảo có ba điều quý đó là "Phật, Pháp, Tăng" phải giữ sao cho hài hòa. Dân gian thì nói: Kính Phật trọng Tăng. Do vậy, thấy Tăng ni mọi người tỏ thái độ kính trọng. Còn việc sắm lễ thì đâu phải "vô vật bất linh". Mà chính là do ở tâm thành, như người xưa đã nói "Linh tại ngã bất linh tại ngã". Do vậy, đi lễ chùa chỉ cốt tâm, lễ vật phải thanh tịnh thì sẽ có linh nghiệm.

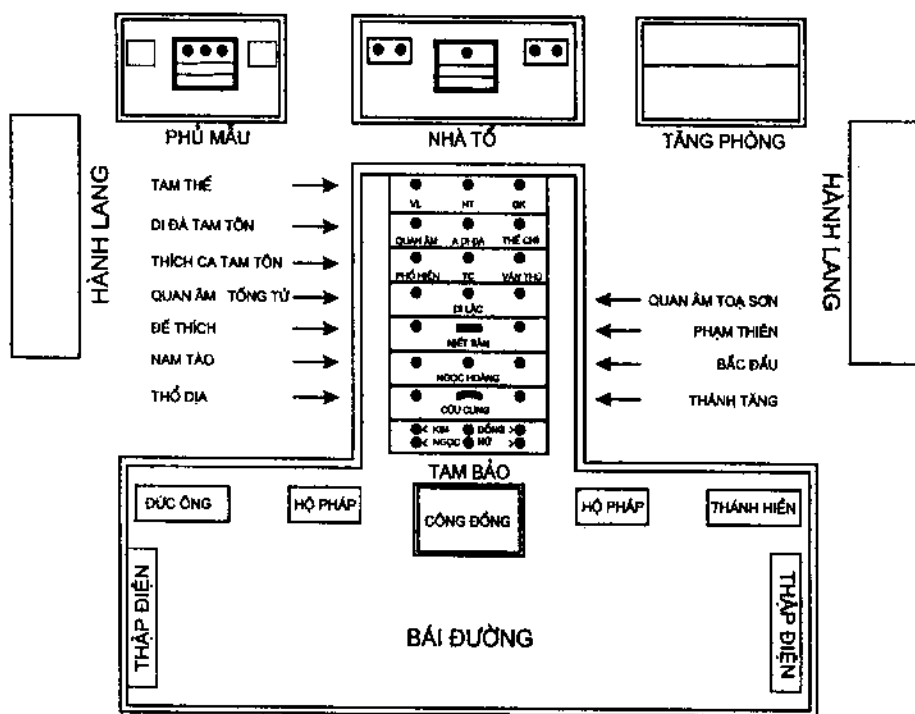
Đến chùa chỉ nên sắm hương hoa, oản quả, chớ đem lễ mặn lên ban thờ Phật. Nghĩa là chỉ dâng cỗ chay. Còn nếu trong nội tự thờ các bậc Thánh như Thánh Mẫu thì có thể thêm lễ mặn nhưng tránh sự rườm rà.

Điều quan trọng là trước khi lên chùa lễ Phật thì tâm phải trong, không có hành vi độc ác, chua ngoa, tục tĩu... nếu vậy thì đã làm đúng lời Phật dạy và cũng là nét đẹp văn hóa của bản chất dân tộc.

Nghi lễ tại chùa.

Tuỳ chùa có nhiều tòa, nhiều ban lễ nhưng giáo lý nhà Phật không ngại nghèo, cố chấp vào việc lễ. Do vậy, việc lễ chùa khá đơn giản, dễ lễ, dễ kêu cầu. Mọi người có tâm thành đều có thể lễ được.

- Nhiều người dâng lễ tại chính điện trước, rồi mới tiếp



Ghi chú: Tam thể còn gọi Tam thân, gồm ba pho tượng Phật, đều ngồi trên tòa sen theo thể tĩnh tọa. Biểu tượng của ba thời kỳ tu hành quá khứ, hiện tại và tương lai.

- A di đà là đức Phật thời quá khứ, chúng sinh được thỏa mãn trong cuộc sống, cầu được ước thấy (có nơi vị trí này lại là đức Phật Thích Ca. Hai bên thường có Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền).

- Di Lặc là đức Phật sau này, để tiếp độ chúng sinh.

- Quan Âm (hoặc Diệu Thiện) có 12 hoặc 24, 36 tay, 100 mắt, 1000 tay...

- Tòa Cửu Long: Phật Tổ lúc sơ sinh, có 9 rồng phun nước, xung quanh thường có nhiều tượng nhỏ thuộc Phật giới.

tục đến ban Đức Ông, ban Thánh Hiền, nhà Tổ, nhà Mẫu. Nghĩa là lễ chư vị Phật, Bồ tát, Ngọc Hoàng trước. Nhưng cũng nhiều người hiểu vai trò Đức Ông, là người cai quản ngôi chùa nên đến đặt lễ thỉnh cầu sở nguyện với Đức Ông trước rồi mới đặt lễ, dâng hương tại chính điện và các ban, nhà Tổ, nhà Mẫu.

- Khi lễ thường vái ba hoặc năm lạy. Nếu có văn khấn cầu xin vị nào về việc gì đó thì đọc khấn trước ban đó, khấn xong hóa lòng văn như để các vị tiếp nhận sự kêu cầu, dâng phù hộ cho mình...

- Lễ xong (gần cháy hết nén nhang, khoảng 2/3 nén) thì hạ lễ. Hạ lễ xong có thể đem một phần lộc, hoặc ít tiền dầu nhang lên trai phòng cảm tạ nhà chùa. Có người muốn cúng dường hoặc phát tâm tu bổ chùa cảnh, tượng pháp thì bỏ vào hòm công đức, hoặc trao đổi với nhà chùa hay ban quản lý chùa.

- Một số người là *Phật tử* thì các ngày sóc vọng đều phải trai giới, chay tịnh (ăn chay, ngủ riêng), mặc y phục chỉnh tề lên chùa lễ Phật, đọc kinh sám nguyện, khóa nhật tụng hay kinh Dược sư...

- Đối với *khách hành hương* thì có thể khấn miệng, nếu có văn khấn trên giấy, trên sách thì mở đọc cũng được. Xin giới thiệu một vài bài văn khấn nữa để bà con tham khảo, tiện sử dụng khi đi lễ chùa.

Văn khấn trước chính điện (Tam bảo)

(vái 5 vái)

Nam mô Adidà Phật!

Nam mô Thích ca Mâu ni Phật!

Nam mô đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn Quan thế âm Bồ tát.

Hôm nay là ngày... tháng... năm

Tín chủ chúng con là.... cùng với gia quyến...

Nguyên quán tại...

Trú quán tại... thôn (phố)... phường (xã)... huyện
(thành phố)... tỉnh

Thành tâm trước Phật đài, lễ vật hương hoa, nhất tâm
kính lễ.

Kính mong Phật tổ chứng giám, chư vị Bồ tát vị tha.

Dức Ông Thập bát Long thần mở lòng nhân từ đại xá

Che chở gia ân cho tín chủ đồng gia quyến đẳng,

Trí tuệ được mở mang, ưu phiền giảm nhẹ.

Nhờ ánh hào quang soi tỏ, khiến nghiệp chướng tiêu
tan,

Tâm đạo tỏ tường cõi lòng được thanh thản.

Chúng con xin nhất tâm thiện nguyện,

Cầu mong cho gia cảnh bình yên.

Bốn mùa, tám tiết gia đạo hưng long,

Quanh năm thịnh vượng, lộc tài đưa đến.

Chúng con cúi lạy trước Phật đài, của từ bi quảng đại.

Nhất sự nhất xá, vạn sự cho qua,

Dãi tỏ tắc lòng, cúi xin giám cách.

Nam mô Adidà Phật (3 lần)

(Vái 5 vái)

*

*

*

Hiện nay, một số gia đình có người chết, thường lên chùa làm lễ cầu siêu, mong cho vong linh được siêu thoát. Việc làm này đã có từ lâu đời, nó là tục lệ, do vậy xin đề cập để mọi sự tham khảo bài văn cầu siêu:

Văn cầu siêu cho Gia tiên.

Trước tam bảo chúng con trộm nghĩ:

Mười phương Phật đại giác, soi tỏ trốn đường mê.

Ba cõi đức Đại sư, thả thuyền từ nơi bể khổ.

Nay tín chủ chúng con là...

Ngụ tại...

Cùng toàn thể gia quyến, cháu con...

Trước Phật đài làm lễ cầu siêu độ.

Cho Gia tiên là (ông, bà, cha, mẹ...)

Tên là... sinh năm... hưởng thọ...

Mất..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Phân mộ mai táng tại xứ đồng..... xã..... huyện..... tỉnh...

Chúng con kính mong được hồng ân Tam bảo, đại xá cho vong linh. Bởi lúc bình sinh nơi trần thế, tuệ cận chướng sâu, nghiệp dày phúc mỏng.

Sai lầm đã lắm, ân oán khó qua,

Nay lễ cầu siêu, tỏ lòng sám hối.

Kính lạy trước Tam bảo mười phương chư Phật.

Kính lạy đức giáo chủ Thích Ca Mâu ni Phật.

Kính lạy đức Quan Âm đại hải Bồ Tát.

Kính lạy đức Địa Tạng vương Bồ tát...

Chư vị đại từ, đại bi, cứu khổ cứu nạn.

Cứu vớt vong linh...

Được thoát cõi u đồ, nấp bóng đài sen cửa Phật.

Để được hưởng một kiếp thanh thoi thân cung mát mẻ.

Lại xin cầu nguyện cho chúng con:

Sở nguyện tòng tâm, tứ thời mạnh khỏe

Điều lành hay đến, việc dữ tránh xa.

Khang thái vinh hoa gia môn phổ cập.

Nam mô A di đà Phật (3 lần).

(Vái 5 vái)

*

* *

- Hàng năm nhân dân lên chùa lễ Phật theo các ngày sóc, vọng (rằm, mồng một) đặc biệt là các ngày lễ tiết như tết Nguyên Đán; lễ rằm tháng Giêng. Lễ ngày đức Phật đản sinh 15 tháng 4 (trước đây lễ vào ngày 8 tháng 4).

Ngày rằm tháng Bảy là ngày lễ Vu Lan (xá tội vong nhân) nên mọi người đi lễ chùa rất đông.

Ngoài những ngày đó còn có các ngày lễ vía Phật Thích Ca nhập niết bàn (8 tháng 2), lễ vía Quan Âm Bồ Tát, phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát... do vậy nếu chuyên tâm đi lễ chùa chắc cũng mất nhiều thời gian. Đó là chưa kể ở một số chùa còn thờ vua, thờ thánh, thờ các vị quốc sư, thờ các bậc danh y... nên nhà chùa cũng phải sắp xếp khoa học để giảm nhẹ phần nào việc nghi lễ, mà vẫn trọn vẹn việc đạo, việc đời.

Tín đồ, Phật tử cũng như khách hành hương đi lễ chùa còn có nhu cầu được Phật Thánh tế độ cho việc tăng tài,

tăng lộc. Cầu xin khỏi bệnh, bán khoán trẻ nhỏ để mong con cháu mau lớn, khỏe mạnh...

Việc bán khoán là tập tục thường làm ở đền thờ, nhưng ở chùa cũng có lệ bán khoán, tức là làm lễ cầu Phật, cầu Đức Ông nhận trẻ nhỏ làm con cái, bảo vệ, phù hộ cho trẻ mạnh khỏe, thông minh cho đến lúc trưởng thành. Có người làm lễ bán hết một giáp (13 tuổi). Có người làm lễ bán trọn đời tùy theo gia chủ.

Nhà chùa sẽ hướng dẫn cho gia chủ sắm lễ, đồng thời hướng dẫn làm văn khấn; Việc này hiện nay ít người thực hiện, nhưng đề cập để mọi người tham khảo.

Văn khoán khấn mại đồng tử.

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập tự do hạnh phúc

Tuế thứ... tỉnh... huyện (thành phố)... xã (phường)... Y vụ... tự cư.

Phụng Phật Thánh tiến lễ khất mại đồng tử, lập khoán văn kỳ bình an diên thọ sự.

Kim thân mại chủ (tên người đứng bán)... thê... đồng phu thê đẳng.

Hỷ kiến cư... niên... nguyệt... nhật... thời, sinh hoạch nam (nữ) tử niên phương... tuế.

Lự kỳ hình xung, tướng khắc, quý mị vi ương. Tất bằng Thánh đức dĩ khuông phù, hạt ký duyên sinh vu tính mạnh. Vị thử, y dục thọ tràng Đầu vu;

Phật thánh tọa hạ mại qui. Cung duy:

Nam mô thập phương vô lượng thường trụ Tam bảo

Kim liên tọa hạ.

Nam mô đại từ đại bi, linh cảm Quan Thế Âm Bồ tát,

Hoàng liên tọa hạ.

Bản tự thập bát Long thần già lam chân tế, vị tiên.

Vọng vi Thần tộc chi môn; nguyện vi minh linh chi tử.

Kim khất cải tính danh vi... (cải họ tên mới)

Cấm trừ chủ Quan sát sự. Thần phục vọng:

Đức đại khuông phù, âm hoàng bảo hựu.

Vận thần thông lực, tiến trừ tà quỷ vu tha phương.

Khử chúng hung đồ tốc phó doanh châu ư ngoại cảnh.

Tự tư hưởng hậu, bất đắc vãng lai.

Nhược ngoan tà đảng chúng bất tuân,

Chiếu pháp luật thi hành.

Túc mại chủ... cử tấu.

Thánh tiên ư luật trị tội, tu chí khoán giả.

Hữu khoán ngưỡng.

Tả thiên thiên lực sĩ

Hữu vạn vạn hùng binh.

Trung sai ngũ hổ đại tướng quân.

Đẳng quan, chuẩn thử.

Kê: nhất phó phụ mẫu sơ sinh dưỡng dục chí... tuế thực khoán, tái mại bách tuế như nghi vi chiếu dụng giả nhị viên chứng kiến.

Tả Dương niên Hành khiển chí đức Tôn thần.

Hữu Dương cảnh Thành Hoàng bản thổ đại vương từ hạ vi bằng.

Tuế thứ... niên... nguyệt... nhật... thời lập khoán

Thích Ca Mâu ni Như Lai di giáo đệ tử thần phụng hành.

- Số bán khoán được lập thành ba bản, một bản đốt sau khi hành lễ, một bản nhà chùa lưu, một bản mại chủ giữ. Khi nào con lớn làm lễ chuộc lại thì sẽ đốt nốt văn khoán.

Đã bán khoán trở thành con cái nhà Phật thì các ngày lễ lớn, hoặc sóc vọng thường lên chùa làm lễ. Người bán con là mại chủ khẩn theo bài văn sau:

Văn khẩn:

Nam mô Adidà Phật (5 lạy)

Hôm nay là ngày... tháng... năm...

Con mại chủ tên là ... cùng vợ (hoặc chồng) là... cùng mại tử là... trước Phật đài chúng con xin cúi lạy 9 phương trời, mười phương chư Phật.

Kính lạy đức Ông bản tự Thập bát Long Thần Già lam chân tế.

Chúng con chí tâm chí thành, sắm biện lễ vật hương hoa, nhân ngày... dâng lên đức Phật cùng đức Ông bản tự. Kính mong chư vị lượng trời soi xét, xá tội xá lỗi, độ trì cho mại tử là... cùng gia quyến bình an vô sự, thịnh vượng an khang. Điều lành đưa đến, điều dữ đuổi xa, tám tiết bốn mùa, không lo vận hạn lại kính mong chư vị mở lượng xét soi.

Cho chúng con được sở cầu như ý.

Cho mại tử được tốt bằng người, tươi bằng bạn vạn sự khang ninh.

Nam mô Adidà Phật (3 lần)

Vái 5 vái

3. Các danh sơn cổ tích - chùa cảnh cần lưu ý

Làng xã, phường, thành thị nào cũng có chùa, nên việc lễ chùa thuộc cảnh thổ là trách nhiệm của cộng đồng trong

bản xứ. Nghĩa là lễ Phật chùa làng (phố) là lễ đương nhiên. Nhưng một số danh sơn nổi tiếng liên quan đến các đại pháp Thiền sư, các nhà chân tu, các pháp vương Phật làm ra mây, mưa, sấm, chớp cho mưa thuận gió hòa vạn vật tốt tươi... thì không phải chùa nào cũng có. Do vậy xin giới thiệu một số chùa cảnh tiêu biểu giúp độc giả suy ngẫm.

3.1. Chùa Dâu - Luy Lâu, Bắc Ninh

Chùa Dâu - Luy Lâu thuộc huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh, xưa đây là thủ phủ của Giao Châu. Từ thế kỷ III, Sĩ Nhiếp đã có công khai hóa Giao Châu. Sau đại sư Khâu Đà La là người Ấn Độ đến tu hành ở Luy Lâu gần nửa thế kỷ, đã để lại sự thành đạt quan trọng cho Phật giáo Việt Nam. Tiếp theo Khâu Đà La còn có các vị cao tăng như Khương Tăng Hội, Chi Cương Lương, Tì-ni-đa-lưu-chi từ Ấn Độ truyền giáo vào trung tâm Luy Lâu. Khiến Phật giáo Việt Nam được tiếp đón Phật pháp từ cội nguồn Thiên Trúc.

Song điều lý thú hơn là từ trung tâm Phật giáo Luy Lâu lại khởi nguồn về Tứ Pháp Vương Phật: Vân, Vũ, Lô, Điện (mây, mưa, sấm, chớp). Mà chùa Dâu (Thiền định tự), sau đổi (Diên ứng tự) thờ Phật Pháp Vân (bụt mây). Chùa Đậu (Thành Đạo Tự) thờ Phật Pháp Vũ (bụt mưa). Chùa Tướng (Phi tướng tự) thờ Phật Pháp Lô, (bụt sấm). Chùa Đàn (Trí Quả tự) thờ Phật Pháp Điện, (bụt chớp). Truyền thuyết cho rằng các pho tượng Phật Pháp Vân, Vũ, Lô, Điện ở đây do Sĩ Vương cho tạc từ thân cây gỗ dung thực, gắn với sự tích Phật Mẫu Man Nương và từ những ấn tượng trên nên ngày 8 tháng 4 là ngày Man Nương sinh hạ một bọc, rồi bỏ vào gốc cây, sau hóa thạch thành "Thạch Quang Phật", lại trùng hợp với ngày đản sinh của Đức Phật Thích Ca (theo cách trích cũ) nên mọi người náo nức kéo về Luy Lâu mở hội lớn, rước đức Phật Thích Ca, rước

Phật mẫu và Tứ Pháp. Trong hội có lễ tắm Phật, cầu phúc và các diễn trình lễ hội văn hóa khác.

Dù ai đi đâu, ở đâu

Tháng tư ngày tám Hội Dâu thì về.

3.2. Chùa Đậu - Thường Tín Hà Tây

Chùa Đậu cách đường quốc lộ 1A chừng 4 km, là công trình tôn giáo thờ Phật như các chùa khác. Nhưng đây còn thờ Pháp Vũ Vương Phật, nằm trong hệ thống tứ pháp Chùa Dâu - Luy Lâu. Điều đặc biệt hơn cả là tại đây, hai vị chân tu Vũ Khắc Minh, Vũ Khắc Trường đã tịch diệt một cách diệu kỳ, ngồi ở Thọ Am theo thế tĩnh tọa, lại dạn dè tử nếu qua 7 ngày không thấy mùi hôi thì cứ để yên, không cần mai táng. Và các thế hệ tăng ni đệ tử đã để yên, bảo tồn trên 300 năm mà bộ hài cốt vẫn tồn tại trong không gian như các pho tượng gỗ vậy!

Một hình thức tịch diệt do tự mình định liệu. Không rõ có bàn tay khoa học tài tình nào can thiệp mà không động đến nội tạng, không cần mai táng vẫn thành công. Thành công đến mức không chỉ nhân dân Việt Nam mà cả nhân loại phải giật mình bởi sự cao siêu khó lường. Và tất nhiên không ít người nghĩ đến chân lý tu hành, ngay ngôi cổ tự cũng lấy sự viên tịch phi thường của hai vị cao tăng mà đặt tên hiệu chùa "Thành Đạo tự".

Ở đây, không cứ các ngày sóc, vọng, lễ tiết trong năm mà ngày thường khách hành hương cũng từng đoàn về với chùa Đậu để lễ Phật, cầu phúc và chiêm ngưỡng hai vị Thần tăng đang ngồi. Ngồi trên ba trăm năm mà không một mối, để chúng khiến việc đạo, việc đời, cũng như sự đổi thay của chùa cảnh.

3.3. Chùa Bà Đanh tỉnh Hà Nam

Chùa Bà Đanh thuộc huyện Kim Bảng tỉnh Hà Nam

cũng là ngôi chùa cổ trong hệ Tứ Pháp Vương Phật. Nhưng ở đây lại thờ Man Nương, tức Phật Mẫu, là người sinh thành ra Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện.

Nằm bên tả ngạn sông Hát, chùa cảnh nơi đây u tịch, bên cạnh có Núi Ngọc và các nhánh núi thuộc hệ thống Bát Cảnh danh sơn, do vậy cảnh quan sơn thủy hữu tình. Du khách về chùa Ba Đình hẳn thấy hài lòng và không còn thấy cảnh "Vắng như chùa Bà Đanh" nữa .

3.4. Chùa Pháp Vân Hà Nội

Chùa Pháp Vân thuộc thủ đô Hà Nội, công trình quy mô, mái cong duyên dáng, như bay như lượn tựa mây trôi. Và ngay tên chùa, mọi người cũng rõ là ngoài thờ Phật với các bộ tượng Tam thế, Di đà Tam tôn, các vị Bồ tát, Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu... còn thờ Thần mây, Pháp Vân vương Phật. Xưa kia mỗi khi hạn hán, hẳn bà con nơi đây thường đến cầu đảo. Các quan lại thời phong kiến cũng cầu cho mưa thuận gió hòa để dân được yên. Ngày nay, Chùa Pháp Vân nằm trong lòng thủ đô Hà Nội, chuyện cầu đảo ít thấy, nhưng việc cầu phúc trong các ngày tuần tiết thì thường thấy. Bà con cũng như khách hành hương về đây lễ Phật, vừa chiêm ngưỡng công trình đang ngày một sửa sang, tôn tạo.

- Một đặc thù nữa của Phật giáo Việt Nam là Thiên phái Trúc Lâm, mà Tổ sư thứ nhất là đức vua Trần Nhân Tông. Một ông vua anh hùng, hai lần dẫn thân vào cuộc chiến tranh tự vệ giải phóng dân tộc thế kỷ XIII.

Giáo phái Trúc Lâm không quá câu nệ về giới luật, lại nhập thế, gần việc đạo việc đời. Nhưng giáo lý vẫn lấy trí tuệ và từ bi để giải thoát cho chúng sinh nên đương thời được đông đảo tín đồ phát nguyện. Và hiện nay còn một số chùa cảnh đáng quan tâm.

3.5. Danh sơn Yên Tử

Yên Tử ở phía Tây thị xã Uông Bí, núi non trùng điệp. Đỉnh cao nhất như vươn hẳn lên giữa vùng núi rừng, có độ cao 1068m.

Xưa kia Đạo sĩ tu tiên An Kỳ Sinh đã có mặt tu luyện và đắc đạo hóa đá trên đỉnh điểm của núi rừng. Rồi Thiền sư Hiện Quang, Thiền sư Đạo Viên hai thầy trò như đuốc sáng giữa rừng Thiền Yên Tử. Thiền sư Đạo Viên học rộng, thông hiểu Tam giáo được sư tổ Hiện Quang ban cho hiệu Trúc Lâm và truyền tâm ấn, trở thành tổ thứ hai dòng thiền Yên Tử.

Khi Trần Thái Tôn lên ngôi, nội bộ có điều gay gắt, Thái Tôn bỏ hoàng thành lên Yên Tử xin quy y. Quốc sư đã khuyên vua:

"Phàm đã làm vua trong thiên hạ, phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, phải lấy tấm lòng của thiên hạ làm tấm lòng của mình..."

Lời khuyên chí tình, thấu lý của Quốc sư đã làm cho Trần Thái Tôn yên tâm, lo việc trị quốc.

Hoàng đế thứ ba nhà Trần (1258 - 1308) sau khi tròn phận sự chấn dân trị quốc, lại quyết tâm bỏ hoàng thành lên Yên Tử tu hành ở độ tuổi 40. Ngài đã nhả ngọc để quy y, chịu nhiều nỗi gian lao khổ cực và đã trở thành đệ nhất tổ sư phái Thiền Trúc Lâm Việt Nam. Một giáo phái Thiền biết gắn đạo và đời, biết đặt quyền lợi non sông lên trên lợi ích cá nhân. Tiếp theo đệ nhất Tổ là Quốc sư Pháp Loa, Huyền Quang đã tỏa sáng hào quang cho đạo Thiền dân tộc.

Chùa cảnh nơi đây bị mai một, nhưng núi rừng, hàng tùng cổ, văn bia, tháp thạch và nhất là bia miệng lưu truyền, khiến người người nô nức lên Yên Tử danh sơn. Và

ngày 3 tháng 11 hàng năm, nhiều nơi trong cả nước đều nhớ đến ngày hóa thân về cõi Niết Bàn của đức Điều Ngự Giác Hoàng hiển Phật, Hoàng Đế, Thượng hoàng Trần Nhân Tôn.

3.6. Chùa Côn Sơn - Hải Dương

Chùa Côn Sơn có hiệu là Côn Sơn tự. Nơi đây cảnh vật, núi đồi, khe suối hòa trộn tạo nên danh lam cổ tích. Du khách về đây không chỉ vui với cảnh, còn được chứng kiến hàng loạt văn bia cổ rất có giá trị nhân văn. Được nghe kể về quan Tư đồ Trần Nguyên Đán là ông ngoại danh nhân kiệt xuất Nguyễn Trãi. Nhưng ở đây, Đệ tam tổ phái Trúc Lâm Huyền Quang đã về tu Thiền, xây dựng tòa Cửu phẩm liên hoa và ngày 23 tháng giêng năm Giáp Tuất (1334) người viên tịch tại Côn Sơn. Trần Minh Tông vô cùng thương tiếc, cấp tiền, vàng xây tháp mộ cho Đệ Tam tổ sư. Và tháp mộ Huyền Quang tôn giả đã được phục hồi đang cùng núi rừng, chùa cảnh làm sống dậy một thời hoàng kim của Phật giáo.

3.7. Chùa Phổ Minh - Nam Định

Chùa Phổ Minh còn gọi chùa Tháp, nằm bên cạnh khu di tích cung điện Thái thượng hoàng nhà Trần. Nơi đây, hàng năm vào dịp tháng 8 tổ chức lễ hội, cuốn hút hàng chục vạn khách hành hương.

Chùa Phổ Minh thờ Phật như mọi chùa, nhưng nơi đây còn thờ Trúc Lâm tam tổ (Đệ nhất tổ Trần Nhân Tôn, đệ nhị Tổ Pháp Loa, đệ tam tổ Huyền Quang). Trong hậu điện còn thờ Nhị vị Vương cô, tức là Khâm Từ hoàng hậu (vợ vua Trần Nhân Tôn) và Thủy Tiên công chúa là vợ Thượng tướng quân Phạm Ngũ Lão. Cả hai Vương cô đều là con gái đẻ và con gái nuôi của Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn.

Điều rất hiếm thấy là chùa Phổ Minh có cây bảo tháp cao 20m. Đây là công trình được xây dựng vào đầu thế kỷ XIV, còn có những viên gạch ghi: Hưng Long thập tam niên (1305) và trên thượng tháp có hộp đựng xá lỵ đức vua Trần Nhân Tôn như văn bia, truyền thuyết đề cập. Nếu vậy, trên mảnh đất quê hương Thiên Trường Nam Định của nhà Trần, chẳng còn giữ được một kỷ niệm của vị vua thứ Ba, một nhà chân tu, là Đệ nhất Tổ sư của quốc giáo Trần Triều sao? Còn lưu lại điều mà người đã tâm nguyện:

Dù ai tranh bá đồ vương,

Trẫm xin gửi lại năm xương chùa này.

3.8. Chùa Hương - Hà Tây

Chùa Hương còn gọi Hương Sơn tự là nơi danh sơn nổi tiếng của Việt Nam. Xưa bà huyện Thanh Quan đã đề thơ:

"Đệ nhất Nam Thiên ấy cảnh này,

Thuyền nan đón khách mái chèo tay.

Hai bên quả núi lồng gương suối,

Bốn mặt hoa ngàn rủ bóng cây..."

Hương Sơn còn nổi tiếng bởi đức độ cũng như sự uy linh của Bà Chúa Ba. Phải chăng ở khía cạnh đại đức, đại từ, đại bi của Bà Chúa Ba, của Phật đã hòa nhập với bản chất con người phương Đông và điều linh dị này cùng với núi sông đã tạo nên một Hương Sơn hấp dẫn.

Hội chùa Hương từ ngày mồng 5 tháng giêng cuốn hút hàng triệu người ở khắp ba miền Trung, Nam, Bắc. Người người đi trải hội đến chùa lễ Phật cầu phúc, cầu tài, nhưng lại là dịp du xuân lý thú. Bởi thế mà các vua chúa, các thi nhân khoa bảng đến lễ Phật thăm chùa, du ngoạn non xanh đã để lại những áng thơ văn đầy trữ tình, xúc cảm.

Chu Mạnh Trinh đã tả một nhạc điệu của Hương Sơn, gắn cả thiên nhiên với đạo một cách khéo léo:

... Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái

Lững lơ khe yến cá nghe kinh...

3.9. Chùa Tây Thiên - Vĩnh Phú

Cảnh quan nơi đây thật thanh u hùng vĩ. Du khách muốn lên "Tây Thiên tự" phải leo núi, lội suối chèo đèo, bẫy cây số. Đoạn đường chèo leo, chênh vênh tưởng ít người lui tới, ai dè ngày nào cũng có khách hành hương.

Tây Thiên tự ở vào đỉnh cao của núi, nên ngoài công trình thờ tự còn có hệ thống bậc đá, phải tốn công sức mới tạo dựng được. Và từng bậc, từng bậc cũng tạo nguồn cảm hứng cho khách hành hương tới cõi Tây Thiên.

Chùa Tây Thiên thờ Phật theo phái Đại thừa, ngoài ra còn thờ Mẫu Thượng Ngàn, thờ vị tướng tử buổi bình minh lịch sử đã có công đánh giặc giữ nước và dựng nước. Do vậy hội chùa Tây Thiên vào mùa Xuân đã thu hút đông đảo khách hành hương. Vừa lễ Phật cầu may, vừa tri ân công đức với người xưa theo bản chất dân tộc.

3.10. Chùa Thầy - Hà Tây

Vui nhất là hội đèn Và

Thứ hai hội Nả thứ ba hội Thầy.

Câu ca dao dân gian của Xứ Đoài khẳng định đời sống văn hóa tâm linh của nhân dân trong vùng.

Chùa Thầy thuộc huyện Quốc Oai là công trình quy mô, tòa ngang dãy dọc thiết kế theo phong cách cổ truyền. Địa thế nơi đây lại có núi đá vôi, hang động nên cảnh quan rất thơ mộng, lại đậm vẻ Thiền.

Ngoài việc thờ Phật thông thường, chùa Thầy còn thờ Thiền sư Từ Đạo Hạnh là một Quốc sư thời Lý, nằm trong

Tam Thánh Việt Nam (Tứ Đạo Hạnh, Không Lộ Thiền sư, Giác Hải Thiền sư). Do vậy, công trình thờ tự được phân làm hai nơi rõ ràng. Phía trước thờ Phật, phía sau thờ Thánh (Tiền Phật, hậu Thánh).

Núi non nơi đây đã tạo các hang động: hang Cắc Cớ (nơi trai gái trẻ hội chèn nhau), hang Thánh hóa... Đây là đặc thù hội chùa Thầy:

"Nhớ ngày mồng 7 tháng 3,

Trở vào hội Láng, trở ra hội Thầy

Hội chùa Thầy có hang Cắc Cớ

Trai chưa vợ nhớ hội chùa Thầy

Gái chưa chồng nhớ hang Cắc Cớ",

Chùa Thầy còn nổi tiếng bởi tượng Thiền sư có cả ba thời kỳ: từ giai đoạn tu hành, đến kiếp sau làm đế vương và chân thân tự tại. Pho tượng tự tại được lắp máy cử động đứng lên, ngồi xuống nên khách hành hương vừa hiểu thân thế của Thiền sư một cách kỹ càng, vừa cảm phục tài nghệ làm tượng pháp của ông cha.

3.11. Chùa Keo - Thái Bình và Chùa Keo - Nam Định

Nguyên xưa từ một ngôi chùa Viên Quang, thuộc hữu ngạn sông Hồng huyện Châu Ninh. Do nạn sông lở 500 năm về trước làm cho diền địa, làng xóm cùng cổ tự Viên Quang bị dòng nước cuốn đi. Dân vùng này phải sang Tả ngạn định cư lập lại làng xóm, đồng thời phục hồi chùa cảnh trên quê hương mới, do vậy mà có chùa Keo Trên thuộc Thái Bình và Keo Dưới thuộc Nam Định.

Chùa Keo Trên, chùa Keo Dưới, đều thờ Quốc sư thời Lý, ông có tên là Nguyễn Chí Thành và hiệu Không Lộ Thiền sư, được người đời rất ngưỡng mộ.

Cả hai chùa đều xây dựng kiểu nội công, ngoại chữ

quốc khiến công trình khép kín, tăng thêm vẻ u tịch của Thiên. Đặc biệt hơn là có hai công trình chữ công (I) khắc tinh vi. Và mỗi công trình có ba tòa hài hòa đẹp mắt. Còn mặt hậu, mặt tiền và hai bên là gác chuông, nhà Tổ, nhà Mẫu, rồi hành lang khiến tổng thể có tới năm, bảy chục gian lớn nhỏ, tạo sự quy mô, đồng thời hoành tráng, giao hòa giữa chùa và thiên nhiên, khiến du khách vào chùa lễ Phật phải bịn rịn trước lúc ra đi.

Hàng năm, các ngày 13, 14, 15 tháng chín, tổ chức lễ hội với nhiều tình tiết thể hiện lòng ngưỡng mộ, cũng như tạo niềm vui như nghe kinh Phật, múa rối, bơi cò cóc, bơi chải... tạo ấn tượng sâu sắc cho mọi người. Do vậy mà dân gian coi đây là ngày hội Ông, là con cháu phải để tâm ghi nhớ!

Dù ai đi đâu ở đâu,

Mười rằm tháng chín chơi trâu cũng về.

Dù ai buôn bán trăm bề

Mười rằm tháng chín nhớ về hội Ông.

3.12. Hội chùa Láng - Hà Nội

Chùa Láng xưa thuộc xã Yên Lãng, huyện Từ Liêm là nơi thờ Từ Đạo Hạnh. Ông là một trong Tam Thánh rất am tường về đạo. Có lần ông cùng Không Lộ thiền sư, Giác Hải thiền sư sang Tây Thiên thỉnh kinh Phật, lại được Phật độ cho pháp thuật nên có tài biến hóa, đi mây về gió... Bởi đức trọng tài cao nên nhiều nơi lập chùa thờ Ông. Nhưng chùa Láng cổ những gắn bó lúc sinh thời nên việc lễ, việc hội nơi đây còn thêm phần ý nghĩa.

Ngoài việc lễ Phật, lễ Thiền sư Từ Đạo Hạnh ở chùa ngày 5 tháng 3, còn rước Thánh lên chùa Nền, thăm lại nơi sinh ra Thánh, rồi ngày hôm sau (6 - 3) rước lên Chùa Tam Huyền thăm nơi thờ phụng thân của Thánh.

Dân gian trong vùng rất kính trọng Thiền sư, thường gọi ông là Thánh Từ và so ông với Thánh Dóng từ trước Công nguyên đánh giặc Ân, nên đã đặt thành ngạn ngữ để mọi người ghi nhớ:

"Nặng ông Từ,

Mưa ông Dóng

Nhớ ngày mồng Bảy tháng Ba,

Trở vào hội Láng lại ra hội Thầy".

(Sử cũ có ghi việc khi Từ Đạo Hạnh sắp trút xác, dặn lại Quốc sư Minh Không: nếu 20 năm sau thấy Quốc vương bị bệnh nặng thì đến chữa giúp. Quả nhiên sau này Thần Tôn Hoàng đế bị bệnh mọc đầy lông khắp mình, các danh y chữa không khỏi, triều đình phải cho quan quân về miền Giao Thủy mời Thiền sư Minh Không về triều, mới chữa khỏi bệnh cho nhà vua... Như vậy, kiếp sau của Từ Đạo Hạnh là vua Lý Thần Tôn).

3.13. Chùa Tượng Sơn - Hà Tĩnh

Ngôi chùa này thuộc xã Sơn Giang huyện Hương Sơn tỉnh Hà Tĩnh. Chùa Tượng Sơn thờ Phật theo phái Đại thừa đã có từ lâu đời. Cuối thế kỷ XVII thân mẫu của danh y Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác phát tâm công đức tu bổ, khiến chùa cảnh khang trang.

Theo bài minh chuông thì cảnh từng lâm nơi đây thâm nghiêm, xung quanh rừng núi ngút ngàn, phía trước có sông Ngân Phố, kẻ qua người lại tấp nập, vui thú đến thăm chùa. Chùa là nơi lễ Phật của nhân dân, đồng thời là nơi Hải Thượng Lãn Ông và sư trụ trì bắt mạch kê đơn chữa bệnh cứu người.

Điều đặc biệt là tượng pháp chùa Tượng Sơn còn lưu lại khá nhiều, lại là các pho tượng đẹp, có niên đại vào thời Hậu Lê.

Đến chùa Tượng Sơn, khách hành hương hẳn vui với cảnh quan thiên nhiên, thỏa chí chiêm bái tượng Phật, tượng chư vị Bồ Tát, đồng thời được hiểu về vị danh y lúc đương thời đã sống trên quê ngoại Hà Tĩnh ra sao? Hiểu lòng mộ đạo của bậc thầy thuốc cao minh đối với Phật thế nào? Và đức độ của người thầy thuốc như mẹ hiền, tấm gương sáng cho đời học tập.

3.14. Chùa Giác Lâm - thành phố Hồ Chí Minh

Chùa Giác Lâm phường 10, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh được xây dựng vào giữa thế kỷ XVIII, cuối thế kỷ XVIII được mở mang rộng lớn, đẹp đẽ và đây là tổ đình của phái Lâm Tế.

Chùa kiến trúc theo kiểu chữ tam mang đặc thù phong cách Nam Bộ.

Hệ thống tượng tượng pháp lại có đầy đủ các bộ Tam thế, Di đà Tam tôn, rồi Phật Di Lạc, Thích Ca sơ sinh, Chư vị Bồ Tát, La Hán, Thập Điện... không khác tượng pháp bài trí ở chùa miền Bắc. Điều này chứng minh Phật giáo Việt Nam giữa hai miền Nam Bắc đã có sự hòa trộn không còn tách bạch Đại thừa, Tiểu thừa như trước nữa.

Song chùa Giác Lâm do phái Thiền Lâm Tế và dòng đạo "Bổn ngữn" nên ở nhà Tổ, có thờ tượng tổ, hay bài vị giáo phái mang tính riêng của dòng đạo.

Thăm chùa Giác Lâm còn được chứng kiến các mảng chạm khắc nghệ thuật, cùng với các mảng phù điêu, tượng cổ có sự sáng tạo gia công theo nghề nghiệp truyền thống, làm cho bản tự tọa lạc trên mảnh đất thành phố ngày ngày đổi mới, lại tăng thêm ý nghĩa bản sắc dân tộc.

3.15. Chùa Khơ me (Khmer) ở Minh Hải

Đồng bào Khơ me ở Minh Hải thờ Phật theo phái Tiểu Thừa. Nhưng công trình kiến trúc do đúc kết từ nhiều dòng

chảy văn hóa cùng bàn tay khéo léo, óc sáng tạo của các nghệ nhân Khơ me nên khá tiêu biểu.

Chùa là biểu tượng thiêng liêng, khắc sâu trong tâm trí của cộng đồng, nên họ dồn hết tài lực, trí lực cho ngôi chùa. Người dân Khơ me lại chú ý bảo vệ các công trình thờ Phật nên còn tồn tại được những ngôi chùa có niên đại thế kỷ XVI. Đó là chùa Sê-rây-pô-thi-măng-kol ở thị trấn Hòa Bình huyện Vĩnh Lợi, chùa Buf-fa-ram ở xã Hưng Hội huyện Vĩnh Lợi....

Dù là cổ tự, hay mới xây dựng dăm ba chục năm gần đây, chùa Khơ me vẫn được chú trọng về điêu khắc về hội họa, trang trí một cách tài tình và cẩn trọng. Nói khác đi là sự tổng hợp nghệ thuật tạo hình, kiến trúc, điêu khắc một cách hài hòa rất độc đáo. Và đây là thành tựu của văn hóa vật chất, do ý thức dân tộc cùng lòng mộ đạo mà thành.

*

* *

Đất nước ta có địa hình núi non hiểm trở, lại có sông, biển hài hòa. Từ cảnh trí thiên nhiên đã tạo ra nhiều hang động kỳ tú. Một số cảnh trí đã trở thành những mái chùa thiên tạo như chùa Dịch Lộng, chùa Bàn Long... đóng góp cùng các danh sơn cổ tích làm cho giang sơn Việt Nam trở nên gấm vóc, tươi đẹp.

4. Lễ tại đình

Thành Hoàng làng là vị Thần ngự trị trong lòng dân từ nhiều thế kỷ nay và làng nào chẳng có đình thờ Thành Hoàng. Từ cõi tục cuộc sống đầy gian lao vất vả, lại gặp

muôn vàn khó khăn bởi tại trời, vạ người, khiến người dân chỉ biết trông cậy vào sự âm phù của siêu nhiên và nhất là vị Thần mệnh danh là Thành Hoàng làng (bảo vệ cho làng). Chính vậy nên việc thờ Thành Hoàng làng trở thành lệ tục của mọi cư dân trong Nam, ngoài Bắc. Của các vùng quê cùu hay các miền quê mới khai hoang lấn biển, cải tạo rừng hoang. Và việc tế lễ Xuân Thu vẫn được cộng đồng tâm niệm thờ cúng, cũng như mở hội làng thể hiện sự thành tâm của cộng đồng đối với Thần, Thánh, đồng thời là cơ hội gặp mặt bà con họ hàng, do vậy mái đình và con người có sự gắn bó:

Qua đình ngả nón trông đình,

Đình bao nhiêu ngói thương mình bấy nhiêu.

Nhưng đình còn là nơi dừng chân của vua quan cũng như thứ dân:

Trường đình mười dặm liễu xanh rì,

Hương ẩm đài lan để mấy khi..."

(thơ Phan Mạnh Danh)

Ở Trung Quốc, những quãng đường gần đô thị, người ta thường trồng liễu hai bên. Cách 5 dặm dựng một ngôi đình nhỏ gọi là "đoản đình", cách 10 dặm dựng một ngôi đình lớn gọi là "trường đình".

Ở Việt Nam cũng dựng đình để các vua chúa "vi hành" dừng chân, nên đại tự tại đình thường ghi: "Thánh cung vạn tuế". Đình còn là nơi dùng để hội họp (việc làng), nơi đón tiếp quan trên, nơi tập trung đóng góp sưu thuế, hay hội hè các tiết Xuân Thu... Nhưng sau này người ta còn thờ Thành Hoàng làng, thờ Thần, thờ cả Mẫu ở đình, thành ra ngôi đình ngoài ý nghĩa trung tâm sinh hoạt chính trị - xã hội - văn hóa, còn là nơi gắn với đời sống tâm linh của cộng đồng làng xã. Nhưng phần lớn đình làng là nơi thờ chung,

mang tính hội đồng, công đồng. Nghĩa là trong xã có các đền thờ một số vị Thần thì các vị Thần ở các đền lẻ tẻ đó, được mời về thờ chung tại đình. Do vậy ở đình thường thờ Thần bằng duệ hiệu, bát hương đặt trước ngai, hay khám thờ. Sau này một số đình đã tạc tượng thờ cho thêm phần trang trọng.

Đình vốn là nơi thờ Thành Hoàng làng. Chữ "thành" ở đây là thành lũy, "hoàng" là con hào bên trong (trong hào ngoài lũy bảo vệ cho làng). Vậy Thành Hoàng làng là phúc Thần của làng, giáng phúc, gia ân cho cộng đồng, lại ngăn ngừa tai họa cho làng. Nhưng ai phạm lệ làng cũng sẽ bị Thần trừng phạt. Và vì là nơi thờ công đồng nên đình có thể thờ một vị, hoặc năm, bảy vị.

Những ngôi đình cổ thường kiến trúc kiểu mái cong, bốn mái. Công trình khá đồ sộ, hoặc năm, bảy gian, có khi chín gian. Trong đình còn có hệ thống sàn cầu ở các gian bên giáp hồi để quan chức, kỳ hào, bộ lão và đình các giáp ngồi dự việc làng, hay ăn cỗ nhất, cỗ nhì trong các dịp yến lão, tế Thần...

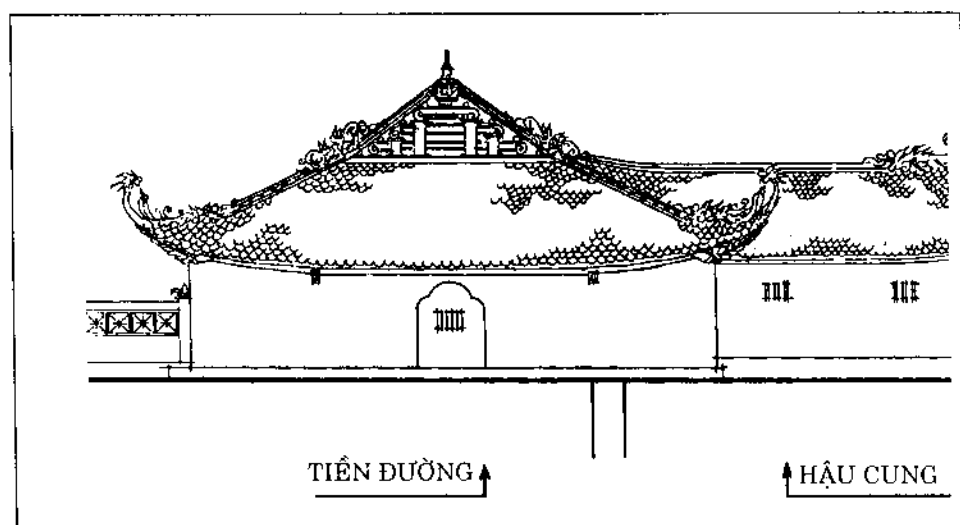
Xưa kia ngôi đình chỉ có một tòa để trống cho gió lùa, không xây tường bao quanh. Sau do yêu cầu thờ Thành Hoàng làng nên xây kín xung quanh cho phải phép.

Gian giữa tòa tiền đường (có nơi gọi đại bái) có một hương án bày biện bát hương, nến thờ, đại tự, câu đối... Đây là ban công đồng và là nơi cúng lễ chính, còn cung trong được gọi là chính cung, chính tẩm hay hậu cung là nơi đặt tượng Thần hoặc long ngai, long bài để duệ hiệu Thần. Cung này ít khi vào ra, khách hành hương có thể vào chiêm hương, vái lạy, nhưng không kéo dài thời gian, không thể kéo đông người vào gây ồn ào, làm giảm sự thâm nghiêm nơi Thần ngự.

Trước đây, ngay cụ từ trông nom hương khói cũng

không được tự tiện vào ra. Mỗi khi vào đèn nhang phải khăn áo chỉnh tề, phải dùng khăn bịt miệng để tránh sự ướ tập. Ngày nay, không phải cầu nệ như vậy, nhưng ai có việc vào kêu cầu cũng phải chỉnh tề, bỏ guốc dép bên ngoài thể hiện sự kính cẩn trong việc lễ.

Dưới đây là bản vẽ cấu trúc tiền đường và hậu cung của một ngôi đình cổ:



Theo sách *Việt điện u linh* cùng sách *Di tích lịch sử - Văn hóa Việt Nam* (nhiều tác giả) khi nói đến Thần Long Đỗ có ghi... "Khi Lý Thái Tổ rời đô về Thăng Long, cho tu sửa thành Đại La, nhưng công việc trầy trật mãi không xong. Vua sai người cầu đảo... Vua xuống chiếu cho dân Thành Thăng Long thờ vị Thần ấy làm Thành Hoàng, phong là Quảng Lợi Bạch mã tối linh Thượng đẳng Thần".

Ở Nam Bộ thì sách *Gia Định thành thông chí* có ghi: "... mỗi làng dựng một ngôi đình, kỳ tế phải lựa ngày tốt... sự tế có chủ ý, đều gọi là cầu an".

Đình Nam Bộ thờ cả dương thần, âm thần. Đơn cử sắc phong ở đình Hàng Thạnh, nay là xã Long Định, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre: "Sắc Đại Càn quốc gia Nam Hải tứ vị Tôn thần, trước đã được tặng Hàm hoàng có đức lớn, sáng sủa rõ ràng, được phong Tứ vị thần thượng đẳng, cứu nước giúp dân có nhiều điều linh ứng, nay ban cấp sắc phong tiếp tục phụng thờ...".

Như vậy là miền Nam, miền Bắc đều có tục thờ Thành Hoàng và không phải thờ một vị mà thờ tới ba, bốn, năm, bảy vị...

Trong năm, các ngày tuần tiết, các cụ ông thường ra đình làm lễ, hoặc làm phạn sự mà làng giao phó. Ngày nay không còn quan điểm phong kiến: "trọng nam khinh nữ" nên các bà, các chị đều được lên đình lễ Thánh. Do vậy ngôi đình trở thành trung tâm tín ngưỡng của toàn dân.

Nếu số lượng Thần, Thánh thờ tại đình có nhiều thì các bậc chức sắc, cao niên sẽ căn cứ trên danh vọng, đức độ của Thần để suy tôn xem ai là Thánh Cả, Thánh Hai, Thánh Ba để chọn ngày vào đám... Do vậy, mà làng chỉ phải tổ chức một hoặc hai đợt hội làng. Chứ nếu dựa vào các ngày sinh, hóa của Thần, Thánh để mở hội thì sẽ rất vất vả.

Việc mở hội làng, dân gian thường gọi "Vào đám", đều phải chuẩn bị rất chu đáo. Làng phải phân công các giáp, các đình chuẩn bị thịt, gạo, cau, gà... sao cho lợn béo, gà đẹp, gạo ngon để làm lễ.

Các trò chơi, hội tế, hội cờ, phu kiệu phải được chỉ định, chọn người sao cho đạt tiêu chuẩn về phúc, lộc, thọ mà làng đề ra và khi vào việc phải chay tịnh, sạch sẽ...

Lễ vật như trâu, lợn, bánh dầy... mà làng phân cho các giáp, đều có chấm giải, nên giáp phải đầu tư vật chất, giám sát việc chăn nuôi lợn, gà hoặc cấy lúa lễ... sao cho hợp vệ

sinh, trọng lượng, chất lượng tốt để cố đưa phần thắng về cho giáp.

Việc tế lễ là hệ trọng nên ai được vào đội tế thì phải lo tập dượt chu đáo, nếu khi vào việc mắc sai sót sẽ bị phạt...

Trên đây là chức phận của làng. Còn đối với các hộ hoặc cá nhân thì việc sắm lễ, cũng như cầu cúng sẽ được tùy nghi. Tất nhiên phải có sự giúp đỡ của ban quản lý hay cụ từ, để việc dâng lễ, có thể khấn cầu hộ (nếu gia chủ yêu cầu) được thấu đáo hơn.

Xin đơn cử bài văn khấn tại đình Ngọc Động thuộc xã Hoàng Đông huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam để độc giả tham khảo. Đây là ngôi đình thờ Trần Quốc đại vương, có công giúp Phù Đổng Thiên vương đánh giặc Ân. Thờ tướng Hai Bà Trưng là Sơn Tinh công chúa và phu nhân của Thượng tướng quân Phạm Ngũ Lão thời Trần.

Văn tế Thành Hoàng ở đình

Duy Việt Nam quốc... tỉnh... huyện... xã... thôn

Tuế thứ... niên... nguyệt... nhật

Hội chủ... Kỳ lão... cập thôn nội đại tiểu viễn cận, đồng gia quyến đẳng.

Cẩn dĩ phù lưu thanh chúc, ... đẳng vật tựu tại từ tiền. Cảm chiêu cốc vu:

- Hùng triều công thần, tế thế an dân, Trần Quốc đại vương Tôn thần vị tiền.

- Trưng triều công thần, bảo quốc hộ dân, trừ tai hãn hoạn, Sơn Tinh công chúa Tôn thần vị tiền.

- Trần triều Điện suý phu nhân, cứu dân lợi vật, tế khốn phò nguy, Thủy Tinh công chúa Tôn thần vị tiền.

- Kính cập tiên triều, khai cương lập ấp, giáo dân

di phúc, thịnh đức đại công, liệt vị chư tộc Tổ tiên thân vị tiền.

Cung duy liệt tôn, nãi văn nãi vũ, thị Thánh thị Thần. Trục Bắc khấu dĩ an bang, công đức trường lưu thanh sử tại.

Tảo Nam phương chư nghịch đẳng huân danh vĩnh tại cố hương dân

Hùng triều dĩ chân phương danh,

Động xứ hựu lưu từ sở

Trừ Hán tặc thiên phương công mộc ân ba,

Chiêu xã dân nhất xứ quân mông giáo dưỡng,

Chí Trần đại vị nghĩa tráng đình tông thảo tặc.

Kính suy tướng đồng dân tạo lập miếu (đình) tri ân

Tam vị anh linh thế thế tự tiền mông đức trạch,

Tứ thời hương hỏa nhân dân tông cố hữu linh từ.

Tư nhân tiên tộ ly nhật lai lâm.

Tuy nhiên lễ vi thực tại tâm trung thâm vọng trọng,

Chỉ hữu thành ý, cung kỳ tông thủ đắc khang ninh.

Mãi mai hanh thông, nhân tài hoạnh phát

Canh nông đắc vận, hòa cốc phong thu

Lão giả khang, thiếu giả vượng niên niên hạnh lại khuông phù.

Vãng giả cát cư giả an tuế tuế đồng tư hộ hựu

Thực lại liệt vị Thánh Thần khuông phù chi lực đã

Dĩ văn cần cốc!

Dịch nghĩa:

Duy thôn... xã... huyện... tỉnh... nước Việt Nam

Tuế thứ (Ất Ty) niên... nguyệt... nhật

Hội chủ là... kỳ lão là... và các gia quyến trong thôn gần xa lớn nhỏ.

Kính đem rượu tốt trâu thơm... các thứ dâng trước ngôi cao, mào muội kính lạy:

- Công thần triều Hùng, cứu đời yên dân Trần Quốc đại vương Tôn thần vị tiên.

- Trung triều công thần, giữ nước giúp dân, ngăn họa trừ tai Sơn Tinh công chúa Tôn thần vị tiên.

- Trần triều Điện súy phu nhân, cứu dân lợi vật, giải khốn trừ nguy Thủy tinh công chúa Tôn thần vị tiên.

Và kính mời các vị triều trước mở mang bờ cõi, khai dựng làng thôn, dạy dân để phúc, đức lớn công to, chư vị Tổ tiên các họ Thần vị tiên.

Lại kính mời các ngôi Tôn thần bản thổ, quan liêu bộ chúng trong đình.

Kính trông chư vị Tôn thần:

Tài gồm văn, võ, kiêm cả Thánh thần

Đuổi giặc Bắc để yên nhà, công đức dài lâu ghi sử đỏ.

Trừ giặc Nam cướp phá, danh thơm còn mãi với dân thôn.

Triều Hùng đã nổi tiếng thơm,

Xứ Động Linh còn lưu đến sở.

Dẹp giặc Hán, nơi nơi tắm gội sóng ân,

Chiêu dân mở xã một vùng nhờ công dạy dỗ.

Đến thời Trần, vì nghĩa trai làng đi dẹp giặc

Trọng tướng tài, dân thôn lập miếu phụng thờ.

Ba vị thiêng liêng, sau trước vẫn ơn nhờ phù hộ,

Bốn mùa hương khói, người người theo cũ kính cần đều thiêng.

Nay theo tiền lệ,
Ngày kỵ đến kỳ (hoặc ngày khánh hạ, ngày sinh...)
Tuy nhiên lễ bạc, nhưng mọi người nhất dạ tâm thành
Ý nguyện thật tình cầu cho sự bình yên vô sự.
Buôn bán hanh thông, cửa, người tươi tốt,
Cây cây gặp vận, thóc lúa đầy kho.
Già khỏe vui, trẻ thịnh vượng năm năm nhờ sự chở che,
Đi gặp may, ở yên hàn mãi mãi nhờ công giúp đỡ.
Muôn trông sức lực phò giúp của chư vị Thánh - Thần
vậy!

Kính cẩn dâng lời!

- Những lễ tiết trong năm như tết Nguyên đán, rằm tháng Giêng, Tết Đoan Ngọ, Tết Trung Nguyên, rằm tháng Tám, Lễ Trùng Thập (10-10)... làng thường tổ chức lễ tại đình. Trong các ngày này, ai có lòng đều có thể sửa lễ Thành Hoàng.

Một số người có việc đột xuất cần kêu cầu Thành Hoàng gia ân, đều có thể sửa lễ tại đình.

Vậy khi đến lễ tại đình phải theo trình tự ban nào trước ban nào sau?

Trước hết lễ vật phải được bày trên khay, trên đĩa và khi dâng lễ thì phải dâng từ chính cung ra ban công đồng và các ban tả hữu (vì Thành Hoàng ngự tại chính cung). Dâng lễ xong thì dâng hương, cũng theo thứ tự từ trong ra ngoài và số nén hương cũng thấp theo số lễ 1, 3 hay 5 nén. Trước khi lễ thường có thỉnh ba hồi chuông. Nhưng nếu vì khách lễ đông thì không phải cầu nệ việc thỉnh chuông. Lễ Thần, Thánh thường vái 4 vái rồi mới kêu cầu bằng miệng, hoặc bằng số vắn.

Khi khấn tấu xong thì đợi cháy gần hết tuần nhang mới hạ lễ. Nếu có tiền, vàng sẽ vái xin đem ra nơi quy định để hóa và hóa theo từng lễ, không nên để gộp vào rồi ấn vào lò hóa.

Sau khi hóa vàng sẽ hạ lễ và nên biếu lộc cho cụ từ đình. Đây cũng là hình thức tán lộc, vừa theo phép lịch sự.

Dưới đây là bài văn khấn thông thường có thể dùng ở đình hoặc đền, miếu, phủ.

Văn khấn chung

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hôm nay là ngày... tháng... năm...

Tín chủ chúng con là... (vợ hay chồng)...

Cùng nam tử... nữ tử...

Hiện ở tại: thôn... xã (phường)... huyện (thị)... thành phố... tỉnh...

Nhân ngày... tín chủ thành tâm, xin dâng lễ bạc trước ban thờ chư vị:

Kính lạy đức... (đọc duệ hiệu các vị)

Mong chư vị nhất sự nhất xá, vạn sự cho qua.

Chấp lễ chấp bái, chấp kêu chấp cầu

Rộng lượng gia ân, cho gia quyến tín chủ:

Đầu năm chí giữa, nửa năm chí cuối

Điều lành đem đến, việc dữ bay đi

Cầu tài được tài, cầu lộc đắc lộc

Vạn sự hanh thông, nhân khang vật thịnh.

Cho tín chủ chúng con được sang bằng người, tươi bằng bạn.

Cho gia quyến chúng con sở cầu đắc nguyện.

Cúi trông sự âm phù của Thần vậy!

Cẩn cốc.

- Trong các ngày đại lễ, tại đình thường có tế lễ. Việc tế phải trang nghiêm, đúng luật. Xưa có quy định các "ván" tế theo nghi thức cửu khúc, lục khúc hay tam hôn. Thực hiện các "ván" tế thì phải mất nhiều thời gian luyện tập mới có thể đúng luật tế.

Hiện nay việc tế Thần đã phục hồi, nhưng cũng bớt đi những phần công kênh để dễ thực thi. Xin được khái quát nghi thức tế Thần như sau:

Bài trí việc tế và cách tế.

Trước tiên phải chuẩn bị một hương án làm ban lễ công đồng, kê ở gian giữa tiền đường. Nếu chật có thể kê ngoài hiên hoặc ngoài sân nhưng phải ở chính diện. Trên hương án đặt bát hương lớn, bộ tam sự, đài rượu, chén thờ, bằng chúc văn.

Hai bên thường kê quán tẩy, đẳng tế (trên đặt các bộ mịch, đài thờ, nến thờ...)

Thường trải ba cái chiếu:

- Chiếu trên là chỗ dâng rượu và đọc chúc.
- Chiếu giữa là nơi ẩm phúc (hưởng lộc của thần như trâu, rượu)
- Chiếu dưới là nơi mới tới lạy, đứng, trở lại vị trí.

Bồi tế thì sắp hàng hai bên phía sau.

Sau khi đèn hương tình tươm, cho đánh 3 hồi trống, người xướng tế đứng ở phía Đông (Đông xướng) xướng:

- Khởi chinh cổ!

Chấp sự đi vào nổi 3 hồi 3 tiếng chiêng, trống.

- Nhạc sinh tựu vị!

Nhạc lưu thủy nổi lên.

- Cử soát tế vật: Xem xét đồ tế lễ, chấp sự và một người cầm đèn (hoặc nến) theo tế quan vào cung trong xem xét lễ vật (vào bên phải, ra bên trái).

- Ế mao huyết! Nếu giết trâu, bò, lợn, dê thì một người lấy đĩa đựng một ít lông và ít máu đem ra ngoài chôn.

- Chấp sự giả các tư kỳ sự! Các vị chấp sự được phân công việc gì thì vào việc ấy.

- Tế quan dữ chấp sự các nghệ quán tẩy sở!

Tế quan cùng chấp sự đến quán tẩy rửa tay

- Quán tẩy thuế cân! Lấy khăn tay nơi quán tẩy lau tay.

- Bồi tế quan tựu vị! Bồi tế đứng vào hàng chiếu quy định.

- Tế quan tựu vị! Chủ tế vào chiếu tế

- Thượng hương! Chấp sự mang hương đưa cho chủ tế. Chủ tế cầm hương vái, rồi lại đưa cho chấp sự cắm lên bát hương .

(Nếu dùng lò trầm thì phải lót tay vái xong đặt lên hương án).

- Nghinh thần cúc cung bái! Tế chủ và bồi tế đứng lên, lùi xuống một chút, rồi cùng sụp lạy (lạy luôn 4 lạy)

- Hưng! Lạy xong đứng cả dậy

- Bình thân! Trở về vị trí cũ đứng cho nghiêm.

- Hành số hiến lễ! Chuẩn bị lễ lần đầu (dâng rượu)

- Nghệ tửu tôn sở, tư tôn giả cử mịch!

Tế quan đi ra chỗ để rượu, chấp sự mở miếng vải đỏ phủ mịch ra, trên mịch để chén (3 chiếc)

- Chúc tửu! rót rượu

- Nghệ đại vương tiên quy!

Tế chủ ở chiếu trên đến gần bàn quỳ xuống, các vị sau cũng tiếp tục quỳ theo.

- Tiến tước! Một chấp sự dâng đài rượu cho chủ tế. Chủ tế nâng đài rượu vái rồi đưa trả lại cho chấp sự.

- Hiến tước! Chấp sự nâng đài rượu cao (ngang tầm mắt) đi vào nội điện, đặt rượu nơi ban chính điện rồi trở ra (có tài liệu nói cả chủ tế cùng vào)

- Phủ phục, hưng, bình thân!

Tất cả về vị trí cũ phủ phục rồi đứng lên.

- Phục vị! trở về vị trí cũ.

- Đọc chúc! Hai chấp sự vào trong cung đưa bản văn ra, rồi cùng tế chủ lên chiếu trên.

- Giai quy! Tất cả mọi người theo chủ tế đều quỳ.

- Chuyển chúc! người cầm chúc đưa cho chủ tế, chủ tế bưng chúc vái một vái rồi đưa cho người đọc chúc.

- Đọc chúc! Người thông thạo, có giọng hay đọc chúc văn.

- Phủ phục, hưng, bái! đọc xong, tế chủ và hai người đều lạy hai lạy.

- Hưng, bình thân, phục vị! đứng lên, về vị trí cũ

+ Hành Á hiến lễ! Làm lễ dâng thần lần hai cũng như thủ tục sơ hiến lễ.

+ Hành chung hiến lễ! làm lễ lần thứ ba (thủ tục như Á hiến lễ)

- Ấm phúc! Chấp sự (hai người) vào trong đưa chút lộc ra (gồm rượu và trâu)

- Nghệ ẩm phục vị! Chủ tế bưng lấy chén rượu, vái, lấy tay che miệng, uống một hơi cho hết.
- Thụ tội! Chủ tế cầm khay trầu vái, rồi ăn một miếng sau đó vái hai vái rồi lui ra chiếu ngoài, lại đưa trầu cho mọi người cùng ăn tại chỗ. Ăn xong nhổ vào ống nhổ nước trầu.
- Phủ phục, hưng, bái! xong sụp lạy, đứng lên, lại sụp lạy... hai lạy.
- Hưng, bình thân, phục vị! Đứng lên, về vị trí cũ.
- Phần chúc! Chúc nhân cử người đem chúc ra ngoài hóa. Cũng có nơi hóa tại chỗ (hóa trên tay).
- Lễ tất! Tế xong. Trong khi tế, nhạc sinh đều cử và điểm chiêng, trống cho thêm phần trang trọng.

Khi hô lễ tất, thì khách hành hương, dân làng tiếp tục vào dâng lễ, vái tùy nghi.

Trên đây là nghi thức tế thần đơn giản, song cũng phải tập sao cho thống nhất cách đi, cũng như động tác phục quy, hưng, bái.

Riêng nội dung bản chúc văn, ngoài việc sở nguyện cầu Thần của nhân dân, có nơi còn tán dương công đức của Thần, Thánh. Cũng có nơi nhân buổi tế này người ta còn đan xen hát ca ngợi công đức bằng các làn điệu hát của đình, hát chầu văn... Và nếu phần tế có thêm các khúc hát của đình chắc sẽ tăng thêm ý nghĩa và trở thành một sinh hoạt văn hóa sinh động.

5. Lễ tại đền, miếu, phủ

a. *Khái quát về đền, miếu.* Hai loại công trình này khác nhau. Đền thờ Thần, Thánh (kể cả Thánh mẫu) của một cộng đồng dân cư một vùng, một xã, thôn nào đó. Các vị Thần, Thánh được thờ tại đền phần đa là anh hùng có công

với nước, với dân trong việc chống ngoại xâm khai hoang lập ấp. Các vị thần siêu nhiên, Thần mây, mưa, sấm, chớp làm cho thuận trời, đất, mưa thuận gió hòa để việc trồng cấy, cũng như vạn vật sinh tồn... Còn miếu thường thì nhỏ bé thờ các vị thổ thần của từng ngõ xóm, Thần cây đa, cây đề nào đó... nhưng lại có miếu rất to lớn, thờ Thánh, thờ Vua, thờ Thần y... như miếu Trần ở Nam Định, Văn Miếu Quốc tử giám, Y miếu ở Hà Nội, Cổ miếu ở Bạc Liêu... Lại các Thái miếu thờ các vị Hoàng đế mà sử sách đã đề cập. Do vậy đền và miếu cũng chỉ phân biệt một cách tương đối, chứ không thể tách bạch cặn kẽ được.

Hãy đối chiếu một số đền miếu ở các tỉnh như đền Quan Thánh Hà Nội, đền Kiếp Bạc Hải Dương, Văn Miếu Hà Nội, Trần miếu còn gọi đền Trần - Nam Định... để thấy tính quy mô của kiến trúc, cách bố cục công trình trên địa hình theo thuyết phong thủy. Rồi tòa ngang dãy dọc, sân nội sân ngoại, cùng với cảnh quan tạo sự thâm nghiêm, phù hợp với thuyết âm - dương ngũ hành mới thấy được ý tứ của người xưa đối với đền, miếu là nơi thờ Thánh, Thần như thế nào? Quan niệm dân gian coi Thánh, Thần là bậc cao siêu có sức lực phi phàm tối linh như thế nào? Và Thánh, Thần, Thánh mẫu... được tôn vinh là thượng, trung hoặc tôn thần nhưng đều đóng vai trò như Thành Hoàng làng sẵn sàng che chở, âm phù cho cộng đồng bình an, thịnh vượng, nên đền, miếu thường là nơi mà các ngày tuần tiết, sóc vọng, dân làng, khách hành hương hay sắm lễ, dâng hương tưởng niệm truy tư công đức, hoặc cầu cúng mong sự gia âm, âm phù của Thánh, Thần cho gia quyến làm ăn thuận lợi, mọi sự tốt lành.

Dưới đây xin đơn cử một công trình là Trần Miếu, lại được gọi là Đền Trần ở Nam Định để khách hành hương tham khảo.

Qua đây để khi đến hành hương sẽ bớt sự ngỡ ngàng khi làm lễ dâng hương.

Nhìn chung đền có nhiều tòa, nói cách khác là nhiều cung hơn đình. Nhưng tòa trong cùng (còn gọi hậu cung) được giành để thờ vị thần chủ thể, hoặc cả vị thần chủ thể và gia quyến của thần.

Tòa đệ nhị (phía ngoài hậu cung) thường cũng thờ vị Thần chủ thể đó (có thể là tượng hay long bài), còn hai bên (hai gian bên cạnh) thờ các tướng văn, tướng võ giúp cho Thần lúc sinh thời đánh giặc, hoặc khai khẩn. ..

Bên ngoài tòa đệ nhị là tiền đường (còn gọi đại bái), là nơi đặt ban công đồng và là chỗ lễ thường nhật, hoặc chỗ lễ đầu tiên có tính chất trình, trước khi vào các cung đệ nhị, hậu cung (chính tẩm).

Các tòa giải vũ hai bên, tạo cho công trình có sự khép kín, tôn nghiêm vừa là nơi ông từ ở, khách lễ nghỉ, hoặc là nơi lo công việc tế lễ của làng.

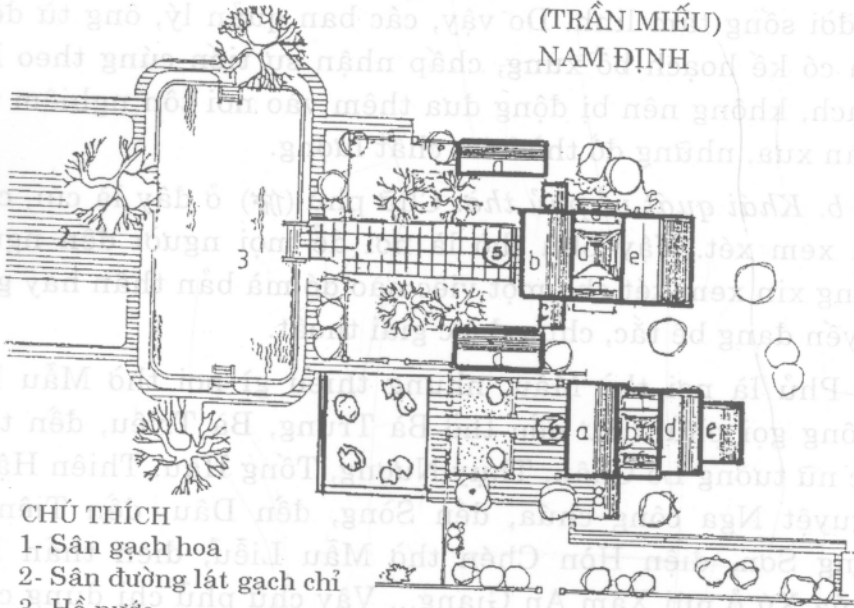
Ngoài sân có hệ thống cột đồng trụ, cột hoa biểu tượng trưng sự vươn lên của mảnh đất, con người, đồng thời là những trang trí gợi sự uy nghi. Phía ngoài còn có hồ nước khiến tổng thể cảnh quan hài hòa đẹp mắt, lại là tình tiết không thể thiếu của thuyết phong thủy "Sa hoàn thủy nhiều".

Sơ bộ đôi điều để mọi người hình dung khi đến hành hương. Nhưng không phải đến, miếu nào cũng bài trí như vậy nên khi đến, ít nhiều cũng phải tìm hiểu lịch sử, các ban thờ để tiện việc dâng lễ.

MẶT BẰNG TỔNG THỂ KHU ĐỀN TRẦN

(TRẦN MIẾU)

NAM ĐỊNH



CHÚ THÍCH

- 1- Sân gạch hoa
- 2- Sân đường lát gạch chỉ
- 3- Hồ nước

5. Đền Thiên Trường

- a- Tả hữu vu ngoại
- b- Đại bái
- c- Tả hữu ống múống
- d- Thiêu hương
- đ- Tả hữu vu nội
- e- Hậu cung

6. Đền Cổ Trạch

- a- Đại bái
- b- Thiêu hương
- c- Tả hữu vu
- d- Đệ II cung
- e- Hậu cung

Hiện nay, do lòng sùng bái của nhân dân, các đền, miếu được bổ xung thêm câu đối, đại tự, rồi các đồ thờ, tượng pháp. Những chỗ thiếu thì rất tốt, song những nơi không thiếu lại hóa dư thừa. Nhưng do lòng thành kính dâng nên phải sắp xếp bổ xung những đồ thờ mới làm, mới

mua chỉ hào nhoáng chứ thiếu tính nghệ thuật, làm ảnh hưởng tới giá trị của công trình, của di sản văn hóa và của cả đời sống tâm linh. Do vậy, các ban quản lý, ông từ đến cần có kế hoạch bổ xung, chấp nhận sự tiến cúng theo kế hoạch, không nên bị động đưa thêm vào nơi tôn nghiêm từ ngàn xưa, những đồ thờ kém chất lượng.

b. Khái quát về phủ thờ: Chũ phủ (府) ở đây là cúi, cúi xin xem xét. Vậy phủ thờ là nơi để mọi người đến ngửa trông xin xem xét cho một việc nào đó mà bản thân hay gia quyến đang bế tắc, chưa được giải thoát.

Phủ là nơi thờ Mẫu, nhưng thiếu gì nơi thờ Mẫu lại không gọi phủ, như đền thờ Bà Trưng, Bà Triệu, đền thờ các nữ tướng Lê Chân, Thụy Nương, Tống Hậu, Thiên Hậu, Nguyệt Nga công chúa, đền Sòng, đền Dâu, đền Tiên ở Lạng Sơn, điện Hòn Chén thờ Mẫu Liễu, điện thần Bà Chúa Xứ ở núi Xam An Giang... Vậy chữ phủ chỉ dùng cho những nơi như phủ Dây, phủ Tây Hồ, phủ Nấp, phủ Đồi và một số nơi khác rất đậm nét về Mẫu Liễu sao? Không hẳn như vậy!

Nhưng nói đến phủ, tất phải nghĩ về tín ngưỡng thờ Mẫu, đây là đặc thù rất bản địa, ăn sâu vào lòng người, do vậy mà các cửa phủ lớn như phủ Tiên Hương, phủ Vân Cát, phủ Tây Hồ... mỗi ngày khách hành hương một đông. Năm bảy ban lễ, rồi hàng chục ban lễ mà vẫn thiếu chỗ, khách vẫn phải chen lấn, đứng vòng trong vòng ngoài khấn vái, hoặc chứng kiến các giá đồng mang tính vũ đạo nghệ thuật. Và cũng chính vì nhu cầu của khách hành hương nên các cửa phủ phải bài trí nhiều ban, xây dựng tòa chính, tòa phụ mà vẫn chật chội.

Thiết kế phủ thờ thường có 4 tòa, làm theo lối "Trùng thiềm" Tức là các tòa song song với nhau. Tòa còn gọi là cung và cung đệ tứ ở ngoài cùng to lớn (như tiền đường của

đền), rồi đến các cung đệ tam, đệ nhị, đệ nhất (nhỏ dần, nhưng cao dần).

- *Cung đệ nhất* còn gọi hậu cung, là nơi thâm nghiêm, đây là ban thờ Tam tòa Thánh Mẫu, mà Mẫu Liễu Hạnh là đệ I Thánh Mẫu, mặc áo đỏ, trùm khăn đỏ ngồi chính giữa ở vị trí trang trọng nhất, là Mẫu chủ thể của tín ngưỡng Mẫu bản địa.

Hai bên mẫu đệ I là mẫu đệ II, đệ III mặc áo trắng khăn trắng và áo xanh, khăn xanh tức là mẫu Thoải và mẫu Thượng Ngàn thuộc hệ Tam Tòa Thánh mẫu.

- *Cung đệ nhị*:

Ban chính giữa thờ Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu.

Tiếp đến là ban thờ ngũ vị quan lớn gồm các vị:

Quan Thượng thiên mặc áo đỏ

Quan Giám sát mặc áo xanh

Quan Thủy phủ mặc áo trắng

Quan Khâm sai mặc áo vàng

Quan Tuần Tranh mặc áo đen

Đây là màu sắc thuộc ngũ hành: Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ.

- *Cung đệ tam*:

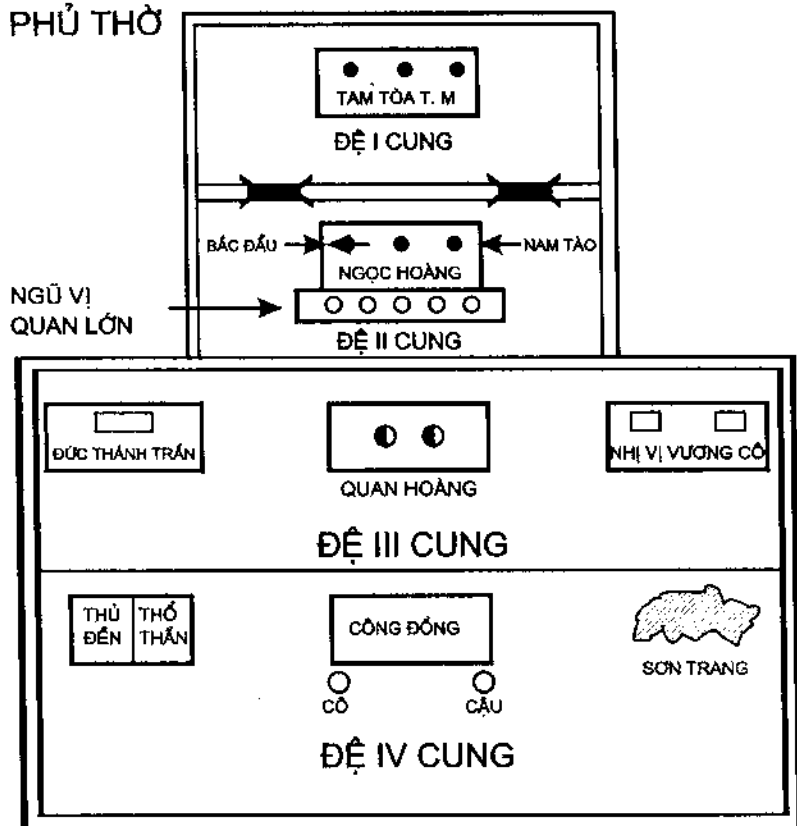
Ban giữ thờ các Quan hoàng Bảy, Quan hoàng Mười. Hai gian bên thờ Đức Thánh Trần và nhị vị Vương cô, tức là Khâm tử Hoàng Hậu và Thủy tiên Công Chúa, là vợ đức vua Trần Nhân Tôn và vợ Thượng tướng quân Phạm Ngũ Lão.

Có nơi lập riêng một tòa để thờ đức thánh Trần và nhị vị Vương cô, chứ không thờ chung như trên.

- *Cung Đệ tứ*:

Gian giữa là ban công đồng, hai bên có ban cô và cậu, dưới có ban Ngũ hổ, Thanh xà, Bạch xà.

SƠ ĐỒ PHỦ THỜ



Gian bên là động Sơn Trang, hoặc Thổ thần, Châu Thủ đền.

Nhìn chung phủ thờ Mẫu thờ nhiều vị. Có nơi còn có cả ban thờ Phật, có lầu Cô, lầu Cậu khiến mặt bằng phủ thờ Thánh Mẫu khá đa dạng. Nói đúng hơn là phức tạp, bộc lộ tín ngưỡng thờ Mẫu có sự dung hợp rộng rãi, do vậy có sức quy tụ lớn. Mọi người, nhất là con nhang đệ tử đến cửa phủ như được về quê mẹ, từ đó mà cúng lễ, cầu xin như con nhỏ to cùng mẹ vậy.

- Từ tính chất dung hợp, hòa đồng, lại là tín ngưỡng

bản địa, rất dân gian nên vị trí ban thờ có thể thay đổi tùy theo công trình. Xin nêu ra một sơ đồ thờ tự ở phủ để mọi người tham khảo

- Lại có một số cửa phủ bài trí ở cung đệ II là tượng "Tứ vị châu bà", hoặc hệ thống tượng Cô. Do vậy tượng pháp ở phủ, cách bài trí ở phủ đang còn tùy thuộc theo yêu cầu khách quan, cũng như điều kiện rộng hẹp của phủ.

- Khái quát đôi điều trên, để khách hành hương tham khảo về tính chất thờ tự và công trình. Dưới đây xin đề cập kỹ hơn về lược sử và nghi lễ tại các đền, miếu, phủ.

c. Nghi lễ tại đền, miếu, phủ

Đền, miếu phủ thờ Thần, thờ Thánh là những Nhân thần, Nhiên thần ban điều phúc đức cho dân, nên việc thờ cúng là việc đền ơn đáp nghĩa theo đạo lý dân tộc, thiết nghĩ nên làm. Đây không phải là tiêu cực, hay mê tín dị đoan. Còn nếu quá đà, hoặc tin vào điều nhảm nhí thì lại gánh chịu hậu quả trái ngược lại, thậm chí còn tiền mất, tật mang.

Lễ đền, miếu phủ đã trở thành tập tục. Mà đã là tập tục của làng xã, dân tộc tất có sự lựa chọn. Lựa chọn để bảo tồn và trở thành đời sống tinh thần của cộng đồng. Nhưng đất nước ta có biết bao biến cố lịch sử. Kẻ thù lại muốn xóa đi thuần phong mỹ tục của dân tộc nên việc phục hồi vốn cổ thật khó khăn, ngay các nghi lễ cũng chỉ dựa vào một số sách cũ, cùng với truyền thuyết dân gian và thực thi. Do vậy viết phần nghi lễ cùng với văn khấn ở đền, miếu cũng chỉ dám nêu ở chừng mực có thể, để bà con tham khảo khi bắt tay vào việc, hy vọng tránh bớt những rườm rà mà vẫn đạt hiệu quả.

Nói đến nghi lễ tất phải có việc sắm lễ, rồi mới đến dâng lễ và các bài văn khấn.

- *Sắm lễ*

Việc sắm lễ khi đến đền, miếu, phủ tất nhiên là phải có, nhưng không có một ấn định cụ thể. Tùy hoàn cảnh, tùy tâm mà sắm lễ. Có người chỉ có thẻ hương đến để tham quan vãng cảnh. Lại có người sắm lễ chay: hương, hoa, oản, quả... Hoặc sắm lễ mặn gồm thịt gà, lợn... nấu chín, hay để sống mà dân gian gọi là "lễ đồ sống" như trứng sống, thịt lợn sống, gạo, muối... để đặt tại ban Ngũ hổ, Thanh xà, Bạch xà...

- *Cỗ mặn Sơn Trang*: gồm cua, ốc, bún, chanh, ớt... Lại thường được sắm theo con số 15. Nghĩa là lễ vật chia thành 15 phần và liệu có phải là số lượng các vị thuộc ban Sơn Trang không?

- *Lễ ban thờ cô, thờ cậu*: gồm hương hoa, oản quả... còn có cả các thứ làm bằng giấy đẹp, tượng trưng các đồ chơi của trẻ nhỏ như cành hoa, con chim, chiếc kèn, chiếc trống... và cả các túi nhỏ xinh xắn đựng các đồ chơi đó.

Song điều cơ bản là lễ Thần, Thánh, kể cả Thánh mẫu không nhất nhất phải lễ mặn. Nghĩa là có cả cỗ chay: hương, hoa, đăng, trà, quả thực. Do vậy việc sắm lễ không phải câu nệ, không có lệ bắt buộc. Nhưng phải giữ điều thanh tịnh và điều cốt yếu là tâm thành. Nếu khi sắm lễ mà thiếu những yếu tố này thì dù mâm cao cỗ đầy cũng khó thấu đến Thần linh.

- *Thứ tự lễ các ban*

Việc lễ các ban cũng được dân gian thực hiện linh hoạt. Có nơi làm lễ trình ban thổ địa, thổ thần trước, rồi mới vào dâng lễ theo thứ tự ban chính trước, ban phụ sau như ở

đình thờ. Nhưng lại có nơi, nhất là việc bài trí ở đền, miếu, phủ không đầy đủ. Thiếu hẳn các ban thờ địa, thổ thần thì việc lễ có thể từ ban công đồng đầu tiên, hoặc từ chính cung trước, rồi ra ban công đồng dâng tấu sớ, hay làm lễ.

Riêng phủ thờ thì ngoài việc dâng lễ, khấn cầu ở các ban. Con nhang đệ tử còn lên các giá đồng ông Hoàng, hoặc đồng Cô, đồng Cậu để châu hầu trước cửa thánh Mẫu.

Những trường hợp lễ có lên đồng thì thời gian thường kéo dài, phải dâng hết tuần nhang này đến tuần nhang khác cho đến khi hết các giá đồng, hết đoạn văn châu. (Văn châu còn gọi Hát Văn).

Hát văn, hay hát Châu văn là loại hình ca nhạc phục vụ nghi lễ tôn giáo, cũng như tín ngưỡng đền, miếu, phủ. Nói rõ hơn là hát văn rất cần thiết cho các giá đồng. Hát châu văn liên quan đến việc diễn xướng trong nghi lễ của mẫu, của đền.

Phần lớn các giá văn cổ truyền nhằm châu, hầu các vị Tiên, Thánh nặng tính huyền thoại, các vị nữ Thần trong tín ngưỡng dân gian, những người có công với dân với nước và cả các vị anh hùng cứu quốc... Điều đặc biệt ở nội dung các bài hát châu: hầu như ngợi ca cảnh quan thiên nhiên núi sông, cây cỏ... Tán dương công lao dẹp giặc giữ yên bờ cõi, cũng như tài thao lược bất quỷ, trừ tà cứu độ cho muôn dân... của các Mẫu, các Cô, các Quan hoàng cũng như Đức Thánh Trần, Thánh Phạm, Thánh Không Lộ thiền sư... Do vậy dễ thấy hát châu là thấy vui, thấy hòa đồng khiến nhiều người hưng phấn muốn vỗ tay, muốn thả hồn bay theo cây cỏ núi sông, cùng với cõi Thần Tiên siêu phàm tươi đẹp...

Vào dịp lễ hội, khách hành hương rất đông, do vậy khi lễ phải gián tiện các tình tiết thỉnh chuông, hoặc đọc văn... Tuy vậy, khách hành hương vẫn đặt văn khấn, sớ tấu lên

ban, khấn nôm na mục đích kêu cầu như ghi trong số văn, rồi đem hóa số văn, tin tưởng vào sự siêu phàm của Thánh, Thần sẽ thấu tỏ mà độ thì cho thân cung, cùng gia quyến sở cầu đắc nguyện.

Trường hợp khách hành hương có đặt tiền, vàng ở các ban thì sau khi gần tàn một tuần nhang, sẽ thắp tiếp tuần nhang khác, rồi vái ba vái xin hạ lễ, đồng thời đem vàng, tiền ra nơi quy định hóa. Nhưng thường hóa theo từng ban, không nên gộp cả vào và hóa cùng lúc.

Một số đồ lễ ở ban thờ Cô, thờ Cậu, thờ Mẫu... như khăn châu, gương, lược... thì khi hạ lễ, để lại trên ban, đồng thời nói với nhà đền, thủ nhang biết, để họ sắp đặt trên ban chứ không đem hóa ngay. Việc hóa các đồ lễ dâng tiến sẽ do thủ nhang làm ở một thời gian phù hợp nào đó.

Khi hạ lễ, tín chủ thường giành một phần lộc biểu thủ nhang, có thể đặt tiền công đức tu sửa đền, miếu phủ, có thể đặt tiền đèn nhang cho nhà đền, tùy tâm chứ không phải thông lệ. Song do việc làm lễ phải nhờ vả nôi niêu, bếp đun, củi lửa nên khách hành hương nên để một phần kinh phí bù hao tổn cho nhà đền, theo lệ sống đời thường để tránh sự thất thố.

d. Văn khấn tại đền, miếu, phủ

Trước kia, văn khấn viết bằng chữ Hán, mỗi khi đi lễ, muốn làm số tấu phải tìm thầy viết số rất phiền phức. Hiện nay các bài văn chữ Hán đó đã được dịch ra chữ quốc ngữ, chỉ cần phô tô rồi điền vào chỗ khuyết như ngày, tháng, năm, tên tín chủ và vợ con, cùng với địa chỉ tín chủ là được. Bản văn này khách hành hương có thể tự đọc, rồi đặt trên đĩa nhỏ trong mâm lễ. Sau khi lễ xong sẽ hóa số văn trước, rồi mới hóa tiền vàng, hạ lễ...

Trên cơ sở các bài văn khấn cổ truyền, xin được đơn cử một số bài văn khấn ở cửa đền, miếu, phủ để mọi người suy ngẫm, chọn lọc sử dụng khi đi hành hương, hay khi có sự cố trong gia đình, cần kêu cầu mong được tiêu trừ hạn ách, mọi sự trong gia quyến được thuận lợi hanh thông.

Có một số văn khấn có cả chữ Hán, phiên âm, phiên dịch thì nên phô tô cả, rồi nhờ người viết số điền thêm phần thủ tục, cho việc khấn cầu được toại nguyện.

Tuy vậy, khi đi lễ thông thường không nhất thiết phải có văn khấn, cốt ở sự thành tâm là được. Lại có những văn khấn chữ Hán, chỉ nên đọc phần phiên âm, không đọc phần dịch nghĩa. Bởi dịch nghĩa sẽ không toát nổi ý tứ của nội dung kêu cầu. Đơn cử như bài lễ Trần Hưng Đạo Văn dưới đây:

文道興陳札

伏以 鄧墨故鄉自北遷來香火地陳朝顯聖暨南嘉教衍恩深一
意所求千方必成

爰有越南國省市縣坊社街門牌依于

靈祠供奉大王

供養乞求鮮限消災本命延長家門康泰事今世信主

合同老少內外等鄧日仰干聖听俯察凡間言念世等生居濁

世常求溫飽為先效稟蒼穹惟念康強是重非憑祚禱禳除

曷得亨通福慶

恭惟

陳朝顯聖仁武興道大王上上等神

位前

陳朝显圣王父王母王子王婚王孙王親列位

位前

當年行遣尊神本土神靈里域正神

位前

廟內從祀一切諸靈

位前 伏望

大王文武全才孝忠兩盡生為重興之良將化作南越之福神除災
捍患大開雨露之恩仗正驅邪廣布仁慈之念伏願

大王高明正直廣大神通俾信主身躬康泰泰四時興福患之虞家室

平安八節有禎祥之兆奸貪不至貧家耕農得利盜賊無侵

田舍來往皆和實賴謹疏

天運 信主誠心具奏

Lễ Trần Hưng Đạo văn

Phục dĩ:

Túc Mặc cố hương tự Bắc thiên lai hương hỏa địa, Trần triều hiển thánh kị Nam thanh giáo đức ân thâm. Nhất ý sở cầu, thiện phương tất ứng.

Viên hữu Việt Nam quốc tỉnh thị huyện, phường xã thôn nhai môn bài y vu Linh từ cư, phụng Đại Vương cúng dàng, khát cầu giải hạn tiêu tai, bản mệnh diên trường, gia môn khang thái sự. Kim thân tín chủ hợp đồng lão thiếu nội ngoại đẳng, túc nhật ngưỡng can thánh thánh, phủ sát phạm gian, ngôn niệm thần đẳng sinh cư trợ thế, thường cầu ôn bảo vi tiên, số bẩm thương khung duy niệm khang cường thị trọng. Phi bằng bái đảo nương trừ, hạt đắc hanh thông phúc khánh.

Cung duy:

Trần triều hiển thánh nhân vũ Hưng Đạo đại vương thượng thượng đẳng thân vị tiên.

Trần triều hiển thánh vương phụ vương mẫu vương tử vương tế vương tôn vương thân liệt vị vị tiên.

Đương niên hành khiển tôn thần, bản thổ thần linh lý vực chính thần vị tiên.

Miếu nội tông tự nhất thiết chư linh vị tiên

Phục vọng Đại Vương văn vũ toàn tài, hiếu trung lương tận, sinh vi Trùng Hưng chi lương tướng, hóa tác Nam Việt chi phúc thần, trừ tai hãn hoạn đại khai vũ lộ chi ân, trượng chính khu tà quảng bố nhân từ chi niệm. Phục nguyện Đại Vương cao minh chính trực, quảng đại thần thông, tỷ tín chủ thân cung khang thái, tứ thì vô họa hoạn chi ngu, gia thất bình an bất tiết hữu trình tường chi triệu,

gian tham bất chí bần gia canh nông đắc lợi, đạo tặc vô xâm điền xá lai vãng giai hòa. Thực lại.

Cẩn số.

Thiên vận ... niên... nguyệt.. nhật

Tín chủ thành tâm cụ tấu.

- Dân gian phụng sự Trần triều Hưng Đạo Đại Vương tỏ rõ tấm lòng đền ơn đáp nghĩa đối với vị anh hùng dân tộc. Người đời còn muốn sự bất tử của Hưng Đạo Vương sẽ hiển linh giúp dân trong đời sống tâm linh. Hy vọng sức thần của đại vương sẽ gia ân, gia hộ giúp chúng dân đắc cầu sở nguyện, điều lành đem đến việc dữ xua tan, nên các gia đình gặp khó khăn khi nuôi con nhỏ, đã lập văn khoản nhờ đại vương bảo hộ và phù trì cho trẻ được mạnh khỏe khang ninh, tính tình thông tuệ.

Dưới đây là bài văn khoản tại đền thờ Trần Hưng Đạo phó mặc cho đệ tử ở thôn Trung xã Đồng Du huyện Bình Lục tỉnh Hà Nam, xin đề cập để độc giả tham khảo (nếu muốn dùng bài văn này thì thay tên, địa chỉ... của mình vào là được).

祀興道王寫券文式

大南國南墨廟宅會同神官奉為置券事茲據貫河南省平陸縣桐油社中村弟子林文有夫妻等於戊寅年正月初六日辰時生下一男懇乞置券以遂成人等因本廟題請

陳朝仁武興道太王殿下俯閣上奏 天長宮廟聖鑒特準

欽奉賜姓署名為陳國成合券地方神官時加巡察保佑但上姓名身命康寧性情聰慧嚴戒一切十類邪鬼等毋得伺擾這關人嗣違者 天憲斯彰凜之特券

右券付地方土主司之神準此並通飭接境正直之神週知

天運戊

寅年正月二十六日

Tự Hưng Đạo Đại Vương tả khoán văn thức

Đại Nam quốc Nam Mặc miếu trạch hội đồng thần quan phụng vi trí khoán sự.

Tư cú quán Hà Nam tỉnh Bình Lục huyện Đồng Du xã Trung Thôn đệ tử Lâm Văn Hữu phu thê đẳng ư Mậu Dần niên chính nguyệt sơ lục nhật Thìn thời sinh hạ nhất nam, khấn khát trí khoán dĩ vọng thành nhân đẳng nhân. Bản miếu đề thỉnh Trần triều nhân vũ Hưng Đạo đại vương điện hạ phủ duyệt thượng tấu Thiên Trường cung miếu thánh giám đặc chuẩn, khâm phụng tứ tính thụ danh vi Trần Quốc Thành, hợp khoán địa phương thần quan thì gia tuần sát bảo hộ y thượng tính danh thân mệnh khang ninh tính tình thông tuệ, nghiêm nhất thiết thập loại tà quỷ đẳng vô đắc tứ nhiễu.

Giá quan nhân tự, vi giả thiên hiến tư chương lâm chi - Đặc khoán.

Hữu khoán phó địa phương thổ chủ tư chi thần. Chuẩn thứ, tịnh thông sức tiếp cảnh chính trực chi thần chu tri.

Thiên vận Mậu Dần niên chính nguyệt nhị thập lục nhật.

維大南國歲次丙寅年正月建

越初十日朔 河南省青康縣禾艾總
保泰社耆老鄉戚仝社等謹以牲諸菓
芳菑清酌就于祠前敢昭告于率陽間基
創業仁聖英武高明丁先皇上聖衍廣明通
皇帝神位 欽文統武仁衍英哲知銳黎
大行皇帝神位 忠宗皇顯考佑聖厚衍威
靈皇帝神位 故朝皇光公佑聖威靈皇帝
神位 日有春初生日例必告祀也

恭惟皇帝陛下 山岳鍾靈海河秀氣
一顧指除凶之旆使君十二散灰飛三尺平
占賊之戈天子九重登宝位 抗宋功金石有
碑題 濟民衍廟祠存置例萬年標星斗之
光千秋享燕嘗之美茲通天氣膺和礼陳

敬祭敢將一盞丹誠伏願九重福祉工
商奮發億萬年興盛之基圖農土順和千
石世飽溫之惠使貧窮得享於堯天錫
野邑長居於舜地

實賴四聖陰扶之大力也

敬及天罡大玉光明大玉尊神汝皇城尊
神典丁黎朝文武百官隨從部众

Văn tế đền thờ Vua Lê

Duy Đại Nam quốc tuế thứ Bính Dần niên chính nguyệt kiến việt sơ thập nhật sóc

Hà Nam tỉnh Thanh Liêm huyện Hòa Ngải tổng Bảo Thái xã, kỳ lão hương chức đồng xã đẳng, cần dĩ tam sinh chư quả phù lưu thanh chúc, tựu vu từ tiền, cảm chiêu cáo vu Tế dương khai cơ sáng nghiệp nhân thánh anh vũ cao minh Đinh Tiên Hoàng thượng thánh đức quang minh thông hoàng đế thần vị, Khâm văn thống vũ nhân đức anh triết tri nhuệ Lê Đại hành hoàng đế thần vị, Trung tông hoàng hiền ứng tá thánh hậu đức uy linh hoàng đế thần vị, Ngọc triều hoàng quang công hựu thánh uy linh hoàng đế thần vị. Viết hữu xuân sơ sinh nhật lệ tất cáo lễ dĩ.

Cung duy hoàng đế bệ hạ, sơn nhạc chung linh, hải hà tú khí, nhất kỳ chỉ trừ hung chi lũ sứ quân thập nhị tán khôi phi, tam xích bình Chiêm tặc chi qua thiên tử cửu trùng đẳng bảo vị, kháng Tống công kim thạch hữu bì đề, tế dân đức miếu tế tôn trí lệ. Vạn niên tiêu tinh đầu chi quang, thiên thu hưởng chung thường chí mỹ.

Tư thích thiên khí huyền hòa, lễ trần kính tế, cảm tương nhất điểm đan thành, phục nguyện cứu trùng phúc chí, công thương phần phát ức vạn niên hưng thịnh chi cơ đồ, nông sỹ thuận hòa thiên bách thế bảo ôn chi chí lự, sử bản gia đắc hưởng ư Nghiêu thiên, tích dã áp trường ư Thuấn địa.

Thực lại tứ thánh âm phù chi đại lực dĩ.

Kính cập Thiên Cương đại vương, Quang Minh đại vương tôn thần, Nhữ hoàng Đê công chúa tôn thần dĩ Đinh Lê triều văn vũ bách quan tùy tòng bộ chúng.

Dịch nghĩa:

Duy ngày 10 tháng giêng năm Bính Dần niên hiệu nước Đại Nam, kỳ lão hương chức và cả xã Bảo Thái tổng Hòa Ngãi huyện Thanh Liêm tỉnh Hà Nam kính đem lễ thường tam sinh hoa quả trầu rượu tới đền thờ, xin kêu rõ cùng:

Tể dương khai cơ sáng nghiệp nhân thánh anh võ cao minh Đinh Tiên hoàng đế thần vị.

Khâm văn thống vũ nhân đức anh triết tri nhuệ Lê Đại Hành hoàng đế thần vị.

Trung tông hoàng hiền ứng tá thánh hậu đức uy linh hoàng đế thần vị.

Ngọa triều hoàng quang công hựu thánh uy linh hoàng đế thần vị.

Vì có lệ sinh nhật lúc đầu xuân nên xin cáo lễ.

Kính trông hoàng đế bệ hạ, khí thiêng nơi rừng núi, vẻ đẹp chốn biển sông. Cờ trở thẳng mười hai sứ quân tan tành như cát bụi, kiếm xốc tới ngôi trời chín bệ giặc Chiêm đầu dấm hung hăng. Đánh Tống đá vàng còn để chữ nêu bia, giúp dân công đức vẫn truyền lâu ở miếu. Muôn năm ánh sáng trông vời coi như tinh đẩu, ngàn thuở tôn thờ cầu đảo đẹp nếp chung thường.

Nay gặp tiết trời ấm áp, lễ mọn đặt bày. Dám đem tác dạ tỏ tình thành, chờ đợi chín trùng ban phúc lộc. Nghề thợ nghề buôn phát đạt nền nếp dài lâu, đi cày đi học thuận hòa ấm no vui vẻ. Cho nhà nghèo được ở dưới trời Nghiêu phẳng lặng, để làng quê yên tại nơi đất Thuận hòa bình.

Thực cậy nhờ các vị thánh sức lớn ngầm giúp vậy.

Kính mời Thiên Cương đại vương, Quang Minh đại vương tôn thần, Nhữ hoàng Đê tôn thần cùng văn vũ bách quan tùy tòng bộ chúng dưới triều Đinh Lê.

(Vái bốn vái)

Ngoài các bài khấn lễ đức Thành Trần như đã nêu, còn có các văn khấn phổ thông khác, lời lẽ mộc mạc, đậm tính dân gian hơn. Xin giới thiệu thêm một bài văn khấn cầu tài, cầu lộc và sự bình an:

Văn khấn đức Thánh Trần

Kính lạy đức Trần triều hiển thánh Nhân Vũ Hưng Đạo đại vương, Thái sư thượng phụ Thượng quốc công chí trung đại nghĩa, dục bảo trung hưng thượng đẳng thần vị.

Kính lạy Hưng Đạo đại vương phu nhân, hiệu Thiên Thành Công chúa, truy phong Nguyên Từ Quốc mẫu, sắc phong Thiên Uy Thái trưởng công chúa.

Kính lạy: - Trần triều Tứ vị Vương tử thần vị.

- Trần triều nhị vị Vương cô thần vị.

- Trần triều Tứ vị nhất phẩm phu nhân thần vị.

- Trần triều Vương tể Điện suý thượng tướng quân, Quan nội hầu Phạm tôn thần thần vị.

Tín chủ con là....

Ngụ tại...

Nhất tâm bái đảo, một dạ kêu cầu

Kính mong chư vị, gia ân làm phúc, phù hộ độ trì cho toàn gia chúng con:

Đầu năm chí giữa, nửa năm chí cuối,

Tai qua nạn khỏi, vạn sự hanh thông.

Điều lành mang đến, việc dữ mang đi,

Cầu tài đắc tài, cầu lộc đắc lộc

Thêm người thêm của, vật thịnh nhân an

Vãng cát cư an, mọi điều như ý!

Tín chủ đồng gia chúng con cúi đầu kính lễ mong chư vị
nhất sự nhất xá, vạn sự vạn xá

Thấu tỏ tác lòng, đồng lai chứng giám

Cẩn tấu.

*

*

*

Văn khấn tại đền Bà Chúa Kho thị xã Bắc Ninh

- Đền Bà Chúa Kho thờ bà chúa coi kho, ngoài ra còn thờ các vị Thánh Mẫu, Ngũ vị quan lớn, các vị Quan hoàng, Dương Cảnh Thành Hoàng... Do vậy nơi đây có nhiều ban thờ, vừa là đền vừa mang tính chất phủ. Dân gian về đây dâng hương cầu xin mọi sự bình an, nhất là cầu được phát tài phát lộc, buôn may bán đắt và khấn bài khấn dân gian dưới đây.

Văn khấn tại đền Bà Chúa Kho

Hôm nay là ngày... tháng... năm...

Tín chủ con là... đồng gia ngụ tại... thôn... xã (phường)... huyện (thị)... tỉnh (thành phố) Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Kính lạy Tam giới Thánh Chúa

Tam phủ công đồng

Cúi lạy: Tam tòa Thánh mẫu, Tứ phủ Châu Bà,

Ngũ vị Thánh quan, Tả hữu quan Hoàng.

Nhị vị Thánh Cô, Bà chúa Sơn Trang cùng

Thập nhị Tiên nương

Cúi lạy: - Quan Đương niên Hành Khiển.

- Đức đại vương Thành Hoàng bản cảnh

- Ngũ hổ thần tướng, Thanh xà, Bạch xà thần
linh

Kính lạy đức Chúa Kho Thánh Mẫu hiển hóa anh linh
cảm thông các sự. Chấp lễ, chấp bái, phù hộ độ trì, chứng
minh cho tâm thành của gia chủ chúng con là... ngụ tại...

Trước Thánh vị con xin tu thiết kim ngân, hương hoa lễ
vật, chí thiết nhất tâm, lòng thành dâng lễ.

Mong được sám hối, cầu xin ban ân,

Gia quyến bình an, sở cầu đắc nguyện.

Cầu lộc đắc lộc, cầu tài đắc tài,

Mọi sự đều hanh xương

Toàn gia khang thái

Chúng con xin khấu đầu bái lễ

Trước chư vị và Thánh Mẫu Chúa Kho

Cho chúng con được đắc cầu như ý.

Cẩn tấu.

(Vái bốn vái)

Văn khấn Thánh Mẫu Liễu Hạnh

Trên lãnh thổ Việt Nam có hàng ngàn đền, phủ thờ
Thánh Mẫu Liễu Hạnh. Đặc biệt là nơi giáng sinh của mẫu
như phủ Quảng Nạp (Ý Yên), Phủ Dày (Vụ Bản Nam Định)
là nơi giáng sinh lần I, lần II. Kẻ Sỏi, hay Tây Mỗ (Thanh -
Nghệ) nơi hạ trần lần III cùng các nơi khác mà truyền
thuyết cho có sự liên quan lúc sinh thời của Mẫu như đền
Tiên (Lạng Sơn), Tây Hồ (Hà Nội), đền Sòng, phố Cát
(Thanh Hóa), phủ Đồi (Ninh Bình).

Thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh thường phối thờ với các mẫu đệ II, đệ III, các vị Quan lớn, Quan hoàng, Cô, Cậu... Kể cả Trần triều Hưng Đạo đại vương, nhị vị Vương Cô... nên phủ, đền thờ Mẫu là sự phối thờ, sự dung hợp rộng rãi xung quanh vị Thánh Mẫu Liễu Hạnh, một trong tứ bất tử Việt Nam. Do vậy phần văn khấn rất phong phú, phần hát chầu trong các giá đồng lại càng súc tích, càng gây cảm hứng vui nhộn, nhảy nhót như đàn con trẻ về gặp gỡ người thân.

Trước hết xin giới thiệu một số bài văn tế, văn khấn Thánh Mẫu Liễu Hạnh như:

- Tứ thời tế Thánh Mẫu Liễu Hạnh.
- Hữu Khánh hạ tế Thánh Mẫu văn
- Lễ Thánh Mẫu cầu tự số
- Mãi đồng tử thông dụng khoán.

Các bài văn này kèm theo chữ Hán, có thể phô tô, làm bài văn khấn, rồi hóa sau khi lễ.

四時祭聖母文

恭惟尊神范族降生黎朝孕秀繼而天本我山口傳雄
氣於民間事在陳家梅氏石記慈心于故里異乎常特
封靈語其實源於紫府約宛名騰十二呂皇武佑
昔何爲昂藏世界三千堯女舜妻今有覩呼風喚雨是
何神去盜除奸蒙所護茲適春天恭陳祀效願鑒臨錫
以多三請立待頌之福五予以培國脉之延長予以衍

鄉村之鞏固

萬望

Tứ thời tế thánh mẫu văn

(Phần mở đầu như các bài trên)

Cung duy:

Tôn thần, Phạm tộc giáng sinh, Lê triều dựng tể. Kế nhi Thiên Bản Nga Sơn khẩu truyền hùng khí ư dân gian, sự tại Trần gia Mai thị thạch ký từ tâm vu cố lý.

Dị hồ thường đặc quán linh thanh, ngũ hồ thực nguyên tử phủ. Yếu diệu danh đăng thập nhị Lã hoàng Võ hậu tích hà vi, ngang tàng thế giới tam thiên Nghiêu nữ Thuấn thê kim tái đồ. Hồ phong hoán vũ thị hà thần, khứ đạo trừ gian mông sở hộ.

Tư thích xuân thiên, cung trần lễ số, nguyên giám lâm tích dĩ đa tam, thỉnh lập đài ban chi phúc ngũ. Vu dĩ bồi quốc mạch chi diên trường, vu dĩ diễn hương thôn chi củng cố.

Vạn vọng!

Tạm dịch: Bốn mùa tế Thánh Mẫu văn

(mở đầu như các bài trên...)

Trộm nghĩ rằng: Thần cao quý từ Thiên đình làm con họ Phạm.

Triều Lê tốt đẹp kể đến Thiên Bản, Nga Sơn

Một thời oanh liệt cõi trần gian

Lòng từ với hai họ Trần, Mai chốn cũ còn tạc ghi trên đá.

Khác đời riêng biệt quán linh thanh

Lời truyền vốn từ nơi phủ tía

Yếu diệu mà tiếng vang như Lữ hoàng, Võ hậu,

Dọc ngang ba ngàn thế giới như nữ Nghiêu, vợ Thuấn
hãy còn truyền

Tài gọi gió làm mưa khác chi Thần
Ra tay dẹp ác trừ gian cứu đời cơn bĩ cực
Nhân tiết Xuân (hay...) trời đẹp, kính cẩn lễ bạc tâm
thành,
Mong Thánh Mẫu nhiều lần chứng giám
Để cho dân (hay tín chủ) hưởng ngũ phúc dài lâu
Cho mạch nước trường tồn mãi mãi
Và hương thôn (hay tín chủ) ngày một khang ninh.
Muôn điều trông ngóng
(Vái 4 vái)

文母聖祭賀文有

恭望尊神岳瀆孕秀天地鍾靈權
居人世位列天庭欽承帝命落下襄瀛
大安勝景仙女降生逍遙三紀乃謝坐
纓以鍊正氣以修心經樂與影散

中

亦無虧盈心無出入亦與乖爭收其
真陽故爲雷霆充其瀾氣散爲滄溟
一真自在萬里畢至仁慈普救老少康
寧除殘助國海晏河清勲名既顯
俎豆以馨處又奉事人又敬誠

值茲令節胥衆微誠虔遵古禮
非待今評願其照鑒錫以添榮

實萬賴仙母扶持之大惠也謹告

Hữu khánh hạ tế thánh mẫu văn

... Cung vọng tôn thân, nhạc độc dụng tú, thiên địa chung linh, quyền cư nhân thế, vị liệt thiên đình. Khâm thừa Đế mệnh, lạc hạ hoàn danh, Đại An thắng cảnh, Tiên nữ giáng sinh, tiêu dao tam kỷ, nãi tạ trần anh, dĩ luyện chính khí, dĩ tu tâm kinh, khí vô tụ tán, diệp vô khuỵ doanh, tâm vô xuất nhập, diệp vô quai tranh. Thu kỳ chân dương, phóng vi lợi đình, sung kỳ hiệu khí, tán vi thương minh, nhất chân tự tại, vạn lý tất trình, nhân từ phổ cứu, lão thiếu khang ninh, trừ tàn trợ quốc, hải yến hà thanh, huân danh ký hiển, trở đậu dĩ hình. Xứ xứ phụng sự, nhân nhân kính thành.

Trị tư lệnh tiết, mạo triển vi thành, thứ tuân cổ lễ, phi đãi kim bình, nguyên kỳ chiếu giám, tích dĩ thiêm vinh.

Thực lại Tiên Mẫu phù trì chi đại huệ dã.

Cẩn cốt.

Dịch nghĩa:

Văn tế Thánh mẫu ngày lễ khánh hạ

... (phân thủ tục ngày, tháng, năm, tên tín chủ, cư trú)

Cung kính ngửa trông vị Tôn Thần cao quý:

Núi non tốt đẹp,

Trời đất thiêng liêng.

Thánh Mẫu quyền nơi trần thế,

Gốc tại Thiên đình

Vâng theo mệnh vua, vui cùng hạ giới.

Đại An cảnh đẹp, Tiên nữ giáng phàm

Non nước dạo chơi, để xa trần thế.

Rèn luyện chính khí, chuyên tu tâm kinh.

Cho khí chẳng mất, cũng chẳng thiếu, thừa.
Tâm không xuất, nhập, cũng không đua tranh,
Cốt giữ khí dương, phát tựa lời đình.
Đầy đủ khí tốt, tâm rộng biển đông
Chân thành tự tại, vạn dặm vượt qua.
Lòng từ cứu độ, già trẻ bình an
Giúp nước trừ tà, sông xanh biển lặng.
Công đức đã tỏ, lưu danh muôn đời
Nơi nơi phụng sự, người người kính thờ.
Y theo lễ tiết, trông cậy sức thần
Nay tỏ tác lòng, muôn trông lượng cả.
Nguyện cầu soi xét, mong được hiển vinh.
Kính trông Thánh Mẫu hiển linh,
Phù trì gia ân cho (tín chủ) toàn gia..... được hưởng
đại phúc vậy!

Kính cẩn dâng lời.

求嗣疏

伏以

坤厚重又大啟篤生之吉兆黎元懇以仰祈厚蔭之綿長
萬年至誠一心翹望爰有

大南國省縣社依于

花林 灵祠居奉

佛聖供養春天進禮乞求生得兒女繼世事今日信下梁春輝
妻陳氏芳合同家等即日仰干

慧眼俯鑒九情言念世夫妻等鸞鳳雅合琴瑟和諧晨昏
每詠閨睢未見吉祥振夢年月常歌麟趾少蒙景瑞求
徵念又難伸情指心又難識叩祈幸逢節觀暮春慶賀

日辰適值謹具微誠庶品夫妻同就陳詞仰望威光帖洽恭祈
大惠均霑伏望

天僊憐憫降吉祥桂樹開花地仙仁慈載厚彷彿桃夭結菓山閭聖
主布陰森秀槐枝水府仙娘灑法雨浸霑蘭葉三位彷彿翁顯威
靈四府諸人施惠澤公同列位部众仙妃共濟貧家咸資草舍
前祝聖躬萬歲期^後繼嗣百年全賴洪恩實蒙大庆但位下情
不勝貼天仰聖屏營之至謹疏

天運

年 月 日

弟子誠心具奏

Lễ Thánh Mẫu cầu tự số

Phục dĩ

Khôn hậu trùng trùng đại khái đốc sinh chi cát triệu,
lê nguyên khấn khấn ngưỡng kỳ hậu ấm chi miên trường.
Vạn bái chí thành, nhất tâm kiêu vọng.

Viên hữu Đại Nam quốc tỉnh huyện xã y vụ Hoa Lâm
linh từ cư, phụng Phật thánh cúng dàng xuân thiên tiến lễ
khất cầu sinh đắc nhi nữ kế thế sự. Kim thần tín chủ
Lương Xuân Huy, thê Trần Thị Phương hợp đồng gia đẳng
túc nhật ngưỡng can tuệ nhĩn, phủ giám phạm tình, ngôn
niệm thần phu thê đẳng, loan hoàng nhĩn hợp, cầm sắt hòa
hài, thần hôn mỗi vịnh quan thi vị kiến cát tường chấn
mộng, niên nguyệt thường ca lân chỉ thiếu mông cảnh
thụy lai trưng. Niệm niệm nan thân tình chỉ, tâm tâm
nam thức khấu kỳ, hạnh phùng tiết đỏ mộ xuân, khánh
hạ nhật thần thích trị, cần cụ vi thành thứ phẩm, phu thê
đồng tự trần từ. Ngưỡng vọng uy quang thiếp hợp, cung
kỳ đại huệ quân triêm.

Phục vọng thiên tiên lân mẫu giáng cát tường quế thụ
khai hoa, địa tiện nhân từ tái hậu đức đào yêu kết quả, sơn
gian thánh chủ bố âm công thâm tú hờn chi, thủy phủ tiên
nương sái pháp vũ tẩm triêm lan điệp, tam vị đức ông hiển
uy linh, tứ phủ chư nhân thi huệ trạch, công đồng liệt vị bộ
chúng tiên phi, công tế bản gia hàm tư thảo xá.

Tiên chúc thánh cung vạn tuế, hậu kỳ kế tự bách niên,
toàn lai hồng ân, thực mông đại khánh.

Đãn thần hạ tình bất thăng chiêm thiên ngưỡng thánh
bình dinh chi chí;

Cẩn số.

Thiên vận ... niên... nguyệt.. nhật

Đệ tử thành tâm cụ tấu

賣童子通月券

三座聖母勅給神通靈券（最靈佛寺十八竜神神通靈券）書大字
茲勘見省縣社村信主々夫妻等謹將所生小童名々生於年月
日時謹乞置券以望成人本店（本寺）會同神官題請

聖母御前公同四府位前（本寺十八竜神伽藍真宰位前）認為愛
子賜姓名爲祭功達（年功達）合券此地方神官時加巡察保
佑伊兒自此至百歲命位延長身軀壯健孝賢其継家凡聰慧
有光門戶嚴禁一切諸种邪鬼妄行侵擾若頑愚不達有

大憲在時券

右券付地方土主及年月日時正直之神週知

天運

年 月 日

Mãi đồng tử thông dụng khoán

TAM TÒA THÁNH MẪU SẮC CẤP THẦN THÔNG LINH KHOÁN (TỐI LINH PHẬT TỰ THẬP BÁT LONG THẦN THẦN THÔNG LINH KHOÁN)

Tư cứ kiến tỉnh huyện xã thôn tín chủ mỗ phu thê đẳng cần tương sở sinh tiểu đồng danh mỗ sinh ư niên nguyệt nhật thời cần khát trí khoán dĩ vọng thành nhân. Bản miếu (bản tự) hội đồng thần quan đề thỉnh Thánh mẫu ngự tiền công đồng tứ phủ vị tiền (bản tự thập bát long thần già lam chân tế vị tiền) nhận vi ái tử tứ tính danh vi Lê Công Đạt (Mầu Công Đạt) hợp khoán thủ địa phương thần quan thời gia tuần sát, bảo hộ y nhi, tự thủ chí bách tuế, mạnh vị diên trường, thân cung tráng kiện, hiếu hiền kỳ kế gia phong, thông tuệ hữu quang môn hộ. Nghiêm cấm nhất thiết chư chủng tà quỷ vọng hành xâm nhiễu, nhược ngoan ngu bất tuân, hữu thiên hiển tại. Đặc khoán.

Hữu khoán phó địa phương thổ chủ cập niên nguyệt nhật thời chính trực chi thần chu tri.

Thiên vận... niên nguyệt nhật.

6- Một số đền, miếu, phủ tiêu biểu

a- Đền Ngọc Sơn - Hà Nội:

Đền Ngọc Sơn nằm giữa hồ Gươm Thăng Long - Hà Nội. Truyền thuyết cho gò đất trong hồ xưa là nơi các Tiên nữ thường lui tới ca hát, vui chơi. Một gò đất nổi giữa lòng hồ nên người xưa rất yêu quý, coi như hòn ngọc. Lại coi như trái núi giữa đồng bằng, giữa Thăng Long nên gọi Ngọc Sơn (núi Ngọc). Hồ Gươm còn gọi hồ Hoàn Kiếm, liên quan đến truyền thuyết thần Kim Qui trao kiếm báu cho Vua Lê dẹp giặc và khi giặc tan, Lê Lợi lại trả lại kiếm báu cho Thần.

Trên gò đất, giữa lòng hồ, thời Vua Lê - Chúa Trịnh đã

cho xây cung "Khánh Thuy", có nghĩa là nơi vui mừng tốt đẹp để vua chúa lui tới. Người ta đã dựng trên gò đất đầy sinh khí, rất phong thủy này ngôi chùa Ngọc Sơn để thờ Phật. Sang nhà Nguyễn thờ Văn Xương Đế Quân, một vị là tinh chủ về Văn hóa. Lại dựng Tháp bút vào điểm "tụ khí, tàng phong" nhằm chặn hưng nên văn hóa Thăng Long, do vậy Chùa Ngọc Sơn còn được gọi đền Ngọc Sơn. Và người ta còn phối thờ với Văn Xương đế quân; đức Thánh Trần và Quan Đế (Quan Vân Trường) khiến Ngọc Sơn là nơi hội tụ của Văn - Võ, của sự từ bi, hỉ xả.

Về dân lễ tại đền Ngọc Sơn vào các ngày lễ tiết trong năm, đặc biệt các tiết Xuân - Thu, khách hành hương hẳn được chứng kiến một công trình kiến trúc, một cảnh quan kỳ tú giữa Thủ đô và gửi gắm tâm linh vào các vị Thần Nhân cũng như đức Phật, để tăng thêm niềm vui, niềm tin, vững tâm công tác, buôn bán, làm ăn tạo cuộc sống mới ấm no, hạnh phúc.

b) Văn Miếu Quốc Tử Giám - Hà Nội

Văn Miếu Quốc Tử Giám nằm ở phía Nam thành Thăng Long, được xây dựng trên khu đất rộng chừng 6 mẫu, quang đãng bằng phẳng, với cây cổ thụ, cây lưu niên tạo cảnh sắc thơ mộng.

Cổng Văn Miếu làm lối chông diêm hai tầng, duyên dáng nghệ thuật. Phía trong còn có cổng "Đại trung". Hai bên là hai cổng nhỏ "Thành đức" và "Đạt tài". Tên cổng "Thành đức", "Đạt tài" mang ý nghĩa đào tạo con người có tài, có đức thì mới giúp cho đời được công việc hữu ích.

Văn Miếu còn có "Khuê Văn Các" kiến trúc đầu thế kỷ XIX, giản dị nhưng xinh xắn, có giếng "Thiên quang" (Ánh sáng trời). Khu vực chính là công trình điện Đại Thành, nhà Bái Đường thờ Khổng Tử và các bậc Tiên hiền, Tiên nho.

Hai bên có Đông Vu, Tây Vu và đặc biệt là hai dãy nhà bia với 82 bia đá, khắc tên 1306 vị đỗ đại khoa của 82 khoa thi Tiến sĩ, từ năm Đại Bảo thứ III (1442), đến năm Kỷ Hợi (1779).

Phía sau Điện Thánh là khu vực Quốc Tử giám, xưa có giảng đường, thư viện, khu tam xá cho học trò ở, nhà kho... Khi nhà Nguyễn rời đô vào Huế, khu này thành đền Khải Thánh thờ thân phụ, thân mẫu của Khổng Tử (khu này bị đốt năm 1946 - mới phục hồi).

Hàng năm, đến tiết Xuân - Thu, đều chọn ngày đình tháng Hai và tháng Tám để triều đình tế lễ. Việc chi phí sắm biện đồ lễ cũng do triều đình gánh chịu...

Ngày nay, Văn Miếu không chỉ là nơi dâng hương trong các tuần tiết, mà còn là nơi đón nhiều đoàn khách tham quan trong nước, ngoài nước. Đón nhiều đoàn nghiên cứu, tìm hiểu về các nhà khoa bảng, về việc học của ông cha ta, do vậy Văn Miếu trở thành niềm tự hào của Thăng Long, của cả dân tộc Việt Nam.

c) Phủ Tây Hồ - Hà Nội

Phủ Tây Hồ thờ Mẫu Liễu Hạnh. Truyền thuyết cho đây là nơi mà Liễu Hạnh Công Chúa đã gặp Trạng Phùng Khắc Khoan cùng các nho sinh họ Ngô, họ Lý. Tại đây, Công chúa mở quán rượu, đối thơ thể hiện tính cách tự do, phóng khoáng, muốn giải thoát sự cưỡng chế của ý thức hệ nho giáo: Quân - Thân - Phụ - Tử rồi tứ đức, tam tòng... làm mất đi sự công bằng xã hội cũng như đạo lý làm người.

Để giữ lại kỷ niệm đối với Tây Hồ, người ta đã dựng phủ thờ Công Chúa Liễu Hạnh và đây trở thành nơi thu hút đông đảo bà con về dâng hương lễ Mẫu.

Trước kia, cứ đến ngày Bảy tháng Ba là mọi người nô nức kéo về dự lễ hội. Trong lễ hội, ngoài việc làm lễ cầu

Thánh Mẫu gia ân, cứu độ để được an khang thịnh vượng, còn được xem các trò chơi dân gian như múa rồng, chơi cờ người, cờ thẻ, tổ tôm điểm... trên một địa bàn danh thắng phong cảnh hữu tình, do vậy mà không riêng thổ dân xã Quảng An, huyện Từ Liêm, mà cả nhân dân các quận thuộc Thành phố Hà Nội, khách hành hương cả nước đã và sẽ đổ về Hồ Tây lễ phủ Tây Hồ, ngưỡng vọng "thần tượng tự do" Mẫu Liễu Hạnh.

d) Đền bà Chúa Kho - Hà Bắc

Đền bà Chúa Kho thuộc thôn Cổ Mễ, xã Vũ Ninh, thị xã Bắc Ninh - tỉnh Hà Bắc. Đền còn có tên là "Khố linh từ". Với truyền thuyết: Bà chúa là người giữ kho, lại sẵn lòng từ thiện cứu trợ kẻ nghèo, gặp khi cơ nhỡ, nên thường vào các tháng đầu năm, nhiều người buôn bán rủ nhau về đây lễ Mẫu, lễ Bà Chúa, vay tiền, vàng của Chúa, hy vọng trong năm sẽ làm ăn phát đạt và cuối năm lại sửa lễ, đem tiền vàng lên trả Bà Chúa.

Việc vay "vốn" của bà Chúa Kho, những năm gần đây dân gian hay làm, không biết hiệu quả ra sao? nhưng đây là tín ngưỡng dân gian cần được suy ngẫm.

Song tại "Khố linh từ" việc thờ tự lại hiện diện các vị thuộc Tam phủ, Tứ phủ: Nói rõ hơn là thờ Tam tòa Thánh mẫu và các vị tả, hữu quan Hoàng, nhị vị Vương Cô, Sơn trang, Cô, Cậu... Và "Khố tinh từ" còn thờ cả Thành Hoàng bản thổ đại vương, thể hiện sự hòa đồng trong tín ngưỡng một cách rộng rãi. Do vậy khách hành hương cần lưu ý đến sự thờ tự để dâng lễ, dâng hương, lễ trước, lễ sau, ban nào, cung nào cho có thứ tự, tránh sự thất thố.

e) Đền Hùng - Vĩnh Phú

Đền Hùng ở Phong Châu tỉnh Vĩnh Phú thờ các Vua

Hùng đã có công dựng nước từ trước Công Nguyên. Khu di tích này có từ lâu đời, nhưng do chiến tranh, do thời gian nên bị mai một khá nhiều. Đầu và trong thế kỷ XX, di tích được tu sửa, mở mang công trình cũng như bậc đá lên xuống do vậy mà việc hành hương dâng lễ tại đền Hạ, đền Thượng, đền Trung và Chùa Thiên Quang được thuận lợi.

Đền Hùng là cội nguồn của dân tộc, nên hàng năm đến dịp mồng Mười tháng Ba, đồng bào cả nước nô nức trẩy hội đền Hùng. Về đây mọi người được dâng hương tưởng niệm tại đền Hạ để nhớ lại chuyện Lạc Long Quân và bà Âu Cơ sinh một bọc được 100 con trai. Khi các con khôn lớn, 50 người con theo cha xuống biển, 49 người con theo mẹ lên núi để lo mở mang bờ cõi, khai khẩn thành điền địa, làng xóm. Người con cả ở lại nối ngôi vua, lưu truyền được 18 đời, làm cho cộng đồng người Việt được hình thành, quốc gia ngày càng trở nên hùng mạnh.

Gần đền Hạ có chùa Thiên Quang (Ánh sáng trời). Ngôi chùa này được xây dựng từ thế kỷ XV - XVI theo kiểu chữ công (I) nhưng do chiến tranh, chỉ còn lại tòa Tiền Tế với nhiều cây cổ thụ khiến ngoại cảnh nơi đây khá quyến rũ. Năm 1954 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lên thăm đền Hùng và nghỉ chân tại sân chùa Thiên Quang.

Đền Trung là công trình được xây dựng sớm trên núi Hùng từ thời nhà Trần, thế kỷ XV bị giặc phá, sau đó được phục hồi. Đây là nơi Vua Hùng thứ VI đã hội tụ các con về núi Nghĩa Lĩnh cho thi làm cỗ và người con út Lang Liêu yêu lao động, thương dân đã làm bánh dày, bánh chưng tượng trưng cho trời và đất dâng Vương phụ. Lang Liêu được Vua cha khen "bánh thì ngon, ý thì hay" nên truyền ngôi cho.

Lên đền Thượng, khách hành hương được nghe kể lại chuyện các vua và quần thần làm lễ tế trời đất mong cho

quốc thái dân an, thuận hòa thời tiết để cho muôn dân được ấm no. Vì vậy đền Thượng được gọi "Kính Thiên Linh điện" (điện thờ Trời núi Nghĩa Linh). Tại đây còn có cây cột đá, tương truyền dựng vào thời Thục Phán. Sau khi được nhường ngôi, Thục An Dương Vương cho dựng cột đá để thể cùng non nước: giữ gìn giang sơn gấm vóc và nguyện hương khói tại lăng miếu các vua Hùng.

Về đây còn được thăm lăng Tổ (Hùng Vương lăng), thăm đền Giếng ở chân núi, tương truyền Tiên Dung và Ngọc Hoa là con gái Vua Hùng thường soi gương tại giếng này. Và cũng tại đây, khi về tiếp quản Thủ đô, Bác Hồ dẫn đoàn quân tiên phong:

"Các Vua Hùng đã có công dựng nước,

Bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước".

f) Đền Quan Lớn Tuần Tranh - Hải Hưng

Đền Quan lớn Tuần Tranh thuộc huyện Ninh Giang tỉnh Hải Hưng thờ một trong ngũ vị Quan lớn, (thường thờ ở Phủ Mẫu Liễu Hạnh)

Theo truyền thuyết thì trong hệ thống Ngũ Vị Quan Lớn, ông là quan Đệ Ngũ. Sinh thời ông hết lòng phò tá vua Hùng đánh giặc phương Bắc:

Ngon cờ thanh kiếm vua ban,

Đánh Đông dẹp Bắc cho an nước nhà.

Sông Tranh thuộc Ninh Giang, đã là bãi chiến trường trong sự nghiệp đánh ngoại xâm của ông, nên khi ông mất, nhân dân ở đây lập đền thờ để ghi nhớ kỷ niệm tốt đẹp của người anh hùng từ thời tiền sử:

"... Sông Tranh ơi hỡi sông Tranh

Non nước còn ghi trận tung hoành

Oai hùng lẫm liệt gương 'trắng sĩ

Nghìn thu còn để dấu anh linh...

Lễ hội ở đây thường mở từ ngày 25 tháng hai hàng năm. Khách hành hương về dự hội, khấn cầu rất đông. Ngoài việc tế lễ, hầu bóng hội Quan Lớn Tuần Tranh còn có các trò chơi dân gian mang tính thượng võ dân tộc.

1) Đền Kiếp Bạc - Hải Hưng

Kiếp Bạc xưa thuộc hương Vạn Kiếp lộ Lạng Giang. Thời Nguyễn thuộc địa phận hai xã Vạn Yên (làng Kiếp) và Dục Sơn (làng Bạc). Nay thuộc xã Hưng Đạo huyện Chí Linh tỉnh Hải Hưng.

Nơi đây là đại bản doanh, là vị trí quan trọng của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn trong thời chiến. Sau chiến tranh Hưng Đạo Vương ở tại Thái Ấp Kiếp Bạc và ngày 20-8 năm Hưng Long thứ Tám (1300) trái tim vị anh hùng ngừng đập cũng tại mảnh đất này.

Do công lao to lớn nên triều đình cho lập đền thờ ở trung tâm thung lũng Kiếp Bạc. Và công trình cũng bị giặc dã tàn phá nhiều lần. Thế kỷ XIX, XX công trình được phục hồi, nhưng cuộc chiến với thực dân Pháp, đền Kiếp Bạc lại bị phá dỡ tòa trung đường. Hiện nay đền Kiếp Bạc đã được phục hồi và lễ hội 20-8 hàng năm, cũng như các ngày tuần tiết nhân dân trong vùng, khách thập phương tấp nập kéo về dự lễ hội, dâng hương tại ban thờ Hưng Đạo Vương, cùng Thiên Thành Công Chúa (phu nhân).

Tại đền còn có tượng Đệ Nhất Khâm Từ hoàng hậu. (Quyên Thanh công chúa là con Hưng Đạo Vương)

Tượng Đệ nhị Anh Nguyên quận chúa, vợ Phạm Ngũ Lão (Con gái nuôi của Hưng Đạo Vương) và tượng Thượng tướng quân Phạm Ngũ Lão.

quốc thái dân an, thuận hòa thời tiết để cho muôn dân được ấm no. Vì vậy đền Thượng được gọi "Kính Thiên Linh điện" (điện thờ Trời núi Nghĩa Linh). Tại đây còn có cây cột đá, tương truyền dựng vào thời Thục Phán. Sau khi được nhường ngôi, Thục An Dương Vương cho dựng cột đá để thề cùng non nước: giữ gìn giang sơn gấm vóc và nguyện hương khói tại lăng miếu các vua Hùng.

Về đây còn được thăm lăng Tổ (Hùng Vương lăng), thăm đền Giếng ở chân núi, tương truyền Tiên Dung và Ngọc Hoa là con gái Vua Hùng thường soi gương tại giếng này. Và cũng tại đây, khi về tiếp quản Thủ đô, Bác Hồ dẫn đoàn quân tiên phong:

"Các Vua Hùng đã có công dựng nước,
Bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước".

f) Đền Quan Lớn Tuần Tranh - Hải Hưng

Đền Quan lớn Tuần Tranh thuộc huyện Ninh Giang tỉnh Hải Hưng thờ một trong ngũ vị Quan lớn, (thường thờ ở Phủ Mẫu Liễu Hạnh)

Theo truyền thuyết thì trong hệ thống Ngũ Vị Quan Lớn, ông là quan Đệ Ngũ. Sinh thời ông hết lòng phò tá vua Hùng đánh giặc phương Bắc:

Ngon cờ thanh kiếm vua ban,

Đánh Đông dẹp Bắc cho an nước nhà.

Sông Tranh thuộc Ninh Giang, đã là bãi chiến trường trong sự nghiệp đánh ngoại xâm của ông, nên khi ông mất, nhân dân ở đây lập đền thờ để ghi nhớ kỷ niệm tốt đẹp của người anh hùng từ thời tiền sử:

"... Sông Tranh ơi hỡi sông Tranh

Non nước còn ghi trận tung hoành

Đền Kiếp Bạc còn có 4 cỗ ngai thờ Tứ vị vương tử, là các võ tướng đã góp công sức đáng kể trong sự nghiệp đánh giặc bảo vệ chủ quyền dân tộc thế kỷ XIII.

k) Đền Lộ - Hà Tây

Đền Lộ còn gọi đền Đại Lộ, thuộc xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây. Đây là ngôi đền lớn nằm sát bờ sông Hồng, có cảnh quan thoáng đãng, rất thuận lợi cho việc tổ chức lễ hội.

Đền Lộ thờ Đại Càn Thánh Mẫu tức là Tứ Vị Thánh Nương như nguồn gốc ở đền Cờn Nghệ An, nên các thương thuyền, người buôn bán liên quan đến sông nước rất sùng bái. Đại tự ở đền ghi: "Càn Hải Phúc Thần" (Vị Phúc Thần của biển Đại Càn).

Hàng năm, từ ngày 1 đến ngày 10 tháng 2, nhân dân địa phương và thập phương tấp nập kéo nhau về dự hội. Đặc biệt nhất là đêm ngày 4 tháng 2, mọi người châu chực, thức suốt đêm để chuẩn bị cho giờ phút rước nước vào mờ sáng ngày 5 tháng 2.

Sau khi làm lễ, đoàn thuyền kiệu từ từ ra giữa dòng sông, cách đền chừng 3km, để múc những gáo nước trong cho vào bình làm nước Thánh. Trong giờ phút thiêng liêng này chiêng trống thúc lên, ban nhạc cổ vũ hành, hòa cùng tiếng hò reo của hàng ngàn người dọc bên bờ sông khiến không khí ngày hội thật sôi động.

Lễ rước nước xong, mọi người tiếp tục vào đền dâng lễ Tứ Vị Thánh Nương, hoặc xem các trò chơi dân gian mang tính thượng võ dân tộc.

* *l) Đền thờ Vua Đinh - Vua Lê - Ninh Bình*

Đền thờ Vua Đinh - Vua Lê thuộc xã Trường Yên huyện

Hoa Lư tỉnh Ninh Bình. Đền được xây dựng trong khu Thành Hội của Cố đô Hoa Lư - Thế kỷ X.

Đền Vua Đinh và đền Vua Lê làm song song, quay mặt ra sông nhỏ và núi Lãng, bốn phía có núi non bao bọc, cùng với dấu tích thành cổ Hoa Lư.

Đền Vua Đinh thờ Đinh Tiên Hoàng đế, cùng hai vương tử của ông, được xây dựng kiểu chữ công, chạm khắc trên công trình nhiều đề tài tinh vi nghệ thuật. Tại đây có các di vật bằng đá chạm khắc từ thế kỷ XVII rất tuyệt tác, như sập rồng bằng đá, nghệ đá, rồng đá..

Đền thờ Vua Lê kiến trúc, điêu khắc cũng tương tự như đền Vua Đinh nhưng thấp hơn, nhỏ hơn. Tại đền có tượng Lê Đại Hành hoàng đế, tượng Thái hậu Dương Văn Nga và tượng Lê Long Việt, Lê Long Đĩnh.

Lịch sử, công trình kiến trúc nơi đây, hòa cùng núi sông cây cỏ khiến khách hành hương phải suy tư, khâm phục bàn tay, khối óc người xưa và hình dung một quốc gia non trẻ Thế kỷ X với tên Đại Cồ Việt, không chỉ đẹp yên loạn nước, còn lập chiến công lẫy lừng làm cho quân Tống khiếp sợ.

Ngoài việc dâng hương tại đền, khách hành hương còn có thể leo lên núi Lãng, thấp hương tưởng niệm vua Đinh, vua Lê đồng thời bao quát cảnh núi rừng, sông nước nơi đây. Và nếu ai đi vào dịp hội tháng 3, hẳn còn được xem các trò vui dân gian, đặc biệt là xem vũ điệu "Cờ lau tập trận", nghe lời hát đầy nổi tự hào:

"Trời Nam ai biết ai đâu,

Hoa Lư có đám trẻ trâu oai hùng

Cờ lau tập trận vẫy vùng

Làm cho con Lạc - cháu Hồng về vang".

m) Đền Trần - Nam Định

Đền Trần thuộc xã Lộc Vượng ngoại thành Nam Định. Đền Trần còn gọi "Trần Miếu" là khu di tích bao gồm đền Thiên Trường, đền Cố Trạch và gần đó là Chùa Tháp Phổ Minh, đều liên quan đến lịch sử nhà Trần và vị anh hùng dân tộc Trần Quốc Tuấn.

Khu vực đền Trần nằm trên vùng đất mà 700 năm trước vương triều Trần đã xây dựng cung điện Thái Thượng Hoàng, cùng các vương phủ cho quý tộc Trần, mà dấu tích là gạch ngói, gốm cổ cùng các địa danh, bi ký, sử liệu đã ghi lại. Do vậy Đền Trần càng thêm ý nghĩa đối với hậu thế.

Hiện nay đền Thiên Trường thờ 12 vị vua Trần và 2 vị vua thời Hậu Trần nên người ta gọi là 14 vị vua Trần. Đền Cố Trạch (ngay bên cạnh đền Thiên Trường) thờ Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn cùng gia quyến, các tướng văn, tướng võ đã vào sinh ra tử kháng chiến chống đế quốc Nguyên - Mông thắng lợi.

Nam Định là quê hương nhà Trần, do vậy hàng năm tổ chức kỷ niệm đức Thánh Trần (20-8), nhân dân thập phương nô nức kéo về dâng hương tưởng niệm vị anh hùng dân tộc. Dân gian coi đây là ngày giỗ cha, "Tháng Tám giỗ cha" nên rất có ý thức về vấn đề này. Trong lễ hội thường có tế lễ, trình giầu, trình lính, ộp đồng, hầu bóng. Ngoài ra còn có các trò vui như đấu vật, chọi gà, múa rồng, múa lân... khiến không khí ngày hội rất náo nhiệt.

n) Đền Bảo Lộc - Nam Định

Đền Bảo Lộc thuộc xã Mỹ Phúc huyện Mỹ Lộc tỉnh Nam Định. Đây là thái ấp của An Sinh Vương Trần Liễu (Thân phụ Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn). Do vậy khách về hành hương đông không kém đền Trần.

Khu đền này tuy mới tôn tạo vào đầu thế kỷ XX, nhưng các tòa chính điện thờ Hưng Đạo Vương, cũng như tòa "Khải Thánh Vương tử" đều được thiết kế qui mô. Đặc biệt là tượng Hưng Đạo Vương, tượng Thiên Thành Công Chúa là phu nhân của Vương, tượng Thánh Phụ Trần Liễu... được đúc bằng đồng với kỹ thuật điêu luyện, hoa văn trang trí kỳ công, sắc nét.

Trước đây, lễ đền Bảo Lộc còn có việc xin bùa chấn trạch, bùa hộ mệnh, bắt ma, trừ tà... nặng về duy tâm. Ngày nay, một số tục lệ cổ hủ đã được giảm bớt, mọi người đi lễ cốt tâm thành, vừa để tri ân công đức đối với vị anh hùng dân tộc, vừa hy vọng đức Thánh anh minh sẽ độ trì cho gia sự an khang, thịnh vượng.

o) Phủ Dày - Nam Định

"Tháng Tám giỗ Cha, Tháng Ba giỗ Mẹ"

Dân gian cả nước truyền khẩu câu ngạn ngữ trên, như để nhắc nhở mọi người phải nhớ, phải ghi tâm khắc cốt phận sự làm con. Điều lạ kỳ là Thánh Mẫu Liễu Hạnh ở Phủ Dày giáng sinh năm Đinh Tỵ (1557), năm Đinh Sửu (1577) thì về trời. Còn Hưng Đạo Vương thì sinh năm 1226, năm 1300 đã qua đời, hơn Mẫu Liễu trên 300 tuổi mà dân gian lại ví là cha với mẹ. Người xưa còn liệt Mẫu Liễu vào hàng Tứ bất tử Việt Nam. So bà với Phù Đổng Thiên Vương, Tản Viên Sơn Thánh và Chử Đồng Tử Tiên Ông là những Thần nhân từ trước Công nguyên, tài đức phi phàm. Vậy Mẫu Liễu cũng là bậc phi phàm sao? là người mẹ đầy đủ nghi thức bà mẹ Việt Nam sao? Nếu không lỗi lạc, đức độ cao siêu thì sao được triều đình phong, nhân dân chấp thuận là bậc "Mẫu Nghi Thiên hạ" (khuôn mẫu bà mẹ của loài người). Và liệu có bởi vậy mà ấn tượng của Mẫu sâu sắc trong dân gian. Hàng năm trong dịp tháng Ba mọi người tấp nập trải hội phủ Dày...

p) Đền Lãnh Giang - Hà Nam

Đền Lãnh Giang thuộc xã Mộc Nam huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam. Nơi đây thờ quan lớn Đệ Tam, một vị tướng từ thời Hùng Vương trấn trị tại cửa sông, có công đánh giặc cứu nước.

Đền Lãnh Giang còn thờ cả Mẫu Thoải trong Tam Tòa Thánh mẫu, thờ Cô, thờ Cậu trong tứ phủ nên khách hành hương về đây rất đông. Hình thức lễ, tế, tín ngưỡng đa dạng, nhiều màu sắc. Đặc biệt, các vị thần đều trấn trị tại vùng sông nước, liên quan đến việc buôn bán, đi lại trên sông, biển nên khách hành hương có một lực lượng thuyền buôn, hàng chài khá đông, khiến cho đền Lãnh Giang quanh năm có khách về lễ bái.

q) Đền Sòng - Thanh Hóa

Đền Sòng ở gần đường quốc lộ 1A thuộc Tổng Sơn - Thanh Hóa, là ngôi đền bị tàn phá bình địa, sau nhân dân phục hồi nên dáng dấp công trình, kỹ thuật xây dựng còn thiếu sự kỳ công, nghệ thuật. Tuy vậy, theo truyền thuyết thì đền Sòng là nơi Mẫu Liễu Hạnh mở quán bán hàng để thử lòng người và trừng trị những kẻ trai lơ, hiếu sắc, kể cả hoàng tử con vua. Lại là địa bàn Mẫu đã giao chiến với Thiên binh, Thiên tướng... nên dân gian đã mau chóng phục hồi nếp lễ bái xưa, để ghi nhớ những việc làm quả cảm của một nữ lưu chống lại khuôn phép của nho giáo, chống lại cả mệnh trời, trở thành người Mẹ không thể chết trong lòng dân gian, nhất là đối với phụ nữ.

Trước kia lễ hội đền Sòng, liên quan đến hội Phủ Dầy. Đám rước từ Phủ Dầy vào Sòng Sơn và ngược lại, cách xa trên ba chục cây số mà nhân dân vẫn thực hiện. Phải chăng đền Sòng đã có ấn tượng sâu sắc đối với mọi người,

nhất là các đệ tử của Mẫu ở Thanh Hóa, do đó mới có câu: "Đền Sòng thiêng nhất xứ Thanh".

Hiện nay, trong dịp kỷ niệm tháng Ba, không có việc rước to tát như xưa, nhưng nhân dân trong vùng, khách thập phương vẫn không quên tới đền Sòng lễ Mẫu, thăm lại cảnh quan chốn linh từ.

r) Đền Cờn - Nghệ An

Đền Cờn thuộc xã Quỳnh Phương huyện Quỳnh Lưu tỉnh Nghệ An thờ Tứ vị Thánh nương (gồm Dương Thái Hậu, Hoàng hậu và hai công chúa nhà Triệu Tống).

Dương Thái Hậu cùng các tướng lĩnh nhà Nam Tống đóng quân tại Nhai Sơn, chống lại quân Mông Cổ nhưng thất thế. Vua quan và hàng chục vạn quân sĩ, nhân dân trăm mình xuống biển tuấn tiết. Riêng Thái Hậu và ba người con dùng thuyền nhỏ chạy sang phương Nam, nhưng gặp bão lớn cũng bị thiệt mạng và xác trôi dạt vào Cửa Cờn Quỳnh Lưu... Truyền thuyết nói các vị được Thượng đế phong làm Thần biển Nam và Dương Thái Hậu báo mộng giúp Vua Trần Anh Tôn đánh thắng quân Chiêm Thành. Bà còn âm phù cho Vua Lê Thánh Tông bình phương Nam thắng lợi, do vậy triều đình Trần, Lê phong sắc, cấp vàng bạc cho dân tu sửa, mở mang đền thờ...

Sau này nhà Tây Sơn, nhà Nguyễn mỗi khi có sự cố đều đến lễ cầu và thấy ứng nghiệm nên lại tiếp tục cấp kinh phí tu chỉnh đền thờ.

Thời gian chiến tranh làm hư hỏng nhiều hạng mục công trình, việc phục hồi chưa được toại nguyện, nhưng khách hành hương khắp nơi vẫn tấp nập về lễ Thánh Mẫu đền Cờn. Đặc biệt, từ 15 tháng Chạp đến 21 tháng Giêng lễ hội có bơi chải, thi tế trâu, tế trâu, tế bánh... nhất là các ngày 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21 tháng Giêng, tổ chức rước gổ

Thần (chạy ói) cuốn hút hàng ngàn người trong Nam, ngoài Bắc. Trong tháng hội Xuân này còn có nhiều trò vui mang đậm tính miền biển, cũng như màu sắc văn hóa truyền thống dân tộc.

s) Tháp Bà ở Nha Trang

Theo tín ngưỡng dân gian của người Chăm trước kia và các cư dân trong vùng Nha Trang - Khánh Hòa ngày nay thì Tháp Bà thờ tượng nữ Thần Polnu Nagar, Bà là mẹ tạo ra đất nước, tạo ra cây lúa và dạy dân trồng cấy sinh nhai...

Qua biến thiên lịch sử, người Việt tiếp thu nền văn hóa tinh túy của người Chăm, tạo nên sự chuyển tiếp Văn hóa Việt - Chăm rất đặc biệt và tục thờ Polnu Nagar trở thành Thánh Mẫu Thiên Y Ana, người ta còn quan niệm đây là Mẹ Âu Cơ, mẹ Liễu Hạnh, Bà Chúa Xứ, Bà Chúa Ngọc... Và lễ vía hàng năm 20 đến 23 tháng Ba nhân dân mở hội Tháp Bà rất trọng thể.

Lễ hội Tháp Bà thường có phần thay xiêm y (mộc dục) vào giờ Ngọ 20-3. Các thiếu nữ xinh đẹp, đức hạnh sẽ được làm việc thay, tắm rửa và mặc xiêm y mới cho Thánh Mẫu.

Sau lễ mộc dục đến dâng hương hoa, oản quả, rồi đến việc tụng niệm theo nghi thức nhà Phật, lễ cầu thần phù hộ cho quốc thái dân an. Sau lễ cầu Thần đến lệ múa bóng của các cô gái xiêm áo lộng lẫy, đầu đội hoa tươi, đèn ngũ sắc uốn lượn nhịp nhàng...

Sáng 23-3 có lễ tế Thần như người Việt. Tế chủ, chấp sự, thông xướng... thứ tự dâng hương, dâng hoa, dâng rượu, đọc văn tế...

Ngoài các hình thức trên, còn có hầu bóng, xin thẻ (xin xăm) thu hút hàng vạn lượt người đến dâng lễ.

Tín ngưỡng Polnư Nagar hay Thiên - Y Ana đã trở thành đời sống tâm linh của nhân dân trong vùng và nó đã trở thành nơi lễ hội lớn nhất của Khánh Hòa, lễ hội dân gian truyền thống mang ý nghĩa dung hợp văn hóa Việt - Chăm trong lịch sử.

t) Điện Ngọc Hoàng - Quận I thành phố Hồ Chí Minh

Điện Ngọc Hoàng thờ 12 bà mẹ, tức là thờ "Thụ tử thần" (thần ban con). Đây là tập tục mà người Việt tiếp thu của người Hoa và theo truyền thuyết thì có tới thập nhị thủ bà, còn gọi 12 Bảo mẫu. Chính vậy nên thường có tượng 12 nữ bông con, hoặc tắm rửa, cho con bú... ở các tư thế khác nhau. Và tất nhiên mỗi bà ở một công đoạn tạo ra thụ thai, định trai hay gái, an thai, hộ sản... và cũng có các tên hiệu khác nhau như Vạn tứ nương (chú thai) Tăng ngũ nương (ẵm, trao trẻ sơ sinh), Hứa đại nương (bảo hộ khi sinh...).

Điện Quận I thành phố Hồ Chí Minh thờ Ngọc Hoàng là chính. Song việc thờ 12 bà mẹ theo tín ngưỡng dân gian đã làm cho điện thờ thêm ý nghĩa, nhất là giữ gìn được tập tục thờ "mẹ sinh" có từ lâu đời (nay bị mai một, rất ít nơi còn duy trì được tập tục này).

u) Đền thờ Núi Bà Đen - Tây Ninh

Đền thờ núi Bà Đen còn gọi đền Linh Sơn Thánh Mẫu. Nhưng lai lịch núi Bà Đen ra sao vẫn còn trong huyền thoại: Có thuyết cho Bà là người văn võ toàn tài, lại căm ghét bọn tham quan vô lại ở Quan Hóa, đang thông đồng với quân Xiêm xâm lăng nước ta, nên bà đã chiêu tập quân sĩ để chặn đánh quân giặc và đã góp công trong trận Rạch Gầm đánh bại quân Xiêm. Nhưng sau trận Rạch Gầm bà đi thăm lại mộ cha, không may bị lọt vào vòng vây của địch.

Bà đã chiến đấu để bảo vệ danh tiết đến hơi thở cuối cùng, rồi lao đầu xuống khe tự vẫn.

Truyền thuyết nói bà là người có tinh thần yêu nước lại có đức độ nên được thần linh giúp đỡ, trở thành vị tu tiên đắc đạo thường hiển linh trên đỉnh núi.

Để tưởng nhớ người con trung hậu, nhân dân địa phương đã lập đền thờ bà ngay lưng chừng núi và cầu xin bà phù hộ độ trì cho dân làng bình an vô sự.

Việc cầu nguyện có linh nghiệm nên triều đình nhà Nguyễn cấp sắc phong là "Linh Sơn Thánh Mẫu". Ấy vậy mà dân gian còn gọi quả núi này là núi Bà Đen. Phải chăng tượng thờ bà bằng đồng đen, hay vì lúc sinh thời bà có nước da ngăm đen nên dân gian gọi núi Bà Đen?

Đền Linh Sơn Thánh Mẫu đã và đang được phục hồi tôn tạo. Công trình, cảnh quan nơi đây thanh u, hùng vĩ khiến du khách trong suốt mùa xuân tấp nập lui tới dâng hương, cầu nguyện Thánh Mẫu ban tài, phát lộc, độ trì cho sức khỏe Khang cường, đồng thời ngắm cảnh núi non, chùa chiền danh thắng Linh Sơn Bà Đen.

v) Miếu Quan Đế - thành phố Hồ Chí Minh

Miếu Quan Đế (Nghĩa An hội quán) ở thành phố Hồ Chí Minh là công trình lớn, được người Hoa và nhân dân sùng bái. Miếu thờ Quan Đế tức Quan Vân Trường, còn gọi Quan Vũ là danh tướng phò nhà Hán thời Tam Quốc. Bởi lòng trung thành và đức độ của ông nên người Hoa, người Việt đã lập miếu thờ ông ở khắp các tỉnh thành trong nước, nhất là những địa bàn có đông người Hoa.

Điều đặc biệt là ông được các triều đình Trung Quốc hết sức tôn vinh, phong từ Vũ An Vương (1102) lên Đại Đế, rồi Vũ Đế, thờ ngang với Khổng Tử. Hàng năm các quan

phải đến cúng tế từ 13 tháng Giêng. Có nơi còn thờ ông trong chùa gọi là Già Lam Thần.

Ngày 13 tháng Năm là ngày lễ chính, được nhân dân đến dâng hương, tế lễ rất đông.

x) Miếu thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu - thành phố Hồ Chí Minh

Miếu Thiên Hậu (Tuệ Thành hội quán) tại Chợ Lớn thành phố Hồ Chí Minh là ngôi miếu cổ, thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu từ lâu đời. Có ảnh hưởng rộng khắp ở thành phố Hồ Chí Minh và Nam Bộ.

Hàng năm, vào ngày 23 tháng ba lễ Vía Thiên Hậu được tổ chức rất trọng thể. Nhưng dịp cuối năm (28 Tết) ở đây còn tổ chức lễ khai ấn. Ấn bằng đồng, hình vuông cạnh 9 cm. Mặt ấn khắc 4 chữ triện "Hộ quốc tể dân" (giúp nước cứu dân). Ban tự trị gấp thăm, ai bắt được thăm có chữ "Bê ấn" sẽ được bê ấn, cho người có thăm "Khai ấn đại kiết" đóng. Đầu tiên ấn đóng vào hai tờ giấy đỏ để dán vào cột chính ở cung Thiên Hậu. Sau đó mọi người đua nhau đưa khăn vào xin ấn và những vuông khăn đó được mọi người xếp lại lấy may, hy vọng trong năm sẽ được Thiên Hậu Thánh Mẫu độ trì cho cuộc sống bình an, hạnh phúc.

Tín ngưỡng, nghi lễ thờ Thiên Hậu được mọi người rất coi trọng. Không cứ ở miếu, mà ngay tư gia người ta cũng lập ban thờ Bà. Thờ cúng Bà hướng đến cái thiện cho cộng đồng và bản thân, gia quyến.

IV- MẤY LỜI KẾT

Nói đến nghi lễ thờ cúng truyền thống là nói tới việc nghĩa vốn có từ lâu đời. Vì lễ là từ nghĩa mà ra, không có nghĩa thì sao có lễ, như cổ nhân đã dạy:

"Lễ giả nghĩa chi thực dã"

Do vậy người ta thường nói lễ - nghĩa. Người có nghĩa là người thiện, người tốt đẹp. Chữ nghĩa có trong phạm trù triết học phương Đông: "Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín".

Nghi là hình thức bày tỏ lòng tôn kính trong khi cúng tế hay trong giao tiếp. Do vậy nghi lễ là hình thức thể hiện việc nghĩa của người đối với người, người đối với Thiên nhiên, siêu nhiên nào đó đã có ân sâu, nghĩa nặng sinh thành, dưỡng dục, tạo dựng nên làng xã, giang sơn cho một bộ tộc, dân tộc nào đó trường tồn. Vậy nghi lễ thờ cúng truyền thống là việc làm mà ông cha ta đã làm để giữ gìn bản chất tốt đẹp của Tổ tiên, làng xã cũng như dân tộc.

Viết tập *Nghi lễ thờ cúng truyền thống* cũng là sưu tầm chép lại những điều ông cha đã viết, ông cha đã làm trong hoàn cảnh cuộc sống trăm nghìn nỗi khó khăn, không biết bầu vùi vào đâu? trông cậy vào ai? Tuy nhiên, với thời đại mới, cũng không nên quá câu nệ bởi các "luật" tục liên quan đến nghi lễ. Nhất là việc ma chay. Thời đại ngày nay việc giữ gìn cổ lệ theo tư tưởng triết học phương Đông cũng đã có sự thay đổi. Thay đổi để phù hợp trên cơ sở giữ gìn

bản sắc, tránh những mê muội, những quan điểm bảo thủ... Có vậy nghi lễ mới trở thành văn hóa. Văn hóa mang tâm hồn Việt Nam. Một tâm hồn cương nghị, có trí tuệ lại từ bi, nhân ái.

Nghi lễ thờ cúng tại nhà và các đình, chùa, đền, miếu, phủ còn liên quan đến các hội làng. Nó là một phần hoạt động của hội. Không có tế lễ thì hội trở nên khô khan, tẻ nhạt và mất đi ý nghĩa tâm linh trong lễ sống. Nhưng lễ hội thời đại mới mà biết vận dụng các chương trình thể thao, văn nghệ theo sở thích của tầng lớp trẻ thì ý nghĩa càng được nhân lên, trở thành đời sống tinh thần của quảng đại quần chúng. Vậy lễ và hội phải có sự kết hợp hài hòa như hai chân của một con người vậy!

Sách *Nghi lễ thờ cúng truyền thống* tuy đã dày công sưu tầm nghiên cứu, dịch thuật, nhưng không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong chư vị học giả, cùng quý bạn đọc gần xa thể tình lượng thứ.

Hy vọng đây sẽ là cuốn sách bổ ích cho mọi người, mọi nhà khi muốn trở về với cội nguồn, với sự lễ và nghĩa theo tiết độ lễ trời và cũng là nghi thức công việc của người, như cổ nhân đã nói:

"Lễ giả thiên lý chi tiết văn, nhân sự chi nghi tắc"

(Lễ là đức của lễ trời, mà cũng là qui tắc công việc của người)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Đại Việt sử ký toàn thư*
- *Văn hóa dân gian Nam Bộ* (Những phác thảo)
Nhà xuất bản Giáo dục - 1997
- *Văn hóa học đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam*
Nhà xuất bản Khoa học Xã hội - 1996
- *Lễ làng Việt Nam*
Nhà xuất bản Hà Nội - 1999.
- *Phật học phổ thông*
Thành hội Phật giáo thành phố Hồ Chí Minh - 1996
- *Lễ hội truyền thống và hiện đại*
Nhà xuất bản Văn hóa - 1984
- *Lịch lễ hội*
Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin
- Tạp chí *Phật học*
- Tạp chí *Xưa và nay*
- *Từ điển Lễ tục Việt Nam*
- *Đình Nam bộ xưa và nay*
Nhà xuất bản Đồng Nai - 1997
- *Mẫu Liễu sử thi*
Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc - 2000

- *Hát châu văn*

Nhà xuất bản Âm nhạc - 1996

- *Nam Định tỉnh địa dư chí* - Khiếu Năng Tĩnh

(Sách chữ Hán Thế kỷ XIX)

- *Thọ Mai gia lễ* - Hồ Gia Tân

Khắc bản in n/h Duy Tân - 1996

- *Văn khấn nông truyền thống*

Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc - 2000

- *Ngọc Phả, Văn tế một số đình, đền, miếu ở Hà Tây, Hà Nam, Nam Định...*

- *Phong tục thờ cúng trong gia đình Việt Nam*

Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin - 2000

- *Dâng hương Tập tục và Nghi lễ*

Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin - 1995

- *Tìm hiểu phong tục Việt Nam*

Nếp cũ - Tết, Lễ - Hội hè

- *Văn tế (chữ Hán) đình, chùa Đồng Du Trung Bình Lục - Hà Nam*

(Dương Văn Vượng phiên âm)

- *Hán học danh ngôn*

Nhà xuất bản Đồng Nai - 1995

MỤC LỤC

I. Giới thiệu	5
II. Nghi lễ thờ cúng tại nhà	13
1. Mấy nét về bản chất và đạo lý gia tộc	13
2. Từ lễ tiết đến kỵ nhật Gia tiên	17
A. Lễ tiết trong năm	17
B. Kỵ nhật, hiếu, hỷ, sóc vọng	71
III. Nghi lễ ở chùa - đình đền miếu phủ	106
1. Khái quát về tín ngưỡng dân gian	106
2. Lên chùa lễ Phật	108
3. Các danh sơn cổ tích - chùa cảnh cần lưu ý	137
4. Lễ tại đình	149
5. Lễ tại đền, miếu phủ	162
6. Một số đền, miếu, phủ tiêu biểu	198
IV. Mấy lời kết	215
Tài liệu tham khảo	217

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

A2, 261 Thụy Khuê, Q. Tây Hồ * ĐT: (04) 3728.1360
TT Bán thảo & bản quyền: (04) 3726.1582
Web: nxbhongduc.vn * Email: lienhe@nxbhongduc.vn

**NGHI LỄ THỜ CÚNG TRUYỀN THỐNG
CỦA NGƯỜI VIỆT**

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Thạc sỹ HOÀNG CHÍ DŨNG

Biên tập:

Vẽ bìa:

Sửa bản in:

**BAN TIẾNG VIỆT
TRỌNG KIẾN
BIENTAP.COM**

PHÁT HÀNH TẠI

Nhà sách Huy Hoàng

95 Núi Trúc, Ba Đình, Hà Nội

Tel/Fax: (04) 3736.5859 – 3736.6075

Mobile: 0903.262626

Nhà sách Thành Vinh

59 Đường Trần Phú, Tp. Vinh, Nghệ An

Tel/Fax: (038) 3591.167 – Mobile: 0912.109349

www.huyhoangbook.com.vn

In 1000 cuốn, khổ 16x24 cm tại Xưởng in Báo Thể Thao Việt Nam
Giấy chấp nhận ĐKKHXB: 732-2008/CXB/50-29/HĐ
In xong và nộp lưu chiểu năm 2008.

NGHI LỄ THỜ CÚNG

TRUYỀN THỐNG
CỦA NGƯỜI VIỆT

(TẠI NHÀ, CHÙA, ĐÌNH, ĐỀN, MIẾU, PHỦ)

Danh
Sơn
Cổ
Tích



Nhà sách Huy Hoàng
95 Núi Trúc, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
Tel/Fax: 7365859 - 7366075 - Website: www.huyhoangbook.com.vn